

ĐẠI HỌC NÔNG LÂM HUẾ  
KHOA KHUYẾN NÔNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BÀI GIẢNG

# QUẢN LÝ TRANG TRẠI

BIÊN SOẠN: THS. HO LÊ PHI KHANH

Bài giảng Quản lý Trang trại

HUẾ, 2011

# Chương 1

## ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA MÔN HỌC QUẢN TRỊ TRANG TRẠI

### I. ĐỐI TƯỢNG CỦA MÔN HỌC QUẢN TRỊ TRANG TRẠI

#### 1.1 Khái niệm về trang trại

FAO (1997) đã đưa ra khái niệm trang trại trên cơ sở khái niệm nông trại. Nông trại (farm) là một mảnh đất mà trên đó nông hộ thực hiện các hoạt động sản xuất nông nghiệp phục vụ cho sinh kế của hộ. FAO đã phân chia nông trại ở khu vực châu Á thành 6 loại hình cơ bản theo mục đích sản xuất, diện tích đất đai và mức độ phụ thuộc.

1. Nông trại gia đình qui mô nhỏ sản xuất theo hướng tự cấp tự túc

Đối với nông trại thuộc loại này, "tự cấp tự túc" (sản xuất để tiêu thụ gia đình) là mục tiêu chủ yếu của nông trại. Có thể có sản phẩm để bán nhưng không đáng kể. Nông trại thuộc loại này thường độc lập với bên ngoài (không chịu tác động của thị trường).

2. Nông trại gia đình qui mô nhỏ một phần sản xuất hàng hóa

Mục tiêu của nông trại thuộc loại này là (1) tiêu thụ gia đình thông qua việc sản xuất các nông sản phục vụ cho tiêu thụ gia đình hàng ngày và (2) thụ nhập tiền mặt thông qua việc bán sản phẩm dư thừa so với yêu cầu tiêu thụ của gia đình.

3. Nông trại gia đình qui mô nhỏ sản xuất chuyên môn hóa và độc lập

Đặc trưng của nông trại thuộc loại này là chuyên môn hóa trong một số hoạt động sản xuất trồng trọt, chăn nuôi cụ thể. Mục tiêu của nông trại loại này cũng bao gồm sản xuất hàng hóa và tiêu thụ gia đình nhưng ở mức độ chuyên môn hóa.

4. Nông trại gia đình qui mô nhỏ chuyên môn hóa sản xuất nhưng phụ thuộc

Tương tự như loại hình trang trại 3 nhưng có một khác biệt cơ bản là hộ gia đình ít có quyền lực trong việc ra quyết định sản xuất của nông trại. Điều này do một số lý do sau:

- Đất sản xuất của nông trại không thuộc quyền sở hữu của gia đình mà được thuê mượn từ các chủ đất.

- Hộ gia đình phải vay mượn các đầu vào cho sản xuất từ các doanh nghiệp và sản xuất hàng hóa theo yêu cầu của các doanh nghiệp

- Sự can thiệp của chính phủ vào hoạt động sản xuất của gia đình (qui hoạch vùng sản xuất).

5. Nông trại gia đình sản xuất hàng hóa với qui mô lớn

Nông trại loại này có qui mô như một trang trại và người hưởng lợi của nông trại là các thành viên trong gia đình, cũng là chủ nông trại mà không phải là người ngoài gia đình làm chủ và hưởng lợi. Mục tiêu hoạt động của nông trại loại này là lợi nhuận thông qua sản xuất hàng hóa bán ra thị trường.

6. Trang trại sản xuất hàng hóa

Đặc trưng của nông trại thuộc loại này là sản xuất độc canh, diện tích nông trại lớn từ 20 - 200000 ha. Người hưởng lợi chủ yếu của nông trại là người chủ nông trại, họ chỉ làm công tác quản

lý. Lao động cho nông trại hoàn toàn được thuê mướn. Lợi nhuận là mục tiêu hàng đầu của nông trại.

Loại hình nông trại thứ 5 và 6 được xem là trang trại. Như vậy, trang trại là nông trại có qui mô lớn, tập trung vào sản xuất hàng hóa để bán ra thị trường nhằm mục tiêu chủ yếu là tạo lợi nhuận.

- Ở Việt Nam, theo Tổng cục thống kê (1998) một trang trại phải hội đủ 4 đặc điểm sau:

1. Có qui mô sản xuất tương đối lớn so với mức trung bình của kinh tế hộ tại địa phương, tương ứng với từng ngành sản xuất cụ thể như trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

- Đối với các trang trại trồng cây hàng năm là chủ yếu thì ở miền Bắc và miền Trung phải có diện tích từ 2 ha canh tác trở lên, còn ở các tỉnh Nam bộ phải có diện tích từ 3 ha trở lên.

- Đối với trang trại trồng các loại cây lâu năm và cây ăn quả, thì ở các tỉnh miền Bắc và miền Trung phải có diện tích từ 3 ha trở lên, ở các tỉnh Nam Bộ phải có diện tích từ 5 ha trở lên.

- Đối với trang trại chăn nuôi như trâu bò phải có từ 50 con trở lên, lợn 400 con trở lên (không kể lợn sữa dưới 2 tháng, gia cầm có từ 2.000 con trở lên (không tính số con dưới 7 ngày tuổi).

- Đối với trang trại lâm nghiệp phải có 10 ha đất rừng trở lên.

- Đối với trang trại nuôi trồng thủy sản phải có từ 2 ha diện tích mặt nước trở lên.

2. Có sử dụng lao động làm thuê thường từ 2 lao động /năm. Nếu lao động thời vụ thì quy mô qui đổi thành lao động thường xuyên

3. Chủ trang trại phải là người có kiến thức, kinh nghiệm về nông, lâm, ngư nghiệp và trực tiếp điều hành sản xuất tại trang trại.

4. Lấy sản xuất hàng hóa làm hướng chính và có thu nhập vượt trội so với trung bình của kinh tế hộ tại địa phương.

Như vậy, nông hộ được xem là cơ sở để hình thành trang trại, một nông hộ bình thường không được xem là trang trại, khi nông hộ phát triển đến một mức độ nhất định hội đủ các đặc điểm của trang trại sẽ được xem là một trang trại. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có sự thống nhất trong việc xác định trang trại và phân biệt giữa trang trại và nông hộ sản xuất hàng hóa giữa các vùng khác nhau, cho nên cùng là một hình thức tổ chức kinh tế giống nhau mà có nơi gọi là trang trại (như Yên Bái, Bình Dương, Bình Phước), có nơi gọi là hộ sản xuất kinh doanh tổng hợp (như Sóc Trăng). Vì thế mà số lượng trang trại được thống kê trên cả nước thường không chính xác.

## Những đặc điểm cơ bản của kinh tế trang trại ở nước ta hiện nay

Đặc điểm	Nội dung
Tính chất sản xuất hàng hóa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất hàng hóa là chức năng chính của kinh tế trang trại.</li> <li>- Tỷ suất hàng hóa cao, thường khoảng trên 70%.</li> <li>- Các chỉ tiêu về ruộng đất, vốn, lao động,... lớn hơn nhiều so với kinh tế hộ tiểu nông.</li> </ul>
Chủ trang trại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang trại như là một doanh nghiệp do chủ gia đình là chủ trang trại.</li> <li>- Nhiệm vụ của chủ trang trại là điều hành sản xuất và trực tiếp tham gia lao động sản xuất.</li> <li>- Chủ trang trại là người có ý chí làm giàu, có kinh nghiệm và hiểu biết về sản xuất và kinh doanh nông nghiệp, nắm bắt được nhu cầu thị trường.</li> </ul>
Lao động trong trang trại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ yếu là lao động gia đình.</li> <li>- Một phần lao động thuê mướn hay thuê theo công nhật hoặc hợp đồng theo thời vụ.</li> <li>- Lao động chính thường là chủ trang trại</li> <li>- Tập thể lao động chính và phụ ở đây có mối quan hệ huyết thống, gần gũi như: vợ, chồng, cha, mẹ, anh, em,...</li> <li>- Lao động được tổ chức gọn nhẹ, đơn giản; quản lý, điều hành linh hoạt, dễ dàng, hiệu quả lao động cao.</li> <li>- Lao động thuê ngoài không nhiều, thường cùng ăn cùng làm với chủ trang trại nên dễ tạo ra sự thông cảm với nhau trong công việc cũng như trong hưởng thụ thành quả lao động.</li> </ul>
Khai thác và sử dụng đất đai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khai thác đất đai trực tiếp bằng sức lao động và kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp của gia đình là chính.</li> <li>- Không khai thác đất đai gián tiếp trong hình thức tổ chức nông nghiệp thuê lao động là chính làm cho người lao động không gắn với đất đai.</li> </ul>
Qui mô ruộng đất và phương thức sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Qui mô ruộng đất lớn hơn nhiều so với mức trung bình của hộ gia đình, liền vùng, liền khoảnh.</li> <li>- Qui mô sản xuất trang trại luôn thay đổi theo thời gian và theo vùng sản xuất.</li> </ul>

## 1.2. Yêu cầu của sự phát triển trang trại trong nền kinh tế thị trường và chủ trương định hướng của Nhà nước

### 1.2.1 Yêu cầu phát triển kinh tế trang trại

Từ sau nghị quyết 10 của bộ chính trị (tháng 4 năm 1988) và Nghị quyết hội nghị Trung ương Đảng khóa 6 (tháng 3/1989), "gia đình xã viên trở thành những đơn vị kinh tế tự chủ", hộ nông dân (nông hộ) trong cả nước đã huy động được mọi khả năng sẵn có về lao động, vật tư, tiền vốn để đầu tư sản xuất trên 90% diện tích đất canh tác. Kết quả đã sản xuất ra được 98% tổng sản lượng thóc,

99% sản lượng rau, 95% sản lượng cây công nghiệp ngắn ngày và 97% sản lượng chăn nuôi gia súc, gia cầm. Nhờ đó sản xuất nông nghiệp và đời sống nông thôn nhìn chung đã đạt kết quả cao hơn hẳn những thời kỳ trước đây.

Tuy nhiên tỉ suất nông sản hàng hóa của nông dân (đến năm 1991) còn rất thấp, mới có 20%. Tình trạng này là do qui mô về những điều kiện phát triển sản xuất hàng hóa của kinh tế nông hộ (kinh tế tiểu nông) như ruộng đất, vốn, kỹ thuật, thị trường, ... bị hạn hẹp, dẫn đến năng suất lao động thấp. Sản phẩm làm ra căn bản mới đủ để tự cấp tự túc, phần còn lại là sản phẩm hàng hóa ít. Đó cũng là tất yếu của nền kinh tế tiểu nông. Hay có thể nói là những giới hạn của kinh tế nông hộ. Bên cạnh đó, nền kinh tế luôn luôn vận động, và có nhiều sự đổi mới, nhu cầu về nông sản phẩm ngày càng tăng. Do đó, kinh tế hộ tuy có nhiều ưu việt, nhưng với hiện trạng kinh tế hộ như thế sẽ khó có thể đáp ứng được những điều kiện cho thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn. Và vì lẽ đó cũng không thể thỏa mãn nhu cầu cho nền kinh tế cất cánh.

Để thoát ra khỏi những hạn chế về sản xuất nông sản hàng hóa của kinh tế hộ, trong quá trình đổi mới, nền kinh tế hàng hóa phát triển từ trình độ thấp đến trình độ cao để phù hợp với những quy luật hoạt động của nền kinh tế thị trường được khuyến khích phát triển. Trong điều kiện đó, kinh tế nông hộ đã và đang diễn ra hai xu hướng: vừa phát triển nền kinh tế hàng hóa, vừa phân cực thành nông hộ giàu và nông hộ nghèo. Nông hộ giàu từng bước phát triển thành những trang trại sản xuất hàng hóa, có qui mô kinh doanh hợp lý. Như vậy, sự hình thành kinh tế trang trại là tất yếu khách quan của quá trình phát triển, vì những lý do sau:

- Thứ nhất, tích tụ và tập trung sản xuất là quy luật của quá trình chuyển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, từ hàng hóa giản đơn lên sản xuất hàng hóa trình độ cao.
- Thứ hai, xuất phát từ quy luật quan hệ sản xuất phải thích ứng với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
- Thứ ba, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất công nghiệp là nội dung chủ yếu của công nghiệp hóa.
- Thứ năm, xuất phát từ nội dung vận hành của cơ chế thị trường. Qui mô dung lượng của thị trường được quyết định bởi số lượng, chủng loại hàng hóa.

### 1.2.2 Chủ trương, định hướng phát triển kinh tế trang trại ở nước ta

Hội nghị TW5 khóa VII, Đảng ta đã đề ra chủ trương khuyến khích xây dựng các trang trại: "...khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các loại giống mới có hiệu quả kinh tế cao; khai thác đồi núi trọc, bãi bồi ven biển, nuôi trồng thủy sản, đánh bắt ngoài khơi; xây dựng các nông lâm ngư trại với qui mô thích hợp..."

Trong Nghị quyết Hội nghị TW4 khóa VIII, phương hướng khuyến khích kinh tế trang trại đã được xác định rõ thêm: "Kinh tế trang trại với các hình thức sở hữu khác nhau (Nhà nước, tập thể, tư nhân) được phát triển chủ yếu để trồng cây dài ngày, chăn nuôi đại gia súc ở những nơi có nhiều ruộng đất; khuyến khích việc phá đất hoang và mục đích này"

Ở hội nghị lần thứ 6 (lần 1) ban chấp hành Trung ương khóa VII, bộ chính trị đã có quan điểm cụ thể về một số loại hình trang trại: "Nhà nước khuyến khích phát triển trang trại gia đình; riêng với trang trại tư nhân (kể cả tư nhân ở nơi khác hoặc thành phố) được khuyến khích phát triển theo quy định của pháp luật để khai thác đất trống, đồi núi trọc, đất khai hoang hóa ở trung du miền núi và

vùng ven biển ; còn ở vùng đồng bằng chủ yếu chỉ hướng vào việc đầu tư xây dựng các trang trại chăn nuôi hoặc công nghiệp chế biến, khi có điều kiện thì khuyến khích các nhà kinh doanh tư nhân trong nông nghiệp đi vào con đường tư bản nhà nước "

Các chủ trương trên định hướng về kinh tế trang trại ở nước ta trong thời gian đến là :

- Trước hết cần làm rõ khái niệm, nhận dạng được các loại hình kinh tế trang trại hình thành và phát triển ở địa phương để áp dụng các chính sách phù hợp. Có thể xác định trên cả nước đang có 2 loại hình trang trại được quan tâm là trang trại gia đình và trang trại tư nhân nhưng phổ biến là trang trại gia đình. Trang trại gia đình thực chất là kinh tế hộ sản xuất hàng hóa qui mô lớn hơn so với hộ gia đình. Trang trại tư nhân là trang trại đủ điều kiện đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần.

- Khuyến khích phát triển trang trại gia đình ở các vùng miền ; cán bộ đảng viên cơ gia đình làm nông nghiệp làm trang trại như các hộ dân khác.

Đối với vùng đồng bằng khuyến khích các trang trại sử dụng ít đất đai như trang trại chăn nuôi, trang trại chế biến nông sản thực phẩm, thức ăn gia súc....

Đối với vùng đất trống, đồi núi trọc, đất hoang hóa ở trung du, miền núi và vùng ven biển, khuyến khích các trang trại tư nhân có nhiều vốn đầu tư khai phá đất đai sản xuất kinh doanh nông lâm ngư nghiệp.

- Ngoài hai loại hình trang trại trên Nhà nước còn khuyến khích các trang trại gia đình liên kết, hợp tác hình thành trang trại hợp tác xã theo luật hợp tác xã.

### 1.3 Tình hình phát triển kinh trang trại ở Việt Nam, những thành tựu đạt được và tồn tại

Theo tài liệu của vụ Nông Nghiệp, Tổng cục Thống kê, năm 1989 cả nước có 5.125 trang trại, đến năm 1992 đã tăng lên đến 13.246 trang trại, nhiều gấp 2,5 lần. Đến năm 1999 cả nước có 90.167 trang trại, tăng gấp 6,8 lần so với năm 1992 và gấp 17,3 lần (sau 10 năm) so với năm 1989.

Diện tích đất kinh doanh nông nghiệp trong cùng thời gian 1989-1992 đã tăng từ 22.946 hecta lên 58.282 ha, gấp 2,4 lần. Đến năm 1999 tăng lên 58.282 ha, gấp gần 7 lần so với năm 1992 và 17 lần so với năm 1989.

Vốn đầu tư của các trang trại trong cả nước nếu tính từ khi mới thành lập ở năm 1989 của 5.215 trang trại có chừng 513.677 triệu đồng thì tính đến năm 1999 của 90.167 trang trại đã đầu tư đến 18 triệu triệu đồng nhiều gấp 35 lần. Điều đó phản ảnh trình độ đầu tư thâm canh, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của các trang trại trong 10 năm qua đã dần dần tăng lên. Tổng giá trị sản phẩm bình quân của các trang trại trong năm 1997-1000 được chừng 9.600 tỉ đồng/năm, chiếm 8% tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp. Đặc biệt là tỉ suất nông sản hàng hóa của các trang trại ở năm 1992 chiếm 78,6% thì năm 1999 đã tăng lên đến 86,7%

- *Vùng miền núi và trung du :*

Về thực chất đã xuất hiện các trang trại từ trước những năm đổi mới kinh tế, nhưng qui mô còn nhỏ bé dưới hình thức các mô hình kinh tế gia đình kiểu vườn rừng, vườn đồi,... Trong những năm đổi mới, kinh tế trang trại trong vùng phát triển mạnh hơn các vùng khác và hình thành từ 3 dạng chủ yếu : Từ các hộ vùng đồng bằng lên xây dựng vùng kinh tế mới, các hộ vốn là các thành viên của các nông lâm trường, một số tư nhân đến xin nhận hoặc thuê đất lập trang trại để tiến hành sản xuất kinh doanh.

Phương hướng kinh doanh chủ yếu dưới dạng : kinh doanh tổng hợp theo phương thức nông lâm kết hợp; chuyên trồng cây ăn quả; chuyên trồng cây công nghiệp, chuyên chăn nuôi đại gia súc, ... và chuyên trồng cây lâm nghiệp.

- *Vùng ven biển :*

Tùy theo điều kiện của từng vùng các nông, ngư trại, .. phát triển theo qui mô và đặc điểm khác nhau. Trong đó, vùng ven biển miền Bắc, miền Đông nam bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã tương đối phát triển và phân thành 2 loại chủ yếu : Kinh doanh lớn chuyên về nuôi trồng hải sản, hộ ít vốn có sự kết hợp nuôi trồng hải sản với sản xuất nông nghiệp. Qui mô ở ven biển Đông nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long gấp 2 - 3 lần vùng ven biển Bắc Bộ. Vùng ven biển miền Trung, sự phát triển các ngư trại còn hạn chế.

- *Vùng đồng bằng :*

Đã xuất hiện các trang trại trồng trọt và chăn nuôi, nhưng quy mô nhỏ trong đó có sự kết hợp với ngành nghề phi nông nghiệp.

Kinh tế trang trại trở thành nhân tố mới cho sự phát triển ở nông thôn. Phát triển kinh tế trang trại là động lực mới nối tiếp và phát huy động lực kinh tế hộ, là điểm đột phá trong bước chuyển nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa. Các trang trại đã tạo ra môi trường nông sản hàng hóa từng bước đáp ứng tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Chủ trang trại có cơ cấu xuất thân rất đa dạng, trong đó các chủ trang trại chủ yếu có nguồn gốc từ hộ nông dân làm ăn giỏi là chủ yếu (71,19%), ngoài ra chủ trang trại còn là các thành phần xuất thân khác như cán bộ hưu trí, công chức đương chức nhưng đều xuất thân từ nông dân.

Cho đến năm 2001, cả nước hiện có hơn 100.000 trang trại với qui mô rất khác nhau. Những trang trại nhỏ chỉ chiếm vài ba hoặc hàng chục ha, trong khi đó có những trang trại lớn chiếm đến hàng trăm ha, thậm chí có trang trại chiếm đến 2.000 ha, lớn gấp hàng trăm lần mức hạn điền Luật đất đai đề ra. Tuy nhiên nhìn chung, các trang trại ở nước ta có qui mô nhỏ dưới mức hạn điền và sử dụng dưới 10 lao động thuê mướn theo thời vụ hoặc theo nhu cầu công việc của trang trại.

• **Những thành quả đạt được**

- Kinh tế trang trại nước ta mặc dù còn nhỏ bé nhưng đã góp phần phát huy nội lực, khơi dậy được tiềm năng đất đai, lao động, vốn trong dân cư, cho đầu tư phát triển sản xuất nông lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn.

Cơ cấu vốn của trang trại chủ yếu là vốn tự có của chủ trang trại chiếm 85%, phần còn lại là vay ngân hàng 8%, vay thân nhân 6% và 1% là do liên kết với doanh nghiệp Nhà nước.

- Kinh tế trang trại góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn; tạo ra các vùng tập trung, chuyên canh, sản xuất hàng hóa làm tiền đề cho phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm; tạo thuận lợi cho việc đưa công nghiệp, dịch vụ vào nông thôn; tăng tốc độ phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, cải thiện môi trường sinh thái.

Đến nay nhiều vùng sản xuất tập trung về cây công nghiệp và cây ăn quả như : cà phê, điều, hồ tiêu, mía, vải thiều, ... về chăn nuôi bò sữa, bò thịt, dê, cừu, nuôi tôm, ... được hình thành dựa vào phát triển kinh tế trang trại.

- Kinh tế trang trại tạo thêm việc làm, góp một phần giải quyết số lao động dư thừa trong nông thôn, tăng thu nhập cho một phần dân cư, góp phần thúc đẩy việc nâng cao dân trí và đời sống văn hóa ở nông thôn, đặc biệt là ở vùng trung du, miền núi, vùng đồng bào dân tộc.

Năm 1997, bình quân giá trị thu hoạch sản phẩm trên 1 ha của nhiều trang trại khá cao. Một số trang trại trồng hồ tiêu, thu nhập đạt từ 200 đến 500 triệu đồng/ha ; trang trại nuôi tôm đạt từ 80 đến 150 triệu đồng/ha,... Nhờ đó mà nhiều chủ trang trại đã giàu lên nhanh chóng ; thu nhập của người lao động làm thuê thường xuyên đạt khoảng 300 đến 600 ngàn đồng/tháng ; người làm thuê thu thời vụ nhận được đến 25 000 đồng/ngày

- Kinh tế trang trại gắn với thị trường, phải tham gia cạnh tranh quyết liệt trên thị trường, hình vì vậy, các trang trại có yêu cầu hợp tác, liên kết lại với nhau với kinh tế nhà nước về nhiều mặt để có sức cạnh tranh trên thị trường và cùng nhau chung sức giải quyết các nhu cầu xã hội của người lao động. Mối quan hệ hợp tác sẽ giúp cho các trang trại vượt qua nhiều khó khăn, đặc biệt là vốn đầu tư cho sản xuất, là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế trang trại trong điều kiện hiện hiện nay

#### • Những tồn tại

- Đối với hầu hết các trang trại gia đình, trình độ quản lý của chủ trang trại còn nhiều hạn chế, sản xuất chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, chưa chú trọng vào việc áp dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất. Hầu hết lao động làm thuê cho các trang trại thiếu kiến thức về khoa học kỹ thuật, chưa được đào tạo qua các trường lớp.

- Nhiều trang trại còn lúng túng về phương hướng sản xuất, thu nhập thấp. Ở Yên Bái, năm 1997, thu nhập bình quân một trang trại chỉ có 14,5 triệu đồng.

- Các trang trại đều chưa được thừa nhận về mặt pháp lý nên chưa có tư cách pháp nhân trong quan hệ giao dịch với cơ quan Nhà nước và các tổ chức kinh tế, nhất là đối với ngân hàng. Thực tế, chủ trang trại chỉ được xem như là một chủ hộ nông dân bình thường, trong khi đó qui mô sản xuất của chủ trang trại lớn gấp trăm thậm chí gấp ngàn lần, nhất là vốn. Thiếu tư cách pháp nhân chủ trang trại chịu thiệt thòi về nhiều mặt, do đó họ chưa yên tâm và không có điều kiện để mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Các trang trại đều có qui mô ruộng đất vượt quá hạn điền theo quy định của Luật đất đai hiện hành. Hầu hết quỹ đất của trang trại là do khai hoang, phục hóa và nhận chuyển nhượng từ nguồn vốn và lao động của gia đình, nhưng lại chưa được pháp luật công nhận. Đến nay, Nhà nước vẫn chưa có chính sách về đất đai vượt quá hạn điền của các trang trại nên họ còn rất băn khoăn. Hiện tượng phân tán ruộng đất của các trang trại thành nhiều chủ hoặc chuyển nhượng ngầm còn diễn ra phổ biến.

- Quan hệ giữa trang trại với chính quyền địa phương, các chủ thể kinh tế (nông trường, lâm trường, hợp tác xã nông nghiệp) và các hội nông dân trên địa bàn còn chưa rõ ràng cả về quyền lợi và nghĩa vụ. Ranh giới giữa trang trại và hộ nông sản xuất giỏi chưa được phân định đúng với thực tế và nói chung là chưa rõ ràng.

- Thiếu vốn nghiêm trọng nhưng nhà nước chưa có chính sách tín dụng để hỗ trợ các trang trại nhất là trong những năm đầu thành lập.

- Thiếu kỹ thuật, hoạt động sản xuất của trang trại còn dựa chủ yếu vào kinh nghiệm hơn là áp dụng khoa học kỹ thuật, thiếu máy móc, nông cụ và thiếu lao động lành nghề, nhưng bản thân các trang trại không có điều kiện đào tạo, bồi dưỡng trong khi Nhà nước chưa quan tâm.

- Cơ sở hạ tầng yếu kém, gây khó khăn cho phát triển và mở rộng sản xuất. Hầu hết các trang trại hiện nay được hình thành ở vùng trung du, miền núi đất xấu, địa hình phức tạp, giao thông thủy lợi, diện đều khó khăn. Do đó sản phẩm làm ra nhiều đang mâu thuẫn với khả năng vận chuyển chế biến và tiêu thụ.

- Thị trường và giá cả nông sản chưa ổn định nên nhiều chủ trang trại không muốn mở rộng qui mô sản xuất mặc dù khả năng đất đai, lao động vẫn còn.

#### 1.4 Đối tượng nghiên cứu môn học quản trị trang trại

Môn học quản trị trang trại trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất kinh doanh trong trang trại. Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề cơ bản về tổ chức và quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại nhằm đảm bảo đạt được mục đích và mục tiêu hoạt động của trang trại. Trong phạm vi của môn học, trang trại không chỉ đề cập đến các trang trại với qui mô lớn mà kể cả các trang trại gia đình.

Các vấn đề cơ bản về tổ chức và quản lý bao gồm ề quản lý sản xuất kinh doanh trang trại bao gồm kế hoạch sản xuất kinh doanh; tổ chức, phối hợp, điều khiển quá trình sản xuất; kiểm tra, giám sát, điều chỉnh và thúc đẩy quá trình sản xuất.

Mục đích và mục tiêu của trang trại là rất khác nhau. Thông thường, trong điều kiện kinh tế thị trường lợi nhuận là mục đích hàng đầu của các trang trại. Tuy nhiên, đối với các nông hộ, hay các trang trại có qui mô nhỏ thì mục đích hàng đầu lại là an toàn lương thực cho gia đình. Ngoài ra, nếu xét về mục đích xã hội, trang trại còn có mục đích là cung cấp hàng hóa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của thị trường và giải quyết việc làm, đặc biệt là lao động ở nông thôn.

Bài giảng Quản Trị Trang Trại

## Chương 2 CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA QUẢN TRỊ TRANG TRẠI

**Mục đích:** trang bị cho người học một số cơ sở khoa học của quản trị trang trại trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại có hiệu quả, cần phải tổ chức và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh một cách khoa học. Hay nói cách khác, công tác quản trị trong trang trại phải dựa trên những cơ sở khoa học nhất định.

### I. CHỨC NĂNG QUẢN TRỊ NÔNG TRẠI

#### 1.1 Khái niệm.

Chức năng quản trị sản xuất kinh doanh là hình thức biểu hiện sự tác động của các nhà quản trị tới đối tượng và khách thể kinh doanh. Thực chất đó là hình thức biểu hiện của các nghiệp vụ quản trị mà các nhà quản trị thực hiện trong sản xuất kinh doanh và quản trị.

Các hoạt động quản trị thường xuyên diễn ra trên mọi mặt hoạt động của trang trại và tác động tới tất cả các yếu tố của quá trình kinh doanh, vì vậy rất phong phú và phức tạp.

Quản trị trang trại là một quá trình thực hiện các chức năng quản lý sản xuất kinh doanh trang trại bao gồm:

- Chức năng kế hoạch hóa
- Chức năng tổ chức, phối hợp và điều khiển.
- Chức năng kiểm tra và giám sát
- Chức năng điều chỉnh và thúc đẩy.

#### 1.2 Nội dung các chức năng quản trị trang trại

##### 1.2.1 Chức năng kế hoạch hóa

Hoạch định là quá trình xác định những mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp tốt nhất để thực hiện những mục tiêu và nhiệm vụ đó. Dự đoán và kế hoạch hoá là những nghiệp vụ phản ánh chức năng hoạch định của các nhà quản trị khi xác định chiến lược kinh doanh. Xây dựng các kế hoạch, các chiến lược kinh doanh phải dựa trên cơ sở phân tích hoạt động kinh doanh của trang trại, đồng thời sử dụng các kiến thức của khoa học dự báo để tính toán, lựa chọn.

##### 1.2.2 Chức năng tổ chức thực hiện kế hoạch

Một kế hoạch được lập thì nó phải được thực thi. Để một kế hoạch được thực thi cần phải tổ chức tốt công tác thực hiện kế hoạch bao gồm một loạt các công việc như: xác định khối lượng các công việc cần hoàn thành theo một mục tiêu kinh doanh nào đó; xác định trách nhiệm, sự liên quan và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các yếu tố và người lao động trong trang trại; phân công và điều khiển các công việc. Trong hàng loạt những công việc đó, điều khiển là công việc diễn ra hàng ngày của các nhà quản trị. Điều khiển là các hoạt động hướng dẫn, đôn đốc, động viên, thúc đẩy những người dưới quyền làm việc nhằm đạt được mục tiêu đề ra với hiệu quả cao. Muốn thực hiện công việc điều khiển, các nhà quản trị phải thường xuyên ra các quyết định. Vì vậy, việc lựa chọn quyết định đúng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng.

##### 1.2.3 Chức năng kiểm tra giám sát

Kiểm tra là một chức năng cơ bản của quản trị sản xuất kinh doanh nhằm mục đích xác định thực chất các công việc đã được thực hiện theo mục tiêu đã định. Trên cơ sở kiểm tra để biết mức độ các công việc đã được thực hiện, phát hiện những lệch lạc trong việc xác định mục tiêu hay những trục trặc trong việc thực hiện các công việc... để có sự chấn chỉnh kịp thời. Để làm tốt chức năng kiểm tra, phương pháp kiểm tra phải phù hợp với từng loại công việc là các đối tượng thực hiện công

việc. Kiểm tra qua giấy tờ sổ sách là một biện pháp quan trọng, nhưng kiểm tra một cách sâu sát tại hiện trường cơ sở là biện pháp cần thiết và quan trọng hơn.

#### **1.2.4 Chức năng điều chỉnh và thúc đẩy**

Hoạt động kinh doanh và công tác quản trị chịu sự chi phối của rất nhiều yếu tố. Việc định hướng và xác lập sự cân đối trong kết hợp các yếu tố chỉ là tương đối. Vì vậy, điều chỉnh những bất hợp lý do sự tác động của các nhân tố chủ quan và khách quan là công việc thường xuyên và cần thiết. Nó hoàn toàn khác với nhận thức trước đây khi quan niệm kế hoạch đã được phê duyệt cần phải nghiêm chỉnh thực hiện, không được thay đổi.

Để điều chỉnh kịp thời, đúng các nội dung cần điều chỉnh và mức độ cần điều chỉnh cần phải thường xuyên kiểm tra phát hiện các bất hợp lý, tìm ra các nguyên nhân của nó, xác định đúng mức độ và đề ra các biện pháp thực hiện theo các nội dung đã điều chỉnh.

Ngoài điều chỉnh quản trị còn có chức năng thúc đẩy các hoạt động kinh doanh và cả quản trị hoạt động kinh doanh. Thúc đẩy có nghĩa là đôn đốc, là tạo điều kiện để hoạt động kinh doanh diễn ra đúng nội dung, đúng tiến độ và bảo đảm chất lượng. Các nhà quản trị có thể dùng các phương pháp hành chính tổ chức, phương pháp giáo dục và các phương pháp kinh tế để thực hiện chức năng thúc đẩy.

## **II. NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ TRANG TRẠI**

Trang trại là hình thức sản xuất kinh doanh nông nghiệp, nên quản trị trang trại phải tuân theo các nguyên tắc quản trị sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Quản trị sản xuất kinh doanh nông nghiệp cần tuân thủ các quy luật hoạt động trong kinh doanh. Các nguyên tắc quản trị chính là các yêu cầu cơ bản và nghiêm ngặt của các quy luật. Trong hoạt động kinh doanh còn người nhận thức các quy luật khách quan, khai thác quy luật theo hướng có lợi cho mình. Vì vậy, các nguyên tắc quản trị sản xuất kinh doanh một mặt xuất phát từ điều kiện và xu hướng hoạt động của quy luật, mặt khác xuất phát từ mục tiêu kinh doanh, thực trạng và xu thế phát triển của trang trại, sự ràng buộc của các môi trường kinh tế, pháp lý. Các nguyên tắc chung cho mọi hoạt động quản trị bao gồm.

### **2.1 Đảm bảo mục tiêu hiệu quả và tăng trưởng.**

Mọi vấn đề của quản trị trong trang trại đều dẫn đến những lựa chọn nhất định. Đó là sự lựa chọn hợp lý để đạt tới một giá trị tối đa đạt hiệu quả trong xuất kinh doanh và sự tăng trưởng của trang trại.

Hiệu quả kinh tế là tiêu chuẩn đánh giá của hoạt động sản xuất kinh doanh, là mục tiêu hàng đầu của quản trị trang trại. Điều này bắt nguồn từ quy luật tiết kiệm, quy luật nâng cao năng suất lao động và nhiều quy luật kinh tế khác. Tuy nhiên, do những đặc điểm của sản xuất nông nghiệp, hiệu quả của trang trại còn bao gồm cả hiệu quả về xã hội và hiệu quả về môi trường. Để đạt được hiệu quả đòi hỏi trang trại phải xác định đúng phương hướng sản xuất kinh doanh, tổ chức tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện hạch toán kinh tế và có chế độ khuyến khích người lao động.

Tăng trưởng cũng là một trong các mục tiêu của trang trại. Điều đó bắt nguồn từ yêu cầu quy luật tái sản xuất mở rộng, quy luật nhu cầu ngày càng tăng của các thành viên trong xã hội. Để đảm bảo tăng trưởng cao và liên tục một mặt đòi hỏi hoạt động kinh doanh phải đạt được hiệu quả kinh tế, mặt khác đòi hỏi trang trại xử lý tốt các quan hệ tích lũy và tiêu dùng, tăng cường đầu tư, đẩy mạnh áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất.

### **2.2 Xuất phát từ thị trường và thích ứng với thị trường.**

Trong cơ chế thị trường, đáp ứng nhu cầu thị trường là câu hỏi cần phải giải đáp một cách khoa học chứ không chỉ dựa vào kinh nghiệm. Phải thấy rằng, người mua quyết định rất lớn đến kết quả (mức sản lượng) sản xuất của doanh nghiệp. Để quán triệt nguyên tắc này đòi hỏi trang trại phải

nắm bắt được nhu cầu thường xuyên thay đổi của người tiêu dùng. Nhu cầu này bao gồm số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả có thể chấp nhận và thời gian cung cấp phù hợp.

### 2.3 Phân phối hợp lý lợi ích

Trang trại là một đơn vị sản xuất cấu thành bởi các yếu tố: đất đai, sức lao động và các tư liệu sản xuất để tạo ra của cải cho gia đình và xã hội. Trong trang trại, ngoài lao động gia đình còn có lao động thuê mướn, cần phải xử lý thoả đáng các mối quan hệ về mặt lợi ích giữa chủ trang trại và người lao động, đồng thời nhận thức rõ lao động là nhân tố quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Phải đảm bảo đủ lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần để người lao động có thể sống và làm việc. Bằng mọi biện pháp để người lao động gắn bó với trang trại, coi trách nhiệm xây dựng trang trại như của chính mình.

Trang trại được xem là một đơn vị sản xuất kinh doanh dưới sự quản lý của Nhà nước, vì thế, ngoài việc phục vụ cho lợi ích của chính mình, trang trại còn phải thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước. Hơn nữa, hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại phục vụ cho nhu cầu người tiêu dùng và tạo ra phúc lợi cho xã hội. Hay nói cách khác, lợi ích của trang trại bao hàm cả lợi ích của Nhà nước, của xã hội và của người tiêu dùng. Kết hợp hài hoà các lợi ích không phải là sự hy sinh lợi ích này cho lợi ích khác, mà nó đòi hỏi phải xử lý một cách mềm dẻo.

### 2.4 Tập trung và dân chủ trong quản trị

Tập trung và dân chủ là nguyên tắc của quản lý kinh tế nói chung và quản trị kinh doanh nông nghiệp nói riêng. Để quản trị kinh doanh, các trang trại cần có bộ máy (bộ phận) quản trị để thực hiện các chức năng quản lý khác nhau. Vì vậy, một mặt cần phải tập trung trong quản trị để hướng các hoạt động vào những mục tiêu đã xác định, mặt khác cần phải mở rộng dân chủ để phát huy sáng tạo của từng thành viên trong bộ máy quản trị cũng như toàn trang trại. Đối với các trang trại có qui mô lớn thường được cấu thành bởi nhiều bộ phận sản xuất, thực hiện các chức năng sản xuất kinh doanh nhất định. Để các bộ phận này hoạt động có hiệu quả, cần phải kết hợp tập trung và dân chủ. Bởi vì, tập trung làm cho hoạt động của các bộ phận trở thành một thể thống nhất, gắn bó hữu cơ với nhau, dân chủ cho phép phát huy lợi thế của từng thành viên trong mỗi bộ phận cũng như trong toàn trang trại.

### 2.5 Tuân thủ luật pháp và thông lệ kinh doanh.

Cũng như những đơn vị sản xuất kinh doanh khác, hoạt động sản xuất kinh doanh trang trại phải tuân thủ theo pháp luật. Chuyển sang kinh tế thị trường, Nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua các đòn bẩy và chính sách pháp luật kinh tế thay cho các mệnh lệnh trực tiếp của cơ chế kế hoạch hoá tập trung. Điều đó một mặt giúp cho Nhà nước quản lý và điều hành các đơn vị sản xuất kinh doanh theo những mục tiêu kinh tế-xã hội thống nhất, mặt khác, giúp cho các đơn vị sản xuất kinh doanh tự chủ, động trong kinh doanh. Ngoài ra, bằng pháp luật và hệ thống kinh doanh, tình trạng cạnh tranh không lành mạnh bị hạn chế, nền kinh tế được định hướng theo mục tiêu xác định. Tuân thủ luật pháp và thông lệ kinh doanh đòi hỏi các trang trại phải thấu hiểu luật pháp và hành động đúng pháp luật.

## III. CÁC PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Phương pháp quản trị sản xuất kinh doanh là các cách thức tác động có hướng đích của chủ thể quản trị tới đối tượng kinh doanh và các khách thể kinh doanh để đạt mục tiêu đề ra trong những điều kiện kinh doanh nhất định. Một số phương pháp quản trị có thể áp dụng cho trang trại bao gồm:

### 3.1 Các phương pháp tác động lấy con người làm trung tâm

#### 3.1.1 Phương pháp hành chính-tổ chức

Đây là các phương pháp tác động trực tiếp dựa vào cơ chế tổ chức của hệ thống (bộ máy) quản trị và kỷ luật của các trang trại.

Về thực chất, đó là các tác động trực tiếp của bộ máy quản trị trang trại đến tập thể người lao động dưới quyền bằng các quyết định dứt khoát (bằng lời hay bằng văn bản) có tính bắt buộc. Nó bắt buộc người lao động phải thực hiện, không có sự lựa chọn, nếu vi phạm sẽ bị xử lý.

Trong các trang trại nói chung, trang trại nói riêng, các phương pháp hành chính - tổ chức của quản trị sản xuất kinh doanh có vai trò hết sức to lớn. Nó xác lập trật tự, kỷ cương lao động, khâu nối sự hoạt động giữa các bộ phận có liên quan, giữ được bí mật, ý đồ kinh doanh, giải quyết các vấn đề kịp thời nhanh chóng.

Tuy nhiên, các phương pháp hành chính - tổ chức chỉ phát huy tác dụng khi các quyết định quản trị dựa trên cơ sở các yêu cầu khách quan của các hoạt động kinh doanh, tuyệt đối không dựa vào ý muốn chủ quan không căn cứ của chủ thể quản trị. Mặt khác, nó còn đòi hỏi chủ trang trại quyết định dứt khoát, rõ ràng, dễ hiểu, có địa chỉ người thực hiện và không để người tiếp nhận hiểu sai lệch ý đồ của quyết định quản trị.

### **3.1.2 Các phương pháp kinh tế.**

Các phương pháp kinh tế là những cách thức tác động chủ thể quản trị đến đối tượng quản trị và các khách thể kinh doanh một cách gián tiếp thông qua các lợi ích kinh tế.

Thực chất của phương pháp kinh tế là các chủ thể quản trị gián tiếp tác động đến đối tượng quản trị bằng các biện pháp kinh tế, để các đối tượng quản trị tự lựa chọn phương án hoạt động có hiệu quả nhất trong phạm vi hoạt động của họ.

Cơ sở cơ bản của nguyên tắc này là: sự thống nhất về lợi ích sẽ dẫn đến thống nhất về mục đích và hành động. Lợi ích là một trong các động lực cơ bản trong mọi hoạt động của con người, trong đó có hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Vì thế, các phương pháp kinh tế đã tạo ra sự quan tâm vật chất thiết thân của đối tượng quản trị. Nó là phương pháp quản trị tốt nhất để thực hành tiết kiệm, làm cho người lao động hăng hái sản xuất, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Các phương pháp kinh tế có vai trò rất quan trọng trong quản trị sản xuất kinh doanh. Nhưng nhà quản trị phải xác định được lúc nào cần sử dụng các phương pháp kinh tế, mức độ khuyến khích bao nhiêu mới tạo được hiệu quả tối ưu. Các biện pháp kinh tế có thể ví như con dao hai lưỡi nếu sử dụng tốt rất có hiệu quả, nếu sử dụng không tốt sẽ có hại. Đây là những điều cần lưu ý, tránh lạm dụng phương pháp kinh tế trong quản trị sản xuất kinh doanh.

### **3.1.3 Các phương pháp giáo dục.**

Các phương pháp giáo dục là cách thức tác động của chủ thể quản trị đến nhận thức và tình cảm của người lao động nhằm nâng cao tính tự giác và nhiệt tình lao động của họ.

Các phương pháp giáo dục có ý nghĩa lớn trong quản trị sản xuất kinh doanh. Bởi vì, dựa trên cơ sở vận dụng các quy luật tâm lý, chủ thể quản trị làm cho người lao động phân biệt rõ lợi - hại, đúng - sai... để nâng cao tính tự giác làm việc, gắn bó với trang trại. Hơn nữa các phương pháp giáo dục góp phần đặc lực trong trang bị các tri thức về xã hội, về khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động. Đây là vấn đề hết sức cần thiết đối với các trang trại, vì do đặc điểm lịch sử, chất lượng nguồn lao động nông nghiệp thường thấp kém so với các ngành khác. Hoạt động sản xuất nông nghiệp đòi hỏi sự chăm sóc nghiêm ngặt, tự giác của người lao động đối với cây trồng, gia súc. Trong nhiều trường hợp, mệnh lệnh hành chính có khi không mang lại kết quả mang muốn, các phương pháp kinh tế không phát huy tác dụng phương pháp giáo dục lại trở nên hữu hiệu.

Mỗi phương pháp quản trị có một cách thức tác động khác nhau và tác động đến những mặt khác nhau. Vì vậy, vận dụng tổng hợp các phương pháp trong quản trị sản xuất kinh doanh nói chung, trong các trang trại nói riêng là cần thiết. Tuy nhiên, trong những trường hợp nhất định, phương pháp này được nhấn mạnh hơn phương pháp khác, nhưng sự nhấn mạnh đó cũng chỉ là nhất

thời. Cần năng động và hết sức mềm dẻo khi sử dụng các phương pháp tác động đến con người trong quản trị sản xuất kinh doanh.

### **3.2 Các phương pháp lấy hoạt động sản xuất kinh doanh làm trung tâm**

Đây là những phương pháp quản trị đi sâu vào từng yếu tố chi phối quá trình kinh doanh của trang trại. Thực chất, đó là một hệ thống cách thức lựa chọn các quyết định tính toán các yếu tố đầu vào, sự kết hợp các yếu tố và quyết định xử lý các kết quả sản xuất. Như vậy, các phương pháp tác động đến quá trình kinh doanh của trang trại có phạm vi áp dụng rất rộng. Nó mang đặc tính kỹ thuật nghiệp vụ gắn với việc quản trị các yếu tố cụ thể: quản trị đất đai, quản trị tài chính, quản trị tư liệu sản xuất, ... Vì vậy, các công cụ toán học, thống kê và các công cụ của kinh tế vi mô được sử dụng một cách hữu hiệu. Trong quản trị các yếu tố, các phương pháp được nghiên cứu cụ thể. Ở đây xin khái quát một số phương pháp chủ yếu:

#### **3.2.1 Phương pháp thống kê**

Đó là cách thức quản trị dựa trên các thông tin thu lượm được, người ta sử dụng các công cụ thống kê (lý thuyết xác suất, lý thuyết phục vụ đám đông, phương pháp hàm tương quan...) để dự đoán sản xuất (tìm sự biểu diễn của các số liệu theo dạng các hàm số), bố trí các công việc theo các quy luật.

#### **3.2.2 Phương pháp các mô hình tối ưu.**

Đó là phương pháp dựa trên cơ sở các công cụ về quy hoạch toán, sơ đồ mạng, lý thuyết trò chơi... trong đó việc giải các bài toán quy hoạch tuyến tính để có sự lựa chọn về bố trí cây trồng, tìm phương án tối ưu đầu tư các yếu tố đầu vào (phân bón, thuốc trừ sâu...) được áp dụng phổ biến hơn cả trong các trang trại.

#### **3.2.3 Các phương pháp "kinh tế vi mô"**

Đó là các phương pháp dựa trên các công cụ của kinh tế vi mô như các hệ số cơ giản, các mối tương quan giữa cung và cầu... để có các quyết định về lượng sản phẩm sản xuất và tiêu thụ, giá cả sản phẩm tối thiểu và tối đa... các mối tương quan giữa yếu tố và sản phẩm để xác định hướng đầu tư tăng thêm và mức độ đầu tư tăng thêm. Các phương pháp kinh tế vi mô được sử dụng tương đối phổ biến trong quản trị sản xuất kinh doanh ở các trang trại.

## **IV. CÁC QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ TRANG TRẠI**

### **4.1 Khái niệm và vai trò**

Quyết định là sản phẩm sáng tạo của nhà quản trị nhằm định ra chương trình, mục tiêu hoạt động của trang trại để giải quyết một số vấn đề đã chín muồi, trên cơ sở phân tích các thông tin và hiểu biết sâu sắc đối tượng quản trị.

Việc đề ra quyết định có ý nghĩa rất lớn, là khâu mấu chốt trong quá trình quản trị. Nó được xem là nền tảng cơ bản của quản trị, bởi vì từ việc điều hành các công việc hàng ngày cho đến việc giải quyết các vấn đề của trang trại đều được tiến hành trên cơ sở các quyết định hợp lý. Một quyết định sai, hoặc đưa ra không đúng lúc có thể dẫn đến những thiệt hại lớn, gây khó khăn cho sản xuất và kinh doanh của trang trại.

### **4.2 Yêu cầu đối với các quyết định quản trị kinh doanh**

Các quyết định quản trị sản xuất kinh doanh là điều kiện để diễn ra các hoạt động kinh doanh. Các quyết định đúng sẽ dẫn đến các kết quả và hiệu quả kinh doanh cao, các cơ hội và tiềm năng của kinh doanh được khai thác hợp lý và ngược lại các quyết định không đúng sẽ làm cho các cơ hội và tiềm năng kinh doanh không được khai thác hợp lý, trong nhiều trường hợp còn gây ra những

thiệt hại rất lớn. Để có các quyết định đúng đắn qua trình ra các quyết định và bản thân các quyết định cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- *Quyết định đưa ra phải khách quan và khoa học, không chỉ dựa vào kinh nghiệm:* Bản thân một quyết định cụ thể nào đó là sản phẩm chủ quan của những người ra quyết định, nhưng các quyết định tuyệt nhiên không được bắt nguồn từ các ý muốn chủ quan, duy ý chí của những người ra quyết định. Khách quan và khoa học là cơ sở đảm bảo cho quyết định mang tính hiện thực và có hiệu quả kinh tế cao. Để đảm bảo tính khách quan và khoa học, người ra quyết định phải xuất phát từ các yêu cầu của quy luật khách quan, phải thu thập đầy đủ các thông tin liên quan đến vấn đề ra quyết định, phải xử lý thông tin, lọc bỏ những thông tin sai lệch, phải sử dụng linh hoạt các phương pháp quản trị để có cơ sở khoa học cho việc lựa chọn và ra quyết định.

- *Quyết định phải mang tính pháp lý:* Quyết định phải có căn cứ pháp lý và hợp pháp.

- *Quyết định phải cụ thể, rõ ràng:* Quyết định phải nhằm vào một đối tượng nhất định, chỉ cho người thực hiện thấy được những vấn đề cụ thể cần phải thực hiện. Quyết định phải ngắn gọn, dễ hiểu để người tiếp nhận không hiểu sai, làm sai.

- *Phải khắc phục những trở ngại khi ra quyết định:* Đối với các nhà quản trị có 3 trở ngại khi ra quyết định, đó là động cơ, bản lĩnh của người ra quyết định và sự thiếu thông tin chuẩn xác, thiếu hiểu biết về pháp lý Nhà nước. Khắc phục những trở ngại trên một mặt đòi hỏi các nhà quản trị phải khách quan, khoa học đặc biệt trong việc tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin. Nhà quản trị phải tự trang bị cho mình những kiến thức nhất định về pháp lý Nhà nước.

#### 4.3. Quá trình ra quyết định

- Xác định nhu cầu ra quyết định
- Chuẩn bị các căn cứ để ra quyết định
- Dự kiến các phương án quyết định và lựa chọn quyết định hợp lý
- Ra quyết định chính thức
- Truyền tải quyết định đến người thực hiện và tổ chức thực hiện quyết định
- Kiểm tra thực hiện và điều chỉnh quyết định

Bài giảng Quản lý Marketing

Chương 3 (3tiết)  
MỘT SỐ LÝ THUYẾT KINH TẾ VÀ ỨNG DỤNG

**I. LÝ THUYẾT VỀ SẢN XUẤT**

**1.1 Sản xuất với một đầu vào biến đổi**

Sản xuất với một đầu vào biến đổi là quá trình sản xuất trong đó chỉ có một yếu tố đầu vào có thể thay đổi, các yếu tố đầu vào khác được giữ cố định. Mối quan hệ giữa yếu tố đầu vào thay đổi và sản lượng được biểu diễn như bảng dưới đây:

Số lượng bò chăn thả (con)	Sản lượng thịt (ta)
0	0
10	40
20	100
30	135
40	170
50	200
60	225
70	245
80	260

Các mức đầu vào khác nhau có thể được sử dụng để sản xuất ra lượng sản phẩm khác nhau. Lượng sản phẩm được sản xuất tăng khi có nhiều đơn vị đầu vào được sử dụng và đạt cực đại tại số đơn vị đầu vào là 8 sau đó giảm dần mặc dù số đơn vị đầu vào tăng.

*Sản phẩm trung bình và sản phẩm biên*

- Sản phẩm trung bình (AP) : là sản lượng đầu ra trung bình được sản xuất ra bởi mỗi đơn vị đầu vào ở các mức phối hợp khác nhau, được tính theo công thức :

$$AP = \text{Khối lượng sản phẩm} / \text{Khối lượng đầu vào}$$

- Sản phẩm biên (MP) : Là số lượng tổng sản phẩm tăng thêm khi sử dụng thêm một đơn vị đầu vào, được tính theo công thức :

$$MP = \Delta \text{ tổng sản phẩm} / \Delta \text{ mức đầu vào}$$

Ví dụ : Tính toán giá trị trung bình và giá trị cận biên từ hàm sản xuất trên

Số lượng bò chăn thả (con)	Sản lượng thịt (tạ)	AP	MP
0	0	0.0	4.0
10	40	4.0	6.0
20	100	5.0	3.5
30	135	4.5	3.5
40	170	4.3	3.0
50	200	4.0	2.5
60	225	3.8	2.0
70	245	3.5	1.5
80	260	3.3	

AP tăng trong một giai đoạn đầu sau đó giảm khi sử dụng nhiều hơn hai đơn vị đầu vào.

Sản phẩm biên có thể dương trong trường hợp tăng đầu vào làm cho sản lượng tăng, âm trong trường hợp ngược lại và bằng 0 khi tăng đầu vào không làm biến đổi sản lượng. Cũng tương tự như sản phẩm trung bình, sản phẩm biên tăng dần, đạt cực đại và sau đó giảm tuy nhiên ở các mức đầu vào khác.

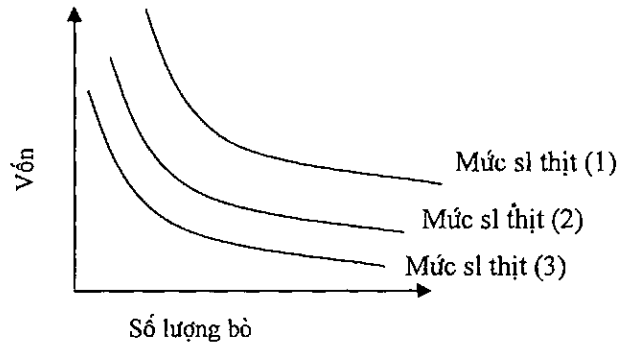
### 1.2 Sản xuất với hai đầu vào khả biến

Sản xuất với hai đầu vào khả biến là quá trình sản xuất trong đó có hai yếu tố đầu vào có thể thay đổi được để thay đổi mức sản lượng. Các yếu tố đầu vào khác được giữ cố định. Hàm sản xuất được biểu diễn như bảng dưới đây.

Số lượng bò (con)	10	20	30	40	50
Đầu tư th. ăn ch. sóc (t. đồng)	Mức sản lượng				
10	40	100	135	170	200
20	55	135	170	210	220
30	70	165	200	230	255
40	75	175	210	245	280
50	75	185	215	250	290

### Đường đẳng lượng

Là tập hợp các phối hợp yếu tố đầu vào cho sản lượng bằng nhau. Trên cùng một đường đẳng lượng, số lượng sản phẩm được sản xuất ra là như nhau ở bất kỳ các phối hợp đầu vào. Đường đẳng lượng được biểu diễn như hình vẽ dưới đây :



*Sự thay thế các yếu tố đầu vào với nhau*

Đường đẳng lượng cho chúng ta thấy rằng, có thể dùng một lượng đầu vào này thay thế cho một số lượng đầu vào khác nhưng sản lượng vẫn không thay đổi. Hay nói một cách khác, các đầu vào có thể thay thế cho nhau để sản xuất ra cùng một số lượng sản phẩm. Tỷ lệ thay thế các đầu vào (còn gọi là tỷ số kỹ thuật thay thế đầu vào) được tính theo công thức :

$$\text{Tỷ lệ thay thế} = \Delta VI_2 / \Delta VI_1$$

Trong đó:

$\Delta VI_1$ : Số lượng đầu vào tăng thêm

$\Delta VI_2$ : Số lượng đầu vào giảm đi

Ngoài ra, số đầu ra có thêm do tăng cường sử dụng  $VI_1$  là  $(MP_{VI1}) (\Delta VI_1)$  và đầu ra giảm đi do bớt đi số đầu vào  $VI_2$  là  $(MP_{VI2}) (\Delta VI_2)$ . Do số đầu ra không thay đổi dọc theo đường đẳng lượng, nên :

$$(MP_{VI1}) (\Delta VI_1) + (MP_{VI2}) (\Delta VI_2) = 0$$

Hay

$$(MP_{VI1}) / (MP_{VI2}) = - \Delta VI_2 / \Delta VI_1$$

$$\text{Tỷ lệ thay thế} = - (MP_{VI1}) / (MP_{VI2})$$

## II. CHI PHÍ SẢN XUẤT

### 2.1 Chi phí cố định

Chi phí gắn liền với yếu tố sản xuất cố định được gọi là chi phí cố định. Yếu tố sản xuất cố định là yếu tố sản xuất không thay đổi về số lượng cho dù sản lượng đầu ra của sản xuất thay đổi. Ví dụ như chi phí xây dựng chuồng trại chăn nuôi. Như vậy chi phí cố định cũng không thay đổi theo sản lượng đầu ra được sản xuất.

Chi phí cố định có thể là chi phí bằng tiền mặt hoặc không bằng tiền mặt. Ví dụ:

- Khấu hao luôn luôn là một chi phí không bằng tiền mặt, vì hàng năm không có khoản tiền bỏ ra cho chi phí này;
- Chi phí sửa chữa và thuê tài sản luôn luôn là chi phí tiền mặt;
- Tiền lãi là chi phí tiền nếu vay tiền để mua tài sản hoặc không tiền mặt nếu sử dụng vốn tự có để mua, trong trường hợp này lãi xuất trở thành chi phí cơ hội.

### 2.2 Chi phí biến đổi

Chi phí biến đổi gắn liền với các đầu vào biến đổi, và nó luôn biến động theo mức đầu ra. Chi phí biến đổi luôn xuất hiện trong cả ngắn hạn và dài hạn.

Phân biệt giữa chi phí cố định và chi phí biến đổi đôi khi không rõ ràng và tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

### 2.3 Chi phí cơ hội

Chi phí cơ hội được đưa ra trên cơ sở là: mọi đầu vào hay yếu tố sản xuất đều có một cách sử dụng thay thế, hay nói cách khác mọi đầu vào đều có nhiều cách sử dụng và cho ra các giá trị khác nhau.

Khi một đầu vào được sử dụng cho mục đích cụ thể nào đó, thì nó không thể sẵn sàng để sử dụng cho bất kỳ phương án nào khác và doanh thu từ phương án thay thế này sẽ mất đi.

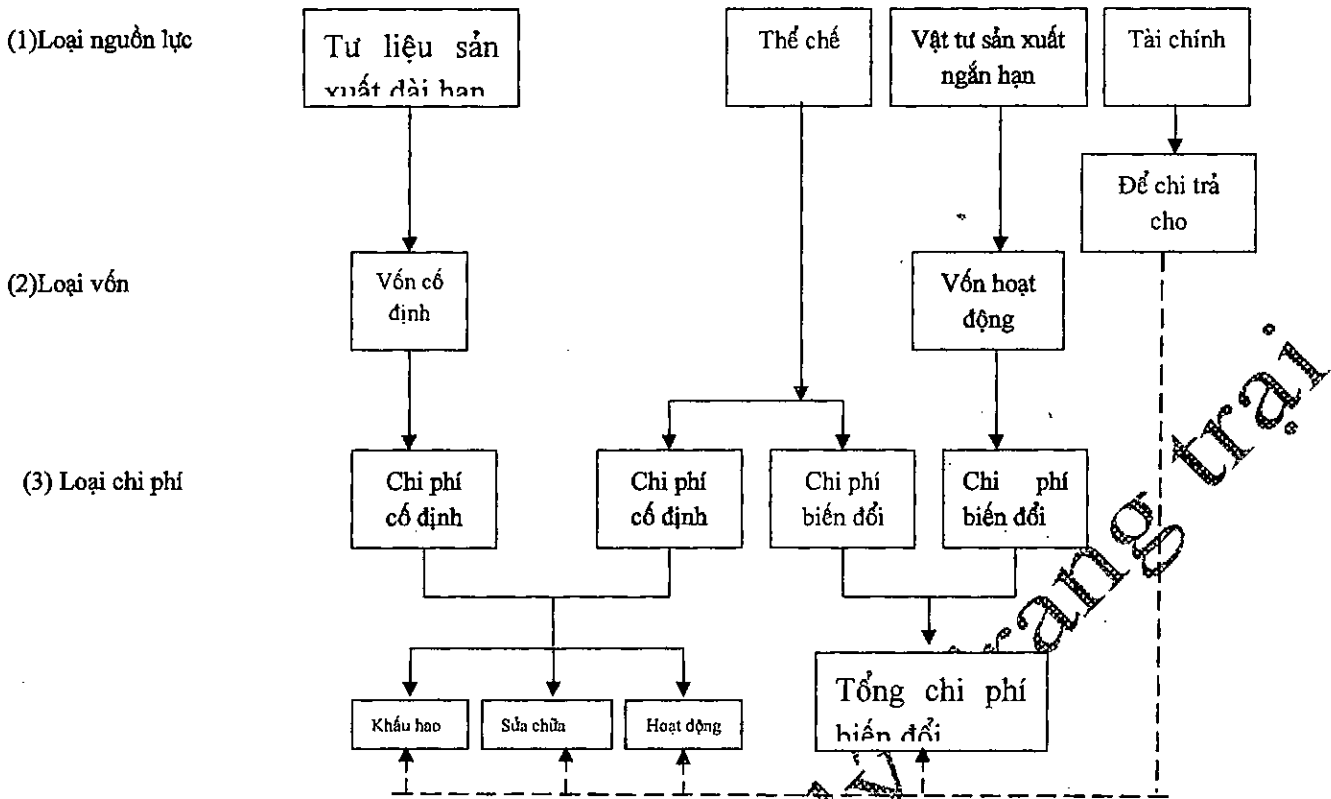
Chi phí cơ hội có thể định nghĩa theo hai cách:

- Lợi nhuận lớn nhất sau lợi nhuận nhận được bị mất đi do bỏ lỡ đi cơ hội đầu tư hay sử dụng đầu vào.
- Lợi nhuận sẽ nhận được nếu đầu vào này được sử dụng cho phương án thay thế nào đó đem lại lợi nhuận cao nhất.

### 2.4 Mối quan hệ giữa nguồn lực nông trại, vốn và chi phí

Trên góc độ hoạt động, nguồn lực của nông trại được chia làm năm loại như sau:

- Tư liệu sản xuất dài hạn: là nguồn lực sản xuất được sử dụng trong nhiều năm hoặc ít nhất trong một giai đoạn dài hơn một chu kỳ sản xuất ngắn hạn (mùa vụ, năm). Ví dụ như: đất đai, hệ thống thủy lợi, nhà kho, phân xưởng chế biến, ...
  - Vật tư sản xuất ngắn hạn: Là vật liệu sản xuất được sử dụng hoàn toàn trong chu kỳ sản xuất hàng năm. Ví dụ như: hạt giống, phân bón, ...
  - Tài chính: Bao gồm tiền mặt, nợ có thể đòi được, khả năng tiếp cận với các nguồn tín dụng chính thức và phi chính thức.
  - Thế chế: bao gồm các quyền tiếp cận với các tư liệu, vật liệu sản xuất, thị trường và các dịch vụ khác. Ví dụ: Thuế đất, thuế vận chuyển, thủy lợi phí, chi trả cho việc nhận quota, ... Nguồn lực này nó thể hiện mối quan hệ giữa gia đình với các cơ quan tổ chức có liên quan.
  - Lao động: ở đây chỉ đề cập đến lao động sẵn có của gia đình làm việc trên nông trại
- Mối quan hệ giữa nguồn lực, vốn và chi phí thể hiện theo sơ đồ sau:



## 2.5 Tổng chi phí, chi phí biến, chi phí trung bình

**Tổng chi phí (TC)**: Trong thời gian ngắn, một số đầu vào để sản xuất của doanh nghiệp là cố định, còn các đầu vào khác có thể biến đổi để sản xuất các mức đầu ra khác nhau. Do đó tổng chi phí để sản xuất một vật phẩm hàng hóa có thể thành tổng chi phí cố định FC và chi phí biến đổi VC.

$$TC = FC + VC$$

Trong đó:

- TC: Tổng chi phí
- FC: Chi phí cố định
- VC: Chi phí biến đổi

Trong dài hạn (tức choán thời gian được xác định sao cho mọi yếu tố đầu vào đều biến đổi), không tồn tại chi phí biến cố định. Do đó tổng chi phí sẽ là tổng chi phí biến đổi, hay  $TC = TVC$

**Chi phí trung bình (AC)**: Chi phí trung bình là chi phí tính theo một đơn vị đầu ra. Có 3 loại chi phí trung bình: Chi phí trung bình cố định, chi phí trung bình biến đổi, và tổng chi phí trung bình.

- Chi phí trung bình cố định (AFC) là chi phí cố định tính trung bình trên mỗi đơn vị đầu ra. Chi phí cố định không thay đổi, nên chi phí trung bình cố định giảm khi mức đầu ra tăng.

$$AFC = FC/Q$$

- Chi phí trung bình biến đổi (AVC) là chi phí biến đổi tính trung bình trên mỗi đơn vị đầu ra được sản xuất.

$$AVC = VC/Q$$

- Tổng chi phí trung bình (ATC) là tổng chi phí tính trung bình trên mỗi đơn vị đầu ra được sản xuất.

$$ATC = TC/Q$$

Trong đó: FC, VC, TC: lần lượt là chi phí cố định, chi phí biến đổi và tổng chi phí  
Q: Sản lượng đầu ra

Về cơ bản, tổng chi phí trung bình cho chúng ta biết chi phí sản xuất tính theo đơn vị sản phẩm. Bằng cách so sánh tổng chi phí trung bình với giá cả bán sản phẩm, chúng ta có thể xác định xem sản xuất là có lãi hay không.

Chi phí biên (MC): Chi phí biên là chi phí tăng thêm để sản xuất thêm một đơn vị sản phẩm đầu ra nữa. Vì chi phí cố định không thay đổi khi mức đầu ra của doanh nghiệp thay đổi, nên chi phí biên thật ra là số tăng về chi phí biến đổi để có thêm một đơn vị đầu ra. Vì vậy chúng ta có thể viết chi phí biên là:

$$MC = \Delta TC / \Delta Q = \Delta AC / \Delta Q$$

Trong đó: MC: Chi phí biên

$\Delta Q$ : Số gia sản lượng

$\Delta TC$ : Số gia tổng chi phí

Chi phí biên cho chúng ta biết mức chi phí sẽ là bao nhiêu khi đầu ra của doanh nghiệp tăng thêm một đơn vị nữa.

### III. DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN CỦA HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT RIÊNG LẺ

#### 3.1 Khái niệm

Tổng doanh thu: tổng doanh thu của một doanh nghiệp là số tiền mà doanh nghiệp đó kiếm được nhờ bán hàng hóa, dịch vụ trong một thời kỳ nhất định. Tổng doanh thu được tính theo công thức:

$$TR = Q \times P$$

Trong đó:

TR: tổng doanh thu

Q: Khối lượng sản phẩm đã bán

P: Giá bán

Doanh thu biên (MR): là thu nhập tăng thêm từ việc bán thêm một đơn vị sản phẩm, được tính theo công thức:

$$MR = \Delta TR / \Delta Q$$

Đối với những nông trại lẻ, qui mô nhỏ, số lượng sản phẩm bán ra không ảnh hưởng đến giá cả thị trường, hay nói cách khác giá sản phẩm không thay đổi, MR sẽ luôn luôn bằng giá sản phẩm đầu ra.

Lợi nhuận được định nghĩa một cách khái quát là phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí.

Lợi nhuận là mục tiêu kinh tế cao nhất, là điều kiện tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Các nhà sản xuất luôn mong muốn chi phí cho các đầu vào ít nhất và bán hàng hóa với giá cao nhất để thu được lợi nhuận cao nhất.

Có hai loại lợi nhuận khác nhau: Lợi nhuận tài chính và lợi nhuận kinh tế. Lợi nhuận tài chính được xác định bằng cách lấy doanh thu trừ đi chi phí tài chính (không tính đến chi phí cơ hội). Đó là khoản chi phí không tính đến chi phí tiềm ẩn hay chi phí cơ hội. Lợi nhuận kinh tế là lợi nhuận có khấu trừ đi chi phí cơ hội. Lợi nhuận tài chính luôn lớn hơn lợi nhuận kinh tế.

Lợi nhuận được xác định theo công thức:

Tổng lợi nhuận = tổng doanh thu - tổng chi phí

Hoặc tính theo công thức

$$\pi = (P - ATC) \times Q$$

Trong đó :  $\pi$  : tổng lợi nhuận  
P : giá bán  
ATC : Chi phí đơn vị sản phẩm  
Q : Khối lượng sản phẩm bán ra

### 3.2 Ý nghĩa kinh tế và những nhân tố tác động đến lợi nhuận

Lợi nhuận là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh toàn bộ kết quả và hiệu quả của quá trình kinh doanh kể từ lúc bắt đầu tìm kiếm nhu cầu thị trường, chuẩn bị và tổ chức quá trình sản xuất đến khâu tổ chức bán hàng và dịch vụ trên thị trường. Nó phản ánh cả mặt lượng và chất của quá trình sản xuất kinh doanh.

Lợi nhuận của doanh nghiệp chịu tác động của nhiều nhân tố :

- Quy mô sản xuất hàng hóa, dịch vụ : Quan hệ cung cầu về hàng hóa và dịch vụ và sẽ làm thay đổi giá cả. Điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến việc quyết định giá mỗi sản xuất và tác động trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Giá cả và chất lượng đầu vào (lao động, nguyên vật liệu, thiết bị công nghệ) và phương pháp kết hợp các yếu tố đầu vào trong quá trình sản xuất kinh doanh. Những vấn đề này tác động trực tiếp đến chi phí sản xuất kinh doanh và đương nhiên tác động đến lợi nhuận.
- Giá bán hàng hóa và dịch vụ cùng toàn bộ các hoạt động nhằm đẩy nhanh quá trình tiêu thụ và thu hồi vốn đặc biệt là hoạt động tiếp thị và công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp.

## IV. ỨNG DỤNG CÁC LÝ THUYẾT KINH TẾ TRONG SẢN XUẤT

### 4.1 Lựa chọn mức sản lượng đầu ra

So sánh doanh thu biên (MR) và chi phí biên (MC) chúng ta có thể xác định mức đầu ra đạt lợi nhuận tối đa. Khi MR lớn hơn MC, thêm một đơn vị đầu ra sẽ làm tăng thêm lợi nhuận. Ngược lại, nếu MR nhỏ hơn MC, sản xuất thêm một đơn vị đầu ra sẽ làm giảm lợi nhuận. Vì vậy mức lợi nhuận tối đa đạt được khi mức đầu ra được sản xuất mà ở đó :

$$\text{Doanh thu biên} = \text{Chi phí biên, hay } MR = MC$$

Như vậy để tối đa hóa lợi nhuận, doanh nghiệp nên sản xuất ở mức sản lượng mà ở đó doanh thu biên đạt được bằng chi phí biên. Như được trình bày ở trên, đối với doanh nghiệp riêng lẻ, doanh thu biên chính là giá bán sản phẩm.

### 4.2 Lựa chọn phối hợp đầu vào

Trong trường hợp sản xuất với hai yếu tố đầu vào biến đổi, có nhiều phối hợp đầu vào cho cùng một mức sản lượng. Mỗi phối hợp đầu vào có chi phí khác nhau tùy thuộc vào giá cả của mỗi đầu vào.

Câu hỏi đặt ra với doanh nghiệp là làm thế nào để chọn được phối hợp đầu vào có chi phí thấp nhất, tức là cho lợi nhuận cao nhất? Chọn lựa tổ hợp đầu vào, tức là xem việc sử dụng nhiều hơn

loại đầu vào này và ít hơn loại đầu vào khác có đem lại lợi nhuận không, và đầu là phối hợp các đầu vào với chi phí tối thiểu để sản xuất một lượng đầu ra nhất định.

Việc một đầu vào này thay thế cho một đầu vào khác xảy ra rất thường xuyên trong sản xuất nông nghiệp. Chẳng hạn như, máy móc có thể thay thế cho lao động trong canh tác ; các thành phần trong khẩu phần ăn cho gia súc có thể thay thế cho nhau.

So sánh chi phí tăng thêm do sử dụng thêm đầu vào này và chi phí giảm do sử dụng ít hơn đầu vào khác, chúng ta thấy rằng khi chi phí tăng thêm nhỏ hơn chi phí giảm xuống, tổng chi phí sẽ giảm và ta nên thực hiện thay thế. Trường hợp này xảy ra khi tỉ lệ thay thế lớn hơn tỉ lệ giá. Vì vậy, chúng ta có thể thực hiện thay thế đầu vào để giảm chi phí sản xuất và tăng lợi nhuận chừng nào tỉ lệ thay thế lớn hơn tỉ lệ giá và chi phí giảm tối đa khi tỉ lệ mức đầu vào thay thế bằng tỉ lệ giá. Nếu thực hiện thay thế ở tỉ lệ thay thế lớn hơn tỉ lệ giá sẽ làm tăng chi phí sản xuất và đương nhiên là làm giảm lợi nhuận.

Trên cơ sở đó, phối hợp đầu vào có chi phí thấp nhất được xác định tại điểm mà ở đó tỉ lệ thay thế bằng tỉ lệ giá. Trong đó, tỉ lệ giá được tính theo công thức

$$\text{Tỉ lệ giá} = \text{Giá của đầu vào thêm vào} / \text{Giá của đầu vào bị thay thế}$$

Như vậy, phối hợp tối ưu xảy ra tại điểm mà ở đó:

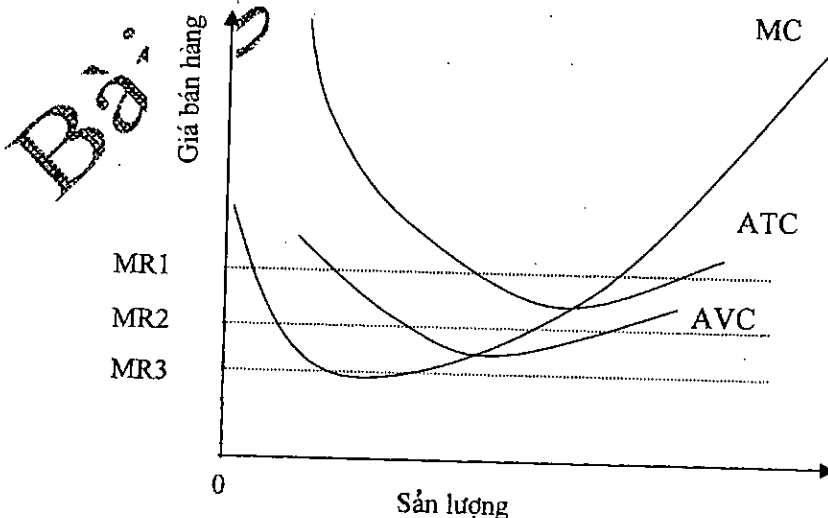
$$\Delta VI_2 / \Delta VI_1 = P_1 / P_2$$

Trong đó,  $P_1$  và  $P_2$  lần lượt là giá của  $VI_1$  và  $VI_2$

Việc thay thế các đầu vào để đạt được phối hợp tối ưu tùy thuộc vào tỉ lệ giá. Tỉ lệ giá sẽ thay đổi khi giá tương đối của các đầu vào thay đổi, điều này sẽ làm xuất hiện một phối hợp đầu vào mới có chi phí thấp nhất. Khi giá của một đầu vào tăng so với giá của đầu vào khác, phối hợp đầu vào mới với chi phí thấp nhất có xu hướng giảm đầu vào giá tăng và tăng đầu vào giá giảm.

#### 4.3 Tối ưu hóa lợi nhuận trong sản xuất ngắn hạn

Sản xuất ngắn hạn là khoảng thời gian mà một hoặc nhiều đầu vào sản xuất được cố định về số lượng. Trong sản xuất ngắn hạn, các đường chi phí có mối quan hệ với nhau và được thể hiện trong hình vẽ dưới đây :



Xem xét các mức giá bán sản phẩm khác nhau, chúng ta thấy rằng, với giá bán bằng  $MR_1$ , điểm chẵn của  $MR$  và  $MC$  khá cao so với  $ATC$ , do đó tạo ra lợi nhuận. Khi giá bằng  $MR_2$ , thu nhập không thể bù đắp hết tất cả các chi phí, nhưng bù đắp được tất cả chi phí biến đổi và một phần các chi phí cố định. Trong trường hợp này mức lỗ sẽ tối thiểu nếu sản xuất ở mức  $MR = MC$  vì lỗ sẽ nhỏ hơn  $FTC$ . Khi giá bán bằng  $MR_3$ , thì không thể bù đắp được ngay chi phí biến đổi, và có thể ngừng sản xuất để giảm lỗ. Cách này sẽ tối thiểu khoản lỗ ở một số lượng bằng với  $TFC$ .

Tóm lại, có ba trường hợp cần xem xét để ra quyết định nhằm tối ưu hóa lợi nhuận trong ngắn hạn là :

1. Giá bán dự đoán lớn hơn  $ATC$  tối thiểu (hoặc  $TR$  lớn hơn  $TC$ ). Có thể tạo ra lợi nhuận và tối đa hóa lợi nhuận bằng cách sản xuất tại điểm  $MR = MC$

2. Giá bán dự đoán nhỏ hơn  $ATC$  tối thiểu nhưng lớn hơn  $AVC$  tối thiểu (hoặc  $TR$  lớn hơn  $TVC$  nhưng nhỏ hơn  $TC$ ). Không thể tránh được lỗ nhưng có thể tối thiểu khoản lỗ bằng cách sản xuất ở mức sản lượng tại điểm  $MR = MC$ . Khoản lỗ sẽ nằm giữa 0 và tổng chi phí cố định.

3. Giá bán dự đoán nhỏ hơn  $AVC$  tối thiểu (hoặc  $TR$  nhỏ hơn  $TVC$ ). Không thể tránh được lỗ nhưng có thể tối thiểu hóa bằng cách ngừng sản xuất. Khoản lỗ sẽ bằng tổng chi phí cố định.

Bài giảng Quản lý Tài chính

## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG TRANG TRẠI

### I. Ý NGHĨA VÀ HỆ THỐNG KẾ HOẠCH CỦA TRANG TRẠI

#### 1.1 Ý nghĩa của kế hoạch trang trại

Kế hoạch hóa là chức năng và công cụ quan trọng của công tác quản lý kinh tế nói chung và quản trị trang trại nói riêng. Kế hoạch trong trang trại bao gồm việc xác định mục tiêu của trang trại, của từng bộ phận sản xuất (với trang trại qui mô lớn), cũng như biện pháp để đạt được mục tiêu đó có hiệu quả nhất.

Kế hoạch trong trang trại là điều kiện cơ bản đảm bảo thực hiện có hiệu quả phương hướng sản xuất kinh doanh của trang trại, là công cụ quan trọng giúp cho chủ trang trại lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất kinh doanh có cơ sở khoa học. Mặt khác, kế hoạch giúp cho các doanh nghiệp tập trung khai thác mọi khả năng tiềm tàng của mình để nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả kinh doanh. Nhờ có kế hoạch mà trang trại có thể tránh được các rủi ro, đồng thời chủ động ứng phó khi có sự biến đổi bất thường. Kế hoạch còn giúp cho các trang trại có cơ sở để kiểm tra các hoạt động của mình, tìm ra điểm mạnh, điểm yếu để có giải pháp ứng phó thích hợp.

Như vậy cần phải có nhận thức đầy đủ về công tác kế hoạch trong trang trại. Tuy nhiên, hiện nay hầu hết các trang trại ít chú ý đến việc lập kế hoạch, đặc biệt đối với các trang trại gia đình. Hơn nữa, năng lực lập kế hoạch của các trang trại gia đình còn rất hạn chế. Trong nền kinh tế thị trường, kế hoạch đối với các trang trại cần phải được nhấn mạnh vì nó là công cụ giúp cho các trang trại làm ăn có hiệu quả hơn, tồn tại và đứng vững trong môi trường cạnh tranh.

#### 1.2 Hệ thống kế hoạch của trang trại

Căn cứ vào thời gian, có thể chia kế hoạch trang trại làm hai loại : kế hoạch dài hạn (3 năm, 5 năm) và kế hoạch ngắn hạn như kế hoạch sản xuất hàng năm, kế hoạch thời vụ, quý, tháng, ...

##### 1.2.1 Qui hoạch và kế hoạch dài hạn

Đây là việc xác định mục tiêu, phương hướng qui mô của trang trại trong một thời gian dài. Qui hoạch có hai loại : Qui hoạch tổ chức xây dựng trang trại và kế hoạch dài hạn 3, 5 năm.

- Qui hoạch tổ chức xây dựng cơ bản trang trại: Qui hoạch này được tiến hành trong trường hợp trang trại mới thành lập hay mở rộng, thu hẹp qui mô sản xuất. Nội dung của kế hoạch bao gồm :  
+ Xây dựng mục tiêu tổng quát dài hạn đến năm định hình trang trại (năm trang trại bắt đầu phát triển sản xuất ổn định). Các mục tiêu của kế hoạch tổ chức xây dựng trang trại bao gồm các chỉ tiêu tổng quát cần phải đạt theo phương án qui hoạch như qui mô, cơ cấu các hợp phần (bộ phận) sản xuất, qui mô và cơ cấu bộ máy tổ chức, số lượng, qui mô các công trình xây dựng cơ bản, mức thu nhập của trang trại và đời sống người lao động.

+ Xác định qui mô của trang trại : Ở đây muốn nói đến qui mô về diện tích đất đai của trang trại, qui mô và cơ cấu sản xuất.

+ Bố trí hệ thống công trình xây dựng cơ bản phục vụ sản xuất và đời sống trong trang trại.

+ Bố trí sắp xếp lao động cho các hợp phần (bộ phận) sản xuất gắn liền với các chương trình đào tạo.

+ Xác định nhu cầu vốn và biện pháp chủ yếu về tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, áp dụng công nghệ sản xuất.

+ Xác định hiệu quả của phương án tổ chức xây dựng trang trại.

- Kế hoạch dài hạn 3, 5 năm : Đây là loại kế hoạch nhằm cụ thể hóa, triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức xây dựng trang trại. Kế hoạch dài hạn 3, 5 năm thường có các loại kế hoạch chủ yếu sau :

+ Kế hoạch phát triển các hợp phần (bộ phận) sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, chế biến, dịch vụ). Kế hoạch này bao gồm việc xác định những chỉ tiêu nhiệm vụ sản xuất chủ yếu, chất lượng phải đạt, thời gian hoàn thành, ...

+ Kế hoạch xây dựng cơ bản gồm các chỉ tiêu và nhiệm vụ chủ yếu như : số lượng công trình xây dựng cơ bản, qui mô công trình, tiến độ thực hiện, khả năng đáp ứng vốn.

+ Kế hoạch sử dụng đất đai : Kế hoạch này nhằm sử dụng hợp lý và đầy đủ các loại đất đai trong trang trại, bao gồm việc xác định quy mô cơ cấu diện tích đất đai, đặc biệt là qui mô cơ cấu đất sản xuất

+ Kế hoạch trang bị và sử dụng tư liệu sản xuất : Kế hoạch này gồm có 2 phần : kế hoạch mua sắm máy móc thiết bị vật tư kỹ thuật, bao gồm xác định các chỉ tiêu như số lượng, cơ cấu, năng suất của máy móc thiết bị, số lượng các loại vật tư kỹ thuật cần mua sắm ; và kế hoạch sử dụng bao gồm việc xác định chỉ tiêu định hướng bố trí việc sử dụng các loại tư liệu sản xuất đã trang bị cho các bộ phận sản xuất và qui trình sử dụng.

+ Kế hoạch lao động : Kế hoạch này bao gồm các chỉ tiêu về nhu cầu lao động của doanh nghiệp và số lượng lao động cần tuyển trong 3 đến 5 năm.

### **1.2.2 Kế hoạch ngắn hạn**

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm : Đây là kế hoạch rất quan trọng trong hệ thống kế hoạch của trang trại, nó bao gồm việc xác định các chỉ tiêu nhiệm vụ và các biện pháp cần thực hiện trong một năm và là kế hoạch cụ thể hóa kế hoạch dài hạn. Kế hoạch hàng năm có nhiệm vụ chủ yếu sau :

+ Cụ thể hóa mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch dài hạn theo từng cấp độ thời gian để từng bước thực hiện có kết quả các mục tiêu nhiệm vụ dài hạn.

+ Phát hiện những tiềm năng, lợi thế mới

+ Điều chỉnh những điểm bất hợp lý của kế hoạch dài hạn

- Kế hoạch thời vụ trồng trọt : Đây là kế hoạch rất cần thiết trong kinh doanh nông nghiệp. Kế hoạch thời vụ xác định các chỉ tiêu, nhiệm vụ, công việc cần phải làm trong từng vụ, từng mùa nhất định.

- Kế hoạch quý, tháng của hoạt động chăn nuôi và các hoạt động chế biến : Đối với hoạt động chăn nuôi và công nghiệp chế biến, dịch vụ, tính thời vụ trong sản xuất thấp cho nên có thể xây dựng kế hoạch quý, tháng. Kế hoạch này nhằm đề ra các chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất trong từng quý, từng tháng và các biện pháp thực hiện.

Ngoài ra còn có kế hoạch phân công lao động đi kèm để thực hiện các kế hoạch sản xuất ngắn hạn trên.

## II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT

### 2.1 Khái niệm về phương án và dự toán ngân sách phương án

- Phương án sản xuất là tập hợp các cách sử dụng, phối hợp các yếu tố sản xuất (đầu vào) để sản xuất ra lượng sản phẩm nhất định.

Với các nguồn lực vốn có, chủ trang trại có nhiều cách sử dụng khác nhau để sản xuất ra các sản phẩm khác nhau trên trang trại. Mỗi cách sử dụng nguồn lực để sản xuất ra một hoặc một số loại sản phẩm nhất định được xem là một phương án sản xuất.

Phương án sản xuất có thể đơn thuần là một hoạt động sản xuất hoặc là một tập hợp sản xuất bao gồm nhiều hoạt động sản xuất. Tùy vào ý đồ, các đặc điểm chung và riêng của các hoạt động sản xuất, qui mô của một phương án sản xuất kinh doanh được xác định khác nhau.

- Dự toán ngân sách phương án là việc xây dựng và xem xét các khía cạnh tài chính của một phương án trước khi quyết định thực hiện phương án đó. Ngân sách phương án là tập hợp doanh thu, chi phí và lợi nhuận của một phương án sản xuất.

- Mục tiêu của dự toán ngân sách phương án là dự tính chi phí, thu nhập và lợi nhuận của một phương án sản xuất kinh doanh.

+ Đối với một nguồn lực nhất định có nhiều phương pháp sử dụng khác nhau. Dự toán ngân sách phương án cho phép nhà quản trị nhận dạng ra phương án sản xuất tạo ra nhiều lợi nhuận và khả thi để đưa vào kế hoạch cho toàn trang trại.

+ Dự toán ngân sách phương án cung cấp thông tin và dữ liệu cho nhà quản lý trong quá trình ra quyết định. Nó được sử dụng để điều chỉnh từng năm trong kế hoạch trang trại nhằm đối phó với những thay đổi ngắn hạn của giá cả và sản lượng.

### 2.2 Lập dự toán ngân sách phương án

#### 2.2.1 Xác định các yếu tố đầu vào cần thiết để thực hiện phương án :

- Loại đầu vào gì: đất đai, phân bón, lao động, hạt giống, máy móc, ...
- Mức (số lượng) đầu vào sử dụng: Mỗi loại phân bón, lượng sử dụng là bao nhiêu? Lượng giống được sử dụng? .....

#### 2.2.2 Ước tính doanh thu của phương án

Doanh thu bao gồm cả doanh thu tiền mặt và doanh thu không bằng tiền mặt.

- Một phương án sản xuất có thể cho ra nhiều loại sản phẩm, trong đó có sản phẩm cho doanh thu bằng tiền mặt, có sản phẩm cho doanh thu không phải tiền mặt. Ví dụ: Cây lạc cho hạt là nguồn doanh thu bằng tiền mặt, và thân lạc được sử dụng làm phân bón hoặc làm thức ăn cho gia súc là nguồn doanh thu không bằng tiền mặt.

- Sử dụng giá thị trường để định giá nguồn thu bằng tiền mặt. Đối với nguồn thu không bằng tiền mặt, sử dụng khái niệm chi phí cơ hội hoặc giá trị thay thế để định giá nguồn thu.

- Để ước tính chính xác doanh thu của phương án, cần phải ước tính chính xác sản lượng của sản phẩm và giá cả. Sản lượng dự tính phải được dựa trên sản lượng cũ, xu hướng sản lượng và số lượng đầu vào sử dụng. Mức giá bán thích hợp trên thị trường cũng được xác định trên cơ sở giá trước đây, xu hướng và triển vọng của giá cả trong tương lai.

### 2.2.3 Xác định chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất bao gồm chi phí biến đổi và chi phí cố định

- Chi phí biến đổi (chi phí hoạt động) : Là tổng chi phí của các đầu vào biến đổi. Chi phí đầu vào biến đổi bằng số lượng đầu vào nhân với giá của nó.

+ Ngoài chi phí để mua các vật liệu đầu vào, chi phí sử sửa chữa máy móc, tiền lãi do vốn bị kẹt ở các chi phí hoạt động (thường nhỏ hơn 1 năm) cũng được xem là chi phí biến đổi. Tiền vay được tính trên chi phí hoạt động được vay mượn, trong trường hợp sử dụng vốn tự có thì xuất hiện chi phí cơ hội trên vốn của chủ trang trại.

+ Đối với đầu vào lao động : Tính cả chi phí cho lao động thuê mượn và lao động gia đình. Chi phí cho lao động gia đình được xác định dựa vào khái niệm chi phí cơ hội.

- Chi phí cố định : Là tổng chi phí sử dụng các yếu tố đầu vào cố định (sở hữu) bao gồm chi phí khấu hao máy móc và cơ sở vật chất khác, tiền lãi vốn vay để mua tài sản cố định, thuế tài nguyên (đất), .....

+ Các chi phí này được phân bổ hàng năm và đưa vào các phương án sản xuất dựa trên hệ số sử dụng.

+ Nếu chủ trang trại sử dụng vốn tự có để mua tài sản cố định, tiền lãi vốn đầu tư sẽ được tính dựa trên chi phí cơ hội.

+ Chi phí khấu hao được phân bổ hàng năm và đưa vào các phương án sản xuất dựa trên hệ số sử dụng.

Có 3 phương pháp tính khấu hao : (1) khấu hao đường thẳng, (2) khấu hao theo phương pháp cân đối giảm dần và (3) khấu hao theo tổng năm sử dụng.

+ Khấu hao đường thẳng (khấu hao hàng năm) : được tính theo công thức sau :

Khấu hao hàng năm =  $\frac{\text{Chi phí} - \text{giá trị thu hồi}}{\text{thời gian sử dụng}}$

Hoặc tính theo công thức:

$$\text{Khấu hao hàng năm} = (\text{chi phí} - \text{giá trị thu hồi}) \times R.$$

Trong đó R là tỉ lệ phần trăm hàng năm được tính bằng cách lấy 100% chia cho thời gian sử dụng.

### 2.2.4 Ước tính lợi nhuận của phương án

- Lợi nhuận của phương án bằng tổng doanh thu trừ cho tổng chi phí. Ngoài ra, khi đánh giá phương án, cần xem xét thêm doanh lợi từng phần như :

+ Doanh lợi trừ chi phí hoạt động : Bằng tổng doanh thu trừ đi chi phí hoạt động. Giá trị này sẽ cho biết phương án sẽ đóng góp bao nhiêu vào việc chi trả chi phí cố định. Nó cũng cho biết thu nhập bị giảm đi bao nhiêu và phương án có bao gồm chi phí biến đổi hay không.

### 2.2.5 Lập bảng dự toán ngân sách phương án

Bảng dự toán ngân sách phương án là bảng thể hiện đầy đủ các yếu tố được xác định ở trên. Chúng ta nên qui đổi ngân sách phương án về đơn vị chuẩn (ha, đầu con, ...) để thuận cho việc so sánh và chọn lựa phương án tối ưu để đưa vào kế hoạch sản xuất toàn trang trại.

Ví dụ : Bảng dự toán ngân sách phương cho phương án trồng 3 ha ngô trong năm đến

Khoản mục	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (1000đ)	Tổng (1000đ)
Doanh thu (hạt ngô)	Kg	10800	2	21600
<b>Chi phí biến đổi</b>				
Hạt giống	kg	150	6	900
Phân vô cơ (NPK)	kg	600	3	1800
Thuốc trừ sâu	ha	3	150	450
Lao động	công	180	25	4500
Nhiên liệu	ha	3	400	1200
Sửa chữa máy móc	ha	3	100	300
Lãi tiền vay đầu tư trong 6 tháng	tháng	6000	0.1	600
<i>Tổng chi phí biến đổi</i>				9750
<i>Lợi tức trên chi phí biến đổi</i>				11850
<b>Chi phí cố định</b>				
Khấu hao máy móc	ha	3	300	900
Lãi xuất tiền vay mua máy móc	ha	3	200	600
Chi phí đất đai (thuê đất)	ha	3	400	1200
Chi phí khác	ha	3	300	900
<i>Tổng chi phí cố định</i>				3600
<b>Tổng chi phí</b>				13350
<b>Lợi nhuận ròng</b>				8250

### 2.2.6 Phân tích bảng dự toán ngân sách phương án

- Một ngân sách phương án được xây dựng như trên được gọi là ngân sách kinh tế. Có nghĩa là nó có xem xét chi phí cơ hội của lao động, vốn, đất đai. Lãi lỗ sau cùng chính là phần thu nhập còn lại sau khi đã trừ đi tất cả các chi phí bao gồm cả chi phí cơ hội. Đây có thể được xem là lợi nhuận kinh tế, nó không giống với lợi nhuận tài chính. Lợi nhuận tài chính không xem xét các chi phí cơ hội là chi phí hoạt động.

- Lợi nhuận kinh tế của một phương án bằng 0 không có nghĩa là một phương án tối. Kết quả này có nghĩa đơn giản là tất cả lao động, vốn, đất đai tạo ra thu nhập bằng chính chi phí cơ hội của nó.

- Dữ liệu trong bảng dự toán ngân sách phương án có thể được sử dụng để phân tích nhiều vấn đề. Sử dụng để tính chi phí sản xuất, sản lượng và giá hòa vốn.

+ Chi phí sản xuất: ở đây muốn nói đến chi phí sản xuất trung bình của một đơn vị hàng hóa. Là chi phí trung bình.

$$\text{Chi phí sản xuất} = \text{Tổng chi phí} / \text{Sản lượng}$$

Chi phí sản xuất sẽ thay đổi nếu chi phí hay sản lượng thay đổi. Khi sản phẩm được bán với giá lớn hơn chi phí sản xuất thì có lợi nhuận và ngược lại.

+ Sản lượng hòa vốn : Là mức sản lượng cần thiết để bao gồm các chi phí tại mức giá đầu ra cho trước, được tính bởi công thức sau :

$$\text{Sản lượng hòa vốn} = \text{Tổng chi phí} / \text{Giá sản phẩm}$$

Sản lượng hòa vốn cho thấy sự nhạy cảm của sản lượng khi giá đầu ra thay đổi.

+ Giá hòa vốn : Giá hòa vốn là giá đầu ra cần thiết để bao hàm tất cả chi phí tại mức đầu ra cho trước, được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá hòa vốn} = \text{tổng chi phí} / \text{Sản lượng}$$

Vì sản lượng và giá đầu ra của một dự toán ngân sách phương án đều là giá trị dự toán chứ không phải là giá trị thực, vì thế việc tính toán sản lượng hòa vốn và giá hòa vốn có thể thêm vào quyết định của nhà quản lý. Bằng cách nghiên cứu những kết những kết hợp khác nhau của sản lượng và giá hòa vốn, nhà quản lý có thể tìm sự kết hợp sản lượng và giá cả mà tại đó bao gồm tất cả các chi phí.

Giá cả và sản lượng hòa vốn có thể tính từ tổng chi phí biến đổi thay vì tổng chi phí. Kết quả này có thể giúp nhà quản lý ra quyết định liên quan đến việc tiếp tục hay ngừng sản xuất để tối thiểu hóa thiệt hại trong ngắn hạn.

### III. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SẢN XUẤT CỦA TRANG TRẠI

Kế hoạch sản xuất của trang trại là một bảng phát thảo hay bảng tổng hợp các yếu tố đầu vào có sẵn, loại hình và mức sản xuất sẽ thực hiện. Nó có thể bao gồm đầy đủ những chi tiết như : phân bón, hạt giống, khẩu phần ăn cho gia súc, hoặc chỉ đơn giản là một danh sách các phương án và qui mô sản xuất của chúng.

Việc phát triển một kế hoạch toàn trang trại được chia thành 6 bước : (1) : Xác định mục đích và mục tiêu ; (2) : Lập bảng kê các yếu tố đầu vào ; (3) : Chuẩn bị các ngân sách phương án, lựa chọn phương án và tính hệ số kỹ thuật ; (4) : Ước tính lợi nhuận gộp ; (5) : Chọn tổ hợp phương án ; và (6) : Chuẩn bị ngân sách cho toàn trang trại.

#### 3.1 Xác định mục tiêu

Mục đích là "cái đích" hay điều kiện mà chủ trang trại mong muốn đạt được, nó phản ánh ước mơ và niềm hy vọng của chủ trang trại.

Mục tiêu là biểu hiện cụ thể của mục đích trang trại, là sự cụ thể hóa mục đích sản xuất kinh doanh của trang trại trong thời gian nhất định, gắn với những giải pháp thực hiện. Như vậy mục tiêu

là kết quả cần đạt được trong một thời gian nhất định cả về lượng và chất trong những điều kiện nhất định.

mục tiêu được xác định rõ ràng sẽ định hướng cho việc lựa chọn các phương án hay các hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại sau này. Nó cũng là thước đo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại. Thông thường, tối đa hóa lợi nhuận là mục tiêu cơ bản của trang trại, tuy nhiên những mục tiêu khác như đảm bảo an ninh lương thực cho gia đình, cải tạo đất, bảo vệ môi trường, .... cũng rất quan trọng. Tùy vào điều kiện, năng lực sản xuất và qui mô trang trại hiện tại, chủ trang trại xác định cho mình mục đích và mục tiêu hoạt động khác nhau.

Xác định mục đích, mục tiêu thực ra là một quá trình chủ trang trại tự đặt ra cho mình và các thành viên trong gia đình những câu hỏi và trả lời cho các câu hỏi đó. Chẳng hạn như: Cái gì là mình thực sự muốn đạt được sau một giai đoạn nhất định nào đó? Cái gì là các thành viên khác của gia đình muốn đạt được? Chúng ta phải làm gì để đạt được điều này? Liệu chúng ta có thể làm được điều đó hay không? Bao giờ thì chúng ta có thể đạt được cái mà chúng ta mong muốn?..... Các câu hỏi như thế giúp cho chủ nông xác định được mục đích, mục tiêu phù hợp cho mỗi giai đoạn nhất định trên cơ sở tiềm năng và điều kiện vốn có của mỗi trang trại.

Việc đưa ra mục đích, mục tiêu chính thức của trang trại nên có sự tham gia thảo luận và thống nhất giữa các thành viên trong gia đình và các bên tham gia hợp tác sản xuất kinh doanh trên trang trại.

### 3.2 Xác định đầu vào sẵn có

Lập một bảng kê chính xác các yếu tố đầu vào sẵn có. Loại, chất lượng và số lượng các yếu tố đầu vào có sẵn sẽ quyết định phương án nào có thể được đưa vào kế hoạch cho toàn trang trại và phương án nào không khả thi.

Các yếu tố đầu vào sẵn có của trang trại thường bao gồm: đất đai, nhà xưởng, lao động, máy móc, vốn, thị trường, phương tiện vận chuyển. Năng lực quản trị cũng cần được đánh giá, xem xét như một yếu tố đầu vào sẵn có của trang trại.

Đối với từng loại yếu tố đầu vào sẵn có, cần phải xem xét đầy đủ đặc điểm, chất lượng và số lượng của nó. Đất đai là nguồn lực có giá trị lớn nhất và là một trong số những nguồn lực khó thay thế nhất và có nhiều đặc điểm ảnh hưởng đến loại hình và số lượng phương án sẽ được xem xét. Dưới đây là những mục quan trọng phải được đưa vào khi kê khai yếu tố đầu vào đất đai.

- Tổng diện tích, diện tích mỗi loại đất (đất trồng trọt, đồng cỏ, đất hoang,...).
- Yếu tố khí hậu ảnh hưởng đến sử dụng đất đai.
- Loại đất, độ dốc, độ phì, độ sâu.
- Hệ thống thủy lợi cung cấp nước hiện thời hoặc tiềm năng phát triển hệ thống thủy lợi.
- Các loại cây trồng thích hợp và sản lượng có thể đạt được
- Cỏ dại, sâu bệnh gây hại hiện tại và tiềm tàng đối với cây trồng trên đất
- Các thông tin về tình hình sử dụng đất trong quá khứ: cơ cấu cây trồng, phương thức canh tác, sản lượng, phân bón đã sử dụng,...

### 3.3 Xác định các phương án có thể và hệ số kỹ thuật.

Bảng kê yếu tố đầu vào sẽ cho biết phương án nào là khả thi. Phương án nào yêu cầu loại yếu tố đầu vào không có sẵn sẽ bị loại bỏ, trừ khi việc mua yếu tố đầu vào này là khả thi. Các đầu vào hạn chế sẽ ảnh hưởng đến số lượng các phương án tiềm năng. Trên cơ sở bảng dự toán ngân sách của mỗi phương án và bảng kê yếu tố đầu vào sẵn có của trang trại, nhà quản trị có thể phân tích và lựa chọn những phương án tối ưu và có tính khả thi cao để đưa vào kế hoạch sản xuất toàn trang trại.

Tiếp đến là xác định các hệ số kỹ thuật của các phương án đã được lựa chọn. Hệ số kỹ thuật là số lượng đầu vào cho mỗi đơn vị của phương án. Thông thường, chỉ xác định hệ số kỹ thuật của phương án đối với các yếu tố đầu vào hạn chế. Hệ số kỹ thuật hay yếu tố đầu vào cho mỗi đơn vị phương án là rất quan trọng trong việc xác định qui mô kinh doanh tối đa và tổ hợp phương án cuối cùng.

Ví dụ : Hệ số kỹ thuật của các phương án trong kế hoạch sản xuất toàn trang trại

Loại yếu tố đầu vào	Cây trồng mỗi ha ở					Gia súc (đầu)	
	Khu đất trồng loại I			Khu đất trồng loại II		Bò thịt	Bò sữa
	Ngô	Lạc	Vùng	Sắn	Vùng		
Đất trồng loại I (ha)	1	1	1	-	-	-	-
Đất trồng loại II (ha)	-	-	-	1	1	0.5	-
Đồng cỏ (ha)	-	-	-	-	-	4	2
Lao động (công)	40	30	20	30	20	30	15
Vốn hoạt động (1000đ)	1150	600	300	650	300	2500	5100

### 3.4 Ước tính lợi nhuận gộp

Lợi nhuận gộp đơn vị là sự chênh lệch giữa tổng thu nhập và tổng chi phí biến đổi của mỗi đơn vị phương án. Lợi nhuận gộp chính là sự đóng góp củ phương án vào chi phí cố định và là lợi nhuận sau khi đã trả chi phí biến đổi. Như vậy, để tính lợi nhuận gộp, chúng ta tính tổng thu nhập và tổng chi phí hoạt động (biến đổi) của mỗi phương án, sau đó khấu trừ nhau và qui đổi về một đơn vị phương án chuẩn.

Tính lợi nhuận gộp đòi hỏi sự ước tính tốt nhất của nhà quản trị về sản lượng cho mỗi phương án và giá cả kỳ vọng. Để tính tổng chi phí biến đổi, yêu cầu phải xác định mỗi đầu vào biến đổi cần thiết, số lượng yêu cầu và giá mua. Mức đầu vào tối ưu nên được xác định theo những nguyên tắc kinh tế đã trình bày ở chương 2. Việc ước tính sản lượng phải phù hợp với mức đầu vào đã chọn và khả năng quản trị hiện có.

Lợi nhuận gộp cùng với các thông số kỹ thuật phương án sẽ được áp dụng để lựa chọn tổ hợp phương án

Ví dụ : Tính lợi nhuận gộp của các phương án

	Khu đất trồng loại I			Khu đất trồng loại II		Gia súc (đầu)	
	Ngô (ha)	Lạc (ha)	Vùng (ha)	Lạc (ha)	Vùng (ha)	Bò thịt (đầu)	Bò sữa (đầu)
Sản lượng (tạ)	35	20	5	15	4		

Giá cả (1000đ)	200	400	1000	400	1000			
Tổng thu nhập (1000đ)	7000	8000	5000	6000	4000	4000	6000	
Tổng biến phí (1000đ)	5450	6800	4100	5250	3400	2500	5100	
<b>Lợi nhuận gộp (1000đ)</b>	<b>1550</b>	<b>1200</b>	<b>900</b>	<b>750</b>	<b>600</b>	<b>1500</b>	<b>900</b>	

### 3.5 Chọn tổ hợp phương án

Nguồn lực sản xuất của trang trại như đất đai, vốn, lao động,... thường hạn chế, trong khi đó có nhiều phương án sản xuất cạnh tranh về nguồn lực. Trong trường hợp này, nhà quản lý phải tìm cách phân bổ các nguồn lực cho các phương án sản xuất để sử dụng các nguồn lực đó có hiệu quả nhất. Quá trình đó gọi là sự lựa chọn tổ hợp phương án. Có hai phương pháp lựa chọn tổ hợp phương án phổ biến là : phương pháp hoạch định đơn giản và phương pháp hoạch định tuyến tính.

- **Phương pháp hoạch định đơn giản**

Phương pháp này dựa trên lợi nhuận gộp của mỗi đơn vị phương án và các hệ số kỹ thuật để phân bổ các nguồn lực hạn chế cho các phương án sản xuất kinh doanh và tìm ra một tổ hợp phương án cho lợi nhuận cao nhất. Phương pháp hoạch định đơn giản có thể tóm tắt ở các bước sau:

1. Tính số đơn vị phương án tối đa từ mỗi đầu vào giới hạn.

2. Xác định mức sản xuất tối đa có thể có cho mỗi phương án, so sánh lợi nhuận tối đa và chọn phương án đưa vào kế hoạch.

Mức sản xuất tối đa của mỗi phương án chính là số đơn vị phương án nhỏ nhất trong số các đơn vị phương án tối đa được xác định ở bước 1.

Lợi nhuận tối đa của mỗi phương án = (lợi nhuận gộp cho mỗi đơn vị phương án) x (số phương án tối đa).

3. Tính số lượng của mỗi đầu vào giới hạn có sẵn vẫn chưa được sử dụng.

4. Lặp lại từ bước 2 đến bước 3 cho đến khi tất cả các đầu vào đều được sử dụng hết hoặc không có phương án nào khác có thể được.

5. Kiểm tra xem liệu tổng lợi nhuận gộp có thể tăng bởi thay thế phương án này bằng phương án khác.

Bài giảng

Quản lý

Trần Văn Thọ

Ví dụ:

Ví dụ này sử dụng cùng thông ở các ví dụ trên. Các giá trị ở bước 1 của bảng dưới cho biết số đơn vị tối đa mỗi phương án có thể thực hiện được mà không sử dụng nhiều hơn số đầu vào có sẵn. Giá trị nhỏ nhất cho mỗi phương án được gạch dưới.

Bảng hoạch định đơn giản

Các bước thực hiện	Tài nguyên sẵn có	Khu đất trồng loại I			Khu đất trồng loại II		Gia súc		Tổng
		Ngô (ha)	Lạc (ha)	Vùng (ha)	Lạc (ha)	Vùng (ha)	Bò thịt (đầu)	Bò sữa (đầu)	
<b>Xác định sơ đơn vị phương án tối đa (bước 1)</b>									
Đất trồng loại I (ha)	40	40	40	40					
Đất trồng loại II (ha)	20				20	20	40		
Đồng cỏ (ha)	20							10	
Lao động (ngày công)	200	50	66.6	100	66.6	100	60	133.3	
Lợi nhuận gộp một đơn vị (1000đ)		1550	1200	900	750	600	1500	900	
<b>Xác định mức sản xuất tối đa của mỗi phương án, so sánh lợi nhuận và chọn phương án đưa vào kế hoạch (bước 2)</b>									
Số đơn vị phương án tối đa		40	40	40	20	20	50	100	
Lợi nhuận gộp tối đa		62000	48000	36000	15000	12000	75000	90000	
Mức sản xuất tối đa		20	20						
Lợi nhuận gộp		31000	24000						55000
<b>Xác định số lượng đầu vào còn lại (bước 3)</b>									
Đất trồng loại I (ha)		0	0	0					
Đất trồng loại II (ha)	20				20	20	40		
Đồng cỏ (ha)	20						5	10	
Lao động (ngày công)	60	15	20	30	20	30	20	40	
<b>Lập lại bước 2</b>									
Số đơn vị tối đa		0	0	0	20	20	5	10	
Lợi nhuận gộp tối đa		0	0	0	15000	12000	7500	9000	
Kế hoạch tối ưu		200	200		10				
Lợi nhuận gộp		31000	24000		7500				62500
<b>Lập lại bước 3</b>									
Đất trồng loại I (ha)	0	0	0	0					
Đất trồng loại II (ha)	10				0	10	20		
Đồng cỏ (ha)	20						5	10	
Lao động (ngày công)	30	7.5	10	15	10	15	10	20	
<b>Lập lại bước 2</b>									

Số đơn vị tối đa		0	0	0	0	10	5	10	
Lợi nhuận gộp tối đa						6000	7500	9000	
Kế hoạch tối ưu		20	20		10			10	
Lợi nhuận gộp		31000	24000		7500			9000	71500
<b>Lập lại bước 3</b>									
Đất trồng loại I (ha)	0	0	0	0					
Đất trồng loại II (ha)	10	-	-	-	0	10	20		
Đồng cỏ (ha)	0						0	0*	
Lao động (ngày công)	15	3.75	5	7.5	5	7.5	5	10	
<b>Kiểm tra lợi nhuận gộp và thay thế phương án (bước 5)</b>									
Số đơn vị tối đa		20	20		5	15		10	
Lợi nhuận gộp tối đa		31000	24000		3750	9000		9000	76750

- Ở bước 1 cho thấy đối với trồng ngô trên đất loại I, có đủ lao động cho 50 ha đất nhưng chỉ có đủ đất cho 40 ha. Lạc và vùng cũng bị giới hạn vào 40 ha bởi đầu vào đất loại I, mặc dù nguồn lao động cho phép tương ứng là 66.6 ha và 100 ha. Tương tự, số đơn vị lạc và vùng trên đất loại II bị giới hạn vào 20 ha bởi nguồn cung cấp đất, mặc dù có đủ lao động để làm nhiều hơn diện tích này. Bò thịt cũng bị hạn chế ở mức 50 con và bò sữa ở 100 con bởi số lượng đất đồng cỏ có sẵn.

- Bước 2 ở bảng cho thấy tổng lợi nhuận gộp cho mỗi đơn vị với số đơn vị có thể có. Ngô với 62 triệu đồng có lợi nhuận gộp tiềm năng lớn nhất. Tuy nhiên, vì một số lý do người điều hành không muốn trồng nhiều hơn 20 ha ngô ở bất cứ năm nào. Điều này làm giảm lợi nhuận gộp của ngô xuống 31 triệu đồng. 200 ha còn lại có thể trồng lạc là loại cây có lợi nhuận gộp lớn nhất kế tiếp. Lạc thêm 24 triệu vào lợi nhuận gộp, và tổng lợi nhuận gộp sẽ là 55 triệu đồng.

- Bước 3 cho thấy tất cả đất loại I hiện tại đều được sử dụng, nhưng vẫn còn các phương án có thể khác. Do đó, quá trình được thực hiện lặp lại ở bước 2. Bây giờ chỉ còn 60 ngày công lao động vì 80 ngày công đã được dùng cho sản xuất ngô và 60 ngày công cho sản xuất lạc. Tuy nhiên, như được chỉ ra bởi các giá trị gạch dưới ở bước 3 của bảng, lạc, vùng, bò thịt và bò sữa vẫn còn bị giới hạn chế. Không chỉ nguồn cung cấp lao động mà còn bởi nguồn cung cấp đất loại II hoặc đồng cỏ.

Trong số các phương án chưa có trong kế hoạch, bước này cho thấy lạc trên đất loại II có lợi nhuận lớn nhất ở mức 15 triệu đồng. Tuy nhiên, người điều hành không muốn trồng lạc nhiều hơn một nửa diện tích đất loại II, do đó bị giới hạn ở 10 ha. 10 ha lạc này sẽ làm tăng thêm 7,5 triệu đồng lợi nhuận gộp của kế hoạch và tổng lợi nhuận gộp sẽ là 62,5 triệu đồng.

- Lặp lại bước 3 cho thấy vẫn còn 10 ha đất loại II, 20 ha đồng cỏ và 30 ngày công lao động. Mức các phương án tối đa có thể là 10 ha vùng, 50 đầu bò thịt hoặc 100 đầu bò sữa. Lặp lại bước 2 cho thấy, bò sữa cho tổng lợi nhuận gộp cao nhất 9 triệu đồng, vì vậy chúng được đưa vào kế hoạch. Lợi nhuận gộp cho kế hoạch trang trại tăng lên đến 71,5 triệu đồng.

- Lặp lại bước 3 cho thấy bò thịt không còn khả thi vì tất cả đồng cỏ đã sử dụng cho bò đực. Vẫn còn 10 ha đất loại II, 15 ngày công lao động còn lại chỉ cho phép trồng 7.5 ha vùng như được trình bày ở bước 7. Cộng 7.5 ha vùng vào kế hoạch sẽ làm tăng tổng lợi nhuận gộp 4,5

triệu đồng và lợi nhuận gộp sẽ là 76 triệu đồng. Tuy nhiên, 2.5 ha đất loại II sẽ vẫn không được sử dụng do không còn lao động. So sánh lợi nhuận gộp cho một ngày công lao động lao động (hiện tại là đầu vào hạn chế nhất), lạc cho 250.000 đồng mỗi ngày công và vùng cho 300.000 đồng mỗi ngày công (kết quả tính được rút ra từ bảng hệ số kỹ thuật và bảng lợi nhuận gộp của các phương án ở trên). Như vậy, nên chuyển lao động từ lạc sang vùng khi nào còn đất chưa được sử dụng. Giảm 1 ha lạc sẽ cho 3 lao động và trồng được 1.5 ha vùng. 5 ha lạc có thể chuyển sang vùng theo cách này, thành 5 ha lạc và 15 ha vùng trên đất loại II. Tổng cộng lợi nhuận gộp bây giờ là 76,75 triệu đồng Không thể thêm vào phương án nào khác nếu không tăng ít nhất một đầu vào và phải giảm bớt mức sản xuất của một phương án.

- **Phương pháp hoạch định tuyến tính**

Phương pháp này sử dụng phần mềm máy tính để giải được các vấn đề hoạch định tuyến tính lớn và tìm ra một số kế hoạch tối ưu với điều kiện số liệu phải chính xác. Bằng ngôn ngữ toán học, hoạch định tuyến tính làm cực đại một số hàm mục tiêu tùy thuộc vào các ràng buộc đã định. Hàm mục tiêu trong hoạch định toàn trang trại thường cực đại tổng lợi nhuận gộp, và các ràng buộc là số lượng đầu vào cố định có sẵn.

### **3.6 Lập dự toán ngân sách cho toàn trang trại.**

Bước cuối cùng là lập dự toán ngân sách cho toàn trang trại. Tương tự dự toán ngân sách phương án, dự toán ngân sách toàn trang trại bao gồm thu nhập, chi phí và lợi nhuận của kế hoạch sản xuất toàn trang trại. Dự toán ngân sách toàn trang trại có thể được sử dụng cho những mục đích sau :

- Ước tính các yếu tố đầu vào có sẵn như vốn, lao động, thức ăn gia súc hoặc hệ thống thủy lợi và nhu cầu sử dụng chúng.
- Ước tính thu nhập, chi phí và lợi nhuận kỳ vọng cho mỗi kế hoạch sản xuất toàn trang trại.
- Ước tính ngân lưu vào, ngân lưu ra, và tính thanh khoản của kế hoạch.
- So sánh mức độ hiệu quả về khả năng sinh lợi và tính thanh khoản của các kế hoạch trang trại thay thế.

Thu nhập của toàn trang trại bao gồm thu nhập từ các phương án và các nguồn thu nhập khác, chẳng hạn như thu nhập do đi làm cho trang trại khác, .... Thu nhập từ các phương án được tính toán bằng cách lấy lợi nhuận gộp của mỗi phương án nhân với số đơn vị phương án sau đó cộng tổng các lợi nhuận của từng phương án.

Chi phí cho toàn trang trại : Ngoài chi phí cho từng phương án, các chi phí không tham gia trực tiếp vào sản xuất, chẳng hạn chi phí điều hành trang trại, và các chi phí không phân bổ được cho từng phương án cụ thể như chi phí sửa chữa phân xưởng, chi phí tiền lãi, dịch vụ công cộng cũng được đưa vào như là chi phí chung cho toàn kế hoạch trang trại.

Lợi nhuận toàn trang trại là tổng thu nhập trừ cho tổng chi phí của toàn trang trại.

### **3.7 Lập kế hoạch hành động**

Kế hoạch sản xuất sau khi xây dựng và thống nhất cần phải được thực thi. Việc tổ chức thực hiện tốt kế hoạch đã xây dựng là yếu tố quan trọng để đạt được mục tiêu của kế hoạch.

Kế hoạch sản xuất được xây dựng như trên chỉ là một kế hoạch chung, chưa thể hiện các hành động cụ thể. Vì thế để thực hiện được kế hoạch sản xuất này, công việc trước tiên là phải xây dựng kế hoạch hành động cụ thể. Kế hoạch này nhằm xác định rõ các hoạt động cụ thể cần làm, thời gian thực hiện và thời gian hoàn thành các hoạt động đó, nguồn lực cần thiết để thực hiện các hoạt động, và người chịu trách nhiệm thực hiện. Như vậy kế hoạch cụ thể bao gồm :

- Cụ thể hóa hoạt động và tiến độ thực hiện
- Tổ chức và phân công trách nhiệm
- Phân bổ nguồn lực và phương tiện

Tiếp đến là việc chuẩn bị các vật tư, kỹ thuật, lao động cần thiết theo yêu cầu của kế hoạch. Cần chuẩn bị đầy đủ điều kiện vật chất kỹ thuật và có một lượng dự trữ cần thiết nhằm đảm bảo giải quyết những tình huống bất thường.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch, cần có sự theo dõi, kiểm tra và điều chỉnh kế hoạch. Trong quá trình thực hiện thường có thể xảy ra những mất cân đối do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau, việc theo dõi, kiểm tra sẽ giúp phát hiện và điều chỉnh kịp thời các vấn đề nảy sinh. Thông qua theo dõi và kiểm tra có thể phát hiện những tiềm năng chưa được khai thác hoặc khai thác chưa hợp lý.

Bài giảng Quản lý Trong kinh doanh

## QUẢN LÝ NGUỒN LỰC SẢN XUẤT TRONG TRANG TRẠI

### I KHÁI NIỆM CHUNG VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT TRONG TRANG TRẠI

Quá trình sản xuất kinh doanh của trang trại là quá trình lập kế hoạch, lựa chọn, kết hợp và chuyển hóa các yếu tố sản xuất, còn gọi là yếu tố đầu vào (đất đai, vốn, lao động, ...) theo một quy trình công nghệ nhất định để sản xuất ra các sản phẩm, còn gọi là đầu ra. Đó là thực chất của quá trình tổ chức và quản lý các yếu tố sản xuất trong các trang trại.

Để tiến hành sản xuất kinh doanh, trước tiên doanh nghiệp phải có dòng tài chính để thị trường yếu đầu vào để thuê, mua máy móc thiết bị, vật tư kỹ thuật và lao động cần thiết cho trang trại. Các yếu tố này tác động lẫn nhau và không thể tách biệt trong quá trình sản xuất. Như vậy, tổ chức và quản lý các yếu tố sản xuất là nhằm tạo ra các yếu tố sản xuất phục vụ cho nhu cầu sản xuất của trang trại.

Lập kế hoạch chính xác nhu cầu các yếu tố sản xuất, đúng khối lượng và thời điểm, mùa vụ là cơ sở quan trọng để duy trì số lượng dự trữ các yếu tố sản xuất ở mức thấp nhất. Điều này đòi hỏi phải lập kế hoạch chính xác, chặt chẽ đối từng loại vật tư, từng chi tiết, từng nguyên liệu.

Mục đích tổng quát của quản trị các yếu tố sản xuất là tổ chức, xác định và sử dụng có hiệu quả các yếu tố sản xuất kinh doanh. Mục đích cụ thể là:

- Đáp ứng kịp thời nhu cầu các yếu tố sản xuất của doanh nghiệp, về chủng loại, số lượng, chất lượng với giá cả hợp lý.

- Giảm thiểu số lượng dự trữ các yếu tố sản xuất. Cần căn cứ vào khối lượng công việc ở các mùa vụ và định mức kinh tế kỹ thuật để xác định mức dự trữ từng yếu tố hợp lý.

- Tăng hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần trả lời câu hỏi "xác định lựa chọn và kết hợp yếu tố đầu vào như thế nào?" để có hiệu quả cao nhất trong sản xuất.

Để tổ chức và quản lý tốt các yếu tố sản xuất, các trang trại cần phải xác định đúng nhu cầu của từng yếu tố sản xuất trên cơ sở khối lượng công việc theo quý, tháng, mùa, cả năm và qui trình sản xuất cho từng loại cây trồng vật nuôi. Kinh nghiệm sản xuất của nhà quản trị có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện yêu cầu này.

### II. TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

#### 2.1 Vị trí, mục đích tổ chức quản lý đất đai

- Vị trí tổ chức quản lý đất đai: Đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu không thể thay thế được trong trang trại và là tài nguyên quý hiếm, có giới hạn của nông nghiệp. Khả năng sản xuất của đất đai rất lớn, tuy nhiên năng suất của đất đai phụ thuộc nhiều vào các biện pháp khai thác và sử dụng nó. Vì vậy, tổ chức quản lý đất đai có vị trí hết sức quan trọng trong quản trị sản xuất kinh doanh trang trại.

- Mục đích tổ chức quản lý đất đai là:

- + **Bố trí cây trồng, vật nuôi hợp lý để sử dụng đầy đủ và có hiệu quả nhất quỹ đất đai của trang trại.**

- + Nhằm chắc tình hình, động thái của đất đai thông qua kế hoạch quy hoạch, chế độ trồng trọt và chế độ chăn nuôi của trang trại.
- + Áp dụng đồng bộ giải pháp quản trị, các giải pháp tổ chức kinh tế kỹ thuật và chế độ bảo vệ, bồi dưỡng, tăng độ màu mỡ và chống xói mòn cho đất đai.

## 2.2 Nội dung quản lý đất đai

### 2.2.1 Phân loại đất

Việc phân loại đất rất quan trọng, nó giúp trang trại nắm vững chắc được số lượng và chất lượng đất đai, thực trạng bố trí sản xuất và sử dụng đất đai, phát hiện tiềm năng của đất đai,... để có phương hướng, kế hoạch và giải pháp quản lý sử dụng, bảo vệ và cải tạo đất đai một cách khoa học và chặt chẽ nhằm không ngừng tăng giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích và độ màu mỡ của đất đai.

Căn cứ để phân loại đất đai bao gồm thực trạng, điều kiện nông hóa thổ nhưỡng, thành phần cơ giới của đất, vị trí, địa hình, cơ sở hạ tầng (đặc biệt là giao thông vận tải) điều kiện tưới tiêu của đất đai,... Chính những điều kiện này là cơ sở để quy hoạch, bố trí và xác định cơ cấu cây trồng, vật nuôi hợp lý, xác định giá trị và kinh tế của đất đai.

- Căn cứ vào mục đích sử dụng, có thể phân chia đất đai thành các loại sau đây:

+ Đất nông nghiệp: Đất nông nghiệp là đất được sử dụng chủ yếu sản xuất của ngành trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Theo mục đích sử dụng, có thể phân thành 3 loại: đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Đất trồng trọt có thể phân làm 2 loại chủ yếu là đất trồng cây hàng năm và đất trồng cây lâu năm.

+ Đất lâm nghiệp: Đất lâm nghiệp là đất chủ yếu được dùng vào sản xuất lâm nghiệp như: đất rừng tự nhiên, đất đang có rừng trồng và đất để sử dụng vào mục đích lâm nghiệp.

+ Đất thổ cư: Đó là đất chủ yếu để xây dựng nhà ở và các công trình sinh hoạt của trang trại. Tuy nhiên, do tính chất đất thù của nông thôn, có một bộ phận đáng kể đất thổ cư dùng cho xây dựng chuồng trại, chăn nuôi, đất vườn quanh nhà.

+ Đất chuyên dụng của trang trại: Là đất dùng để xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông ở trong nội bộ trang trại, đất xây dựng nhà kho, nhà xưởng chế biến,...

+ Đất chưa sử dụng của trang trại là đất còn hoang hóa do chưa có điều kiện khai thác hoặc do còn tranh chấp quyền sử dụng nên chưa đưa vào sử dụng.

Để phân loại đất đai theo mục đích sử dụng, các trang trại cần điều tra đánh giá đất đai về mặt tự nhiên (độ màu mỡ, thành phần cơ giới, độ chua kiềm, địa hình, nguồn nước, các điều kiện thời tiết, khí hậu,...) làm cơ sở xem xét khả năng bố trí cây trồng trên đất để xác định cơ cấu đất đai của trang trại.

- Có thể căn cứ vào chất lượng đất đai để phân chia đất đai thành các hạng đất, chủ yếu đối với phân đất nông nghiệp của trang trại.

- Căn cứ vào nguồn gốc đất đai, đất trang trại có thể phân thành:

+ Đất được giao khoán: là đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật đất đai hoặc đất đã làm xong các thủ tục giấy tờ cấp giấy nhận quyền sử dụng đất.

+ Đất chưa giao quyền, bao gồm đất của nông lâm trường tạm giao, đất của các dự án, đất chuyển nhượng không hợp pháp, đất khai hoang,....

Phân loại đất đai theo nguồn gốc một mặt để bố trí sử dụng đất đai, nhưng chủ yếu để quản lý đất đai và thực hiện hạch toán chi phí với đất đai chưa được giao khi hoạch toán kết quả kinh doanh của trang trại.

### 2.2.2 Bố trí sử dụng đất trồng trọt

- **Căn cứ để bố trí sử dụng đất đai**

- Đặc tính tự nhiên của các loại đất
- Điều kiện thủy lợi hiện có của trang trại và nhu cầu khác nhau về nước của từng loại cây trồng
- Đặc điểm của mỗi ngành sản xuất (trồng trọt, nuôi trồng thủy sản)
- Mối quan hệ của cây trồng trong hệ thống trang trại

- **Bố trí cây trồng trong trang trại**

- Bố trí đất trồng cây lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày

Cây lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày thường có thời gian sinh trưởng ngắn và chiếm đại bộ phận diện tích cách tác của trang trại. Vì thế yêu cầu của việc bố trí đất đai cho các loại cây này:

- + Chọn loại đất phù hợp với từng loại cây trồng, tầng canh tác trên 60cm
- + Bố trí liên khoảnh, chủ động về tưới tiêu
- + Bố trí nơi bằng phẳng để tiện cho canh tác, áp dụng cơ giới hóa.
- + Xác định công thức luân kinh thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và cải tạo đất đai.
- Bố trí đất trồng rau

Rau là loại cây trồng có yêu cầu thâm canh cao, đầu tư chủ yếu là lao động thủ công. Vì thế khi bố trí nên:

- + Bố trí gần khu nhà ở, trại chăn nuôi, gần nguồn nước, gần đường giao thông.
- + Bố trí trên đất tơi xốp, hàm lượng dinh dưỡng cao, tương đối bằng phẳng và khuất gió.
- Bố trí đất trồng cây ăn quả và cây lâu năm

Đặc tính chung của các loại cây trồng này là có giá trị kinh tế cao, có thời gian kinh doanh dài, đặc biệt là những cây có tán lớn, rễ dài và ăn sâu vào đất. Vì vậy, bố trí đất để trồng các loại cây ăn quả nên:

- + Bố trí trên đất cao có tầng canh tác dày trên 60 cm.
- + Bố trí gần đường giao thông
- + Khi trồng nên chia thành các lô để tiện cho việc chăm sóc và bảo vệ cây.
- Bố trí đất làm nơi chăn thả gia súc, trồng cây thức ăn gia súc

Khu chăn thả, nên chọn nơi cao ráo, thoát khí, đầy đủ ánh sáng. Nếu không có hoặc có hoặc có ít cỏ phải trồng cỏ có thể tận dụng các bờ đê, bờ đường thuộc địa phận thuộc trang trại, trường hợp không giải quyết được phải dành riêng đất để trồng như để giành để trồng thức ăn gia súc.

Đất để trồng thức ăn gia súc nên bố trí liên khoảnh, chia thành từng ô để tiện chăm sóc và khai thác.

### 2.2.3 Bố trí đất xây dựng các công trình

- Xây dựng nhà ở và các khu vực phục vụ sản xuất của trang trại:

Bố trí xây dựng nhà ở và các khu vực phục vụ sản xuất của trang trại nông nghiệp phải ở những nơi cao ráo, thoáng mát, có đủ nguồn nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt có cấu tạo địa chất vững để tạo cơ sở nền móng, giảm chi phí xây dựng, không bị ảnh hưởng của môi trường sản xuất.

Đối với đất xây dựng các chuồng trại chăn nuôi phải ở nơi cuối gió, cuối nguồn nước, địa hình thấp hơn nhà ở và các công trình phục vụ đời sống (giếng nước, nhà tắm, sân...).

- Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi

+ Đối với đất xây dựng các công trình giao thông: Đây là hệ thống giao thông nội bộ trong các trang trại, phải được xây dựng phù hợp với quy mô, địa hình, phương hướng kinh doanh và khả năng đầu tư của các trang trại. Phải chú ý tới hệ thống thủy lợi của trang trại để có sự kết hợp giữa giao thông với thủy lợi. Phải chú ý tới khả năng cơ giới hoá để bố trí lô, thửa..., vì đường giao thông nội bộ đồng thời cũng là đường phân lô, thửa.

+ Đối với xây dựng các công trình thủy lợi: Đây cũng là các công trình thủy lợi nội bộ, vì vậy đất cho các công trình này phải gắn với công trình thủy lợi của xã, huyện, tỉnh và phục vụ tốt cho nhu cầu nước của sản xuất và sinh hoạt của trang trại. Để đáp ứng điều đó, đất bố trí xây dựng các công trình thủy lợi phải dựa trên cơ sở các quy hoạch thủy lợi chung của vùng, kết hợp với đất cho giao thông và phải tiết kiệm đất. Hệ thống thủy lợi phải phục vụ được cho tất cả các hoạt động trồng trọt chăn nuôi của trang trại.

#### 2.2.4 Cải tạo, bảo vệ, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đất đai

- Thực hiện chế độ canh tác hợp lý trên các loại đất

+ Chế độ canh tác trên đất dốc với việc thiết kế lô, thửa, ruộng bậc thang theo các đường đồng mức, với chế độ khai thác hợp lý, trồng cây bảo vệ đất theo mô hình RVAC (rừng, ao, chuồng, vườn), thực hiện phương thức canh tác nông lâm kết hợp.

+ Chế độ canh tác trên đất chua phèn với việc thau chua, rửa phèn, bố trí các loại cây trồng phù hợp trên đất chua phèn nhằm cải tạo đất và dần bố trí các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao.

+ Chế độ canh tác trên đất cát ven biển với các đai rừng chắn gió, cát và sử dụng phân hữu cơ hoai mục...

- Bảo vệ nguồn tài nguyên rừng bằng cách tăng cường trồng rừng, không phá rừng đầu nguồn, rừng khoanh nuôi để giữ gìn môi trường sinh thái. Nhờ đó, một mặt rừng cung cấp chất hữu cơ cho đất, mặt khác rừng chống lũ lụt, sỏi mòn làm suy thoái đất ...

- Áp dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và công nghệ của cuộc cách mạng sinh học và sản xuất nông nghiệp, trong đó có việc cải tạo, bảo vệ và nâng cao chất lượng đất đai như: tăng cường bón các loại phân vi sinh, bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý để vừa khai thác hết các tiềm năng của đất vừa bồi dưỡng, cải tạo đất ...

- Thực hiện các biện pháp thâm canh hợp lý, trong đó chú trọng các chế độ làm đất như: làm đất không phá kết cấu đất, nhưng vẫn làm cho đất tơi xốp (cày rung, không lật đất ...); Chế độ bón phân hợp lý: dựa trên cơ sở các phân tích nông hoá để nắm số lượng các chất dinh dưỡng trong đất, và yêu cầu dinh dưỡng của từng loại phân, lượng phân cần bón, cần kết hợp các loại phân để cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng cho cây và không làm suy kiệt đất, khôi phục lại các chế độ bón phân cổ truyền thông qua việc nuôi bèo dâu, trồng các loại cây phân xanh; hạn chế dùng các loại hoá chất trừ sâu, diệt cỏ làm ô nhiễm đất, thực hiện chế độ tưới tiêu khoa học.

- Tổ chức và quản lý mặt nước và các nguồn tài nguyên khác của trang trại. Các tài nguyên của trang trại không chỉ có đất đai mà còn có mặt nước, điều kiện khí hậu, rừng và các tài nguyên trong lòng đất. Các tài nguyên này tạo lên môi trường sinh thái đảm bảo cho sản xuất và đời sống con người, nó có vị trí hết sức quan trọng không chỉ trước mắt và cả về lâu dài, do đó cần quán triệt quan điểm xây dựng và phát triển nền nông nghiệp sinh thái bền vững.

### 2.3 Chỉ tiêu đánh giá trình độ và hiệu quả của việc tổ chức sử dụng đất đai

- *Chỉ tiêu đánh giá trình độ sử dụng*

- Diện tích đất nông nghiệp, đất canh tác tính trên một lao động động của trang trại.
- Hệ số sử dụng ruộng đất (bằng tỉ lệ giữa diện tích gieo trồng cây hàng năm với toàn bộ diện tích đất canh tác). Chỉ tiêu này chủ yếu thể hiện việc thực hiện tăng vụ và khả năng có thể tăng vụ của trang trại.

- Chỉ tiêu phản ánh trình độ và mức độ thâm canh: hao phí lao động, tư liệu sản xuất, chi phí vật chất trên đơn vị diện tích...

- *Chỉ tiêu biểu hiện hiệu quả kinh tế*

- + Năng suất đất đai: giá trị sản lượng hay giá trị sản lượng hàng hóa tính trên đơn vị diện tích đất nông nghiệp hay đất canh tác.

- + Năng suất cây trồng của từng loại cây cụ thể.

- + Lợi nhuận trước thuế và sau thuế tính trên đơn vị diện tích đất nông nghiệp hay đất canh tác.

## II. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÁC TƯ LIỆU SẢN XUẤT TRONG TRANG TRẠI

### 2.1. Khái niệm, phân loại và đặc điểm của tư liệu sản xuất nông nghiệp

#### Khái niệm:

Tư liệu sản xuất trong các trang trại là điều kiện vật chất để tổ chức sản xuất trong nông nghiệp.

#### Phân loại:

- Căn cứ vào vai trò trong quá trình sản xuất, TLSX được phân làm 2 loại:

- + Tư liệu lao động: là yếu tố vật chất của sản xuất mà con người sử dụng nó để tác động lên đối tượng lao động

- + Đối tượng lao động: là yếu tố vật chất của sản xuất mà con người cùng với tư liệu lao động tác động lên nó, làm thay đổi đặc điểm, hình thái, tính chất vật lý, ... để tạo ra những sản phẩm mong muốn.

- Căn cứ vào tính chất chu chuyển trong quá trình sản xuất, TLSX cũng được phân làm 2 loại:

- + Tài sản cố định: là tư liệu sản xuất được sử dụng trong thời gian lâu dài, nhiều hơn một chu kỳ sản xuất nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu. Khi tham gia vào quá trình sản xuất, tài sản cố định chuyển từng phần giá trị của nó vào sản phẩm và được bù đắp dưới hình thức chi phí khấu hao.

Tài sản cố định của trang trại tăng lên không ngừng. Nó tạo điều kiện cho sản xuất phát triển, biểu hiện năng lực sản xuất của trang trại. Tài sản cố định tăng lên nhờ mua sắm, trang bị và đầu tư xây dựng cơ bản.

+ Tài sản lưu động: là những điều kiện vật chất mà nó bị tiêu hao hoàn toàn sau một quá trình sản xuất, giá trị của nó chuyển toàn bộ vào giá trị của sản phẩm và được bù đắp bằng giá trị của sản phẩm mới làm ra.

Tài sản lưu động phải đảm bảo đầy đủ cho sản xuất, cân đối với tài sản cố định để tài sản cố định phát huy hết năng lực trong sản xuất. Ví dụ, máy móc thiết bị cần nhiên liệu, động lực, gia súc cần thức ăn... do vậy tài sản lưu động có tính chất điều hoà mọi hoạt động của tài sản cố định.

## 2.2 Tổ chức quản lý tài sản cố định

### 2.2.1 Xác định nhu cầu

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, chiến lược kinh doanh và phát triển trang trại, căn cứ vào năng suất và mức đảm nhiệm của từng loại tài sản cố định ở thời kỳ căng thẳng nhất mà xác định số lượng tài sản cố định cần thiết cho trang trại.

$$S_{cd} = \frac{Q}{W}$$

Trong đó:

$S_{cd}$ : Số lượng tài sản cố định cần thiết

Q: Khối lượng công việc TSCĐ phải đảm nhiệm ở thời kỳ căng thẳng nhất

W: năng suất của TSCĐ

Ví dụ: Vào thời điểm chuẩn bị đất cho vụ trồng mới, mỗi ngày cần phải cày được 2 ha đất. Năng suất hoạt động của mỗi máy cày 1 ha/ngày. Số máy cày cần để đảm bảo hoạt động sản xuất trang trại là:  $S_{cd} = 2/1 = 2$  máy cày.

### 2.2.2 Đầu tư mua sắm tài sản cố định

Đầu tư vào tài sản cố định thường đòi hỏi vốn lớn, thu hồi vốn chậm và rủi ro cao, vì thế cần phải có một quyết định đầu tư đúng đắn. Để có được quyết định đầu tư đúng, ngoài việc xem xét đến các yếu tố về nguồn lực tài chính tự có và có thể huy động được của trang trại để thực hiện đầu tư, các cán bộ quản lý cần xem xét các chỉ tiêu sau để đánh giá khả năng sinh lợi của nguồn vốn đầu tư.

- Thời gian hoàn vốn

Thời gian hoàn vốn là số năm cần thiết để cho một khoản đầu tư sinh lợi đủ bù lại chi phí ban đầu nhờ vào khoản thu tiền mặt ròng hàng năm mà nó tạo ra. Nếu khoản thu tiền mặt ròng hàng năm không đổi, thời gian hoàn vốn có thể tính theo công thức sau :

$$P = I/E$$

Trong đó :

P : thời gian hoàn vốn tính theo năm

I : số tiền đầu tư

E : doanh thu thuần tiền mặt dự tính hàng năm, được tính bằng cách lấy thu nhập tiền mặt hàng năm trừ đi doanh thu tiền mặt.

Nếu doanh thu thuần hàng năm không bằng nhau, ta phải cộng doanh thu thuần hàng năm lại cho đến năm mà tổng doanh thu thuần bằng khoản đầu tư.

Chỉ tiêu này cho biết các khoản đầu tư có thời hạn hoàn vốn nhanh hay chậm để lựa chọn khoản đầu tư hợp lý đối với số vốn có thời hạn.

- **Suất thu lợi đơn giản**

Suất thu lợi đơn giản diễn tả doanh thu thuần trung bình hàng năm theo tỉ lệ phần trăm so với số vốn đầu tư. Suất thu lợi đơn giản được tính theo công thức sau :

$$\text{Suất thu lợi đơn giản} = \frac{\text{Doanh thu thuần trung bình hàng năm}}{\text{Chi phí đầu tư}} \times 100$$

Doanh thu thuần được tính bằng cách lấy doanh thu tiền mặt thuần hàng năm trừ đi chi phí khấu hao hàng năm.

- **Giá trị hiện tại thuần**

*Chỉ tiêu này được xây dựng dựa trên việc xem xét mối quan hệ giữa một đồng tiền tại thời điểm hiện tại và một đồng tiền tại thời điểm tương lai, hay nói cách khác là dựa trên khái niệm về giá trị theo thời gian của đồng tiền.*

Giá trị tương lai của đồng tiền : là lượng tiền được nhận tại một thời điểm trong tương lai của một khoản tiền hiện tại hay là giá trị của một khoản đầu tư hiện tại ở một thời điểm cụ thể trong tương lai khi được đầu tư ở tỉ lệ sinh lợi đã cho.

Giá trị tương lai của một khoản đầu tư hiện tại ( $V_0$ ) được tính theo công thức

$$V_n = V_0(1+r)^n$$

Trong đó,  $V_n$ : giá trị tương lai tại năm thứ  $n$

$V_0$ : giá trị khoản đầu tư hiện tại (ban đầu)

$r$ : tỉ lệ sinh lợi (lãi suất ngân hàng)

$n$ : số năm (khoảng thời gian) thanh toán

**Giá trị hiện tại của tiền tệ (PV):** Là giá trị hay lượng tiền hiện tại của của một khoản tiền được nhận ở một thời điểm trong tương lai.

Giá trị hiện tại được tìm bằng cách chiết tính lùi về thời điểm hiện tại để tìm giá trị hiện tại hay giá trị hiện tại của nó và được xác định theo công thức:

$$V_0 = V_n/(1+r)^n$$

Trong trường hợp này,  $r$  được gọi là tỉ lệ chiết khấu thay vì tỉ lệ sinh lợi.

Giá trị hiện tại thuần của một khoản đầu tư bằng tổng giá trị hiện tại của luồng tiền mặt thuần (thu nhập tiền mặt thuần) trừ đi chi phí ban đầu của khoản đầu tư.

$$NPV = P_1/(1+i)^1 + P_2/(1+i)^2 + \dots + P_n/(1+i)^n - C$$

Trong đó :

NPV : Giá trị hiện tại thuần

$P_n$  : luồng tiền mặt thuần trong năm thứ  $n$

$i$  : Lãi suất chiết khấu

C : Chi phí đầu tư ban đầu

Theo chỉ tiêu này, những khoản đầu tư nào có NPV dương sẽ được lựa chọn, những khoản đầu tư có NPV âm không được lựa chọn, và những khoản đầu tư có NPV bằng không sẽ không thu hút các nhà đầu tư.

- **Suất nội hoàn**

Giá trị thời gian của tiền tệ cũng được phản ánh bằng một phương pháp phân tích đầu tư khác, suất nội hoàn hay IRR.

Suất nội hoàn là lãi suất chiết khấu làm cho giá trị hiện tại thuần bằng không và có thể tính bằng cách thử dần. Đây là suất sinh lợi thực sự của một khoản đầu tư có tính đến giá trị thời gian của tiền tệ. Phương trình để tính IRR là :

$$NPV = P_1/(1+i)^1 + P_2/(1+i)^2 + \dots + P_n/(1+i)^n - C$$

Với NPV được cho bằng không và phương trình được giải để tìm biến  $i$ , trong trường hợp này gọi là suất nội hoàn.

Sự sánh IRR với chi phí cơ hội của vốn (thường sử dụng lãi suất ngân hàng), chọn các khoản đầu tư có IRR càng lớn càng tốt và tối thiểu bằng với chi phí cơ hội.

### 2.2.3 Quản lý và sử dụng tài sản cố định

Để tổ chức và quản lý tài sản cố định, công việc trước tiên là phải phân loại các tài sản cố định dựa vào đặc điểm, chức năng, công dụng để phân cấp quản lý và có biện pháp quản lý tốt. Mỗi loại tài sản, có các biện pháp quản lý sử dụng riêng.

Đối với máy cày và các máy nông nghiệp khác

- Tổ chức, qui hoạch địa bàn hoạt động: địa bàn hoạt động phải đảm bảo các yêu cầu sau
  - + Địa bàn phải có cơ cấu sản xuất hợp lý
  - + Địa bàn bằng phẳng, liền khu, liền khoảnh,
  - + Có đường giao thông để đưa được máy móc đến nơi sử dụng
- Tổ chức tốt việc ghép ca, ghép máy cũng như phối hợp giữa công việc làm bằng máy và công việc khác để tăng tối đa thời gian làm việc và giảm thiểu thời gian nghỉ ngơi của máy móc
- Tổ chức tốt công tác chăm sóc kỹ thuật, bảo dưỡng, bảo trì máy móc theo định kỳ.
- Có thể thực hiện khoán sản phẩm đối với việc sử dụng máy móc để nâng cao tinh thần trách nhiệm và quyền lợi của người lao động.

Đối với tài sản là sinh vật

- Định kỳ tổ chức phân loại và đánh giá tài sản để có những biện pháp quản lý và sử dụng cụ thể và hợp lý cho từng nhóm tài sản khác nhau.
  - Tổ chức tốt công tác chăm sóc, khai thác đúng để không ngừng nâng cao trình độ và hiệu quả thâm canh.
  - Xác định định mức hợp lý để thực hiện khoán sản phẩm cuối cùng đến cho người lao động. Thực hiện chế độ khoán sản phẩm được dựa trên nguyên tắc chung là thu hồi được vốn đầu tư, đảm bảo quyền lợi, trách nhiệm của người nhận khoán và làm cho họ gắn bó với trang trại.
- Đối với các tài sản có giá trị cao và tác dụng lớn như mạng lưới điện, đường giao thông, hệ thống thủy lợi
- Cần tổ chức các đội chuyên trách để thực hiện công việc quản lý tài sản và chăm sóc kỹ thuật.

- Kết hợp chặt chẽ với chính quyền sở tại trong công tác quản lý các tài sản của trang trại.

**Đối với các tài sản là nhà cửa, kho tàng, cơ sở chế biến**

- Tổ chức đánh giá định kỳ tình trạng của tài sản

- Kiểm tra thường xuyên các thiết bị máy móc và thay thế kịp thời các thiết bị hỏng hóc để đảm bảo cho quá trình sản xuất được liên tục.

### 2.3 Tổ chức quản lý tài sản lưu động

#### 2.3.1 Xác định nhu cầu vật tư

$$\text{Nhu cầu vật tư} = \text{Khối lượng công việc theo kế hoạch} \times \text{Định mức vật tư}$$

Nhu cầu vật tư thường được xác định theo vụ hoặc cả năm dựa trên kế hoạch sản xuất chi tiết của trang trại.

#### 2.3.2 Tổ chức dự trữ vật tư

Dự trữ vật tư nhằm giúp trang trại chủ động hơn trong sản xuất kinh doanh, tránh được cơn sốt giá vật tư trên thị trường. Hơn nữa, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp ngoài những đặc điểm chung còn có những đặc điểm riêng, nhiều biến số kinh doanh không chủ động được, đặc biệt là những biến số ngoại sinh như hạn hán, lụt lội, sâu bệnh, ... do đó cần phải tổ chức dự trữ vật tư để đáp ứng đủ và kịp thời cho các hoạt động sản xuất.

Tổ chức dự trữ vật tư thường tập trung giải quyết hai vấn đề cơ bản: Số lượng dự trữ bao nhiêu là tối ưu; Thời điểm dự trữ vào lúc nào là thích hợp.

##### - Xác định lượng vật tư dự trữ

Lượng vật tư dự trữ tối ưu có nghĩa là phải đáp ứng được mọi nhu cầu sản xuất nông nghiệp trong bất kỳ tình huống nào và phải đảm bảo có tổng chi phí dự trữ là nhỏ nhất (tổng chi phí dự trữ = Chi phí mua vật tư + Chi phí bảo quản).

Lượng vật tư dự trữ tối ưu được xác định theo công thức sau:

$$Q^* = \sqrt{\frac{2DC}{ip}}$$

Trong đó:

Q: số lượng vật tư dự trữ tối ưu (theo vụ hoặc năm)

D: nhu cầu vật tư tính theo vụ hoặc năm.

C: chi phí cho một đơn vị vật tư dự trữ.

I: chi phí bảo quản cho một đơn vị vật tư dự trữ được thể hiện là tỷ lệ phần trăm của giá mua.

P: giá mua một đơn vị vật tư dự trữ.

Ví dụ: Một trang trại sử dụng 600 kg phân NPK trong một năm và chi phí cho một kg phân NPK dự trữ là 5,08 ngàn đồng, chi phí bảo quản là 0,08 ngàn đồng bằng 1,6% giá mua. Vậy giá mua 1 kg NPK sẽ là:

5,08 - 0,08 = 5 (ngàn đồng)

Thay những số liệu này vào công thức ta có:

$$Q^* = \sqrt{\frac{2(6000).(5,08)}{5 \times 0,016}} = 873$$

Nghĩa là trang trại nên dự trữ 873 kg phân NPK nhằm tối thiểu hóa chi phí dự trữ, trong đó có chi phí bảo quản và lưu kho.

**- Xác định loại vật tư dự trữ**

Dự trữ vật tư kỹ thuật nông nghiệp là cần thiết, song không phải loại vật tư nào cũng có vai trò như nhau, được quan tâm như nhau trong việc bảo quản và duy trì trong kho. Vì vậy, trang trại cần áp dụng phương pháp phân tích và phân loại ABC vật tư dự trữ trong quản trị dự trữ. Thực chất của phương pháp phân tích ABC là phân loại toàn bộ vật tư dự trữ thành 3 nhóm A, B, C (căn cứ vào vị trí, giá trị, số lượng, sự khan hiếm và mối quan hệ của các vật tư dự trữ). Thông thường thì phân loại như sau:

Vật tư dự trữ	% về giá trị vật tư dự trữ	% tổng số vật tư dự trữ
Nhóm A	70 - 80	15
Nhóm B	15 - 25	30
Nhóm C	5	55
Cộng	100	100

- Cần ưu tiên tài chính và công tác dự báo cho vật tư nhóm A. Ưu tiên việc bố trí, kiểm tra, kiểm soát, bảo đảm an toàn sản xuất của nhóm A.

**- Xác định thời gian dự trữ vật tư**

Chi phí dự trữ vật tư phụ thuộc rất nhiều vào thời gian dự trữ, thời gian dự trữ càng dài thì chi phí dự trữ càng lớn. Vì vậy, cần phải xác định thời gian dự trữ hợp lý để giảm thiểu chi phí dự trữ.

Thời gian dự trữ vật tư được xác định trên cơ sở đánh giá sự khan hiếm vật tư trong giai đoạn sản xuất, biến động của giá cả vật tư trên thị trường và khả năng tiếp cận vật tư của trang trại.

**2.3.3 Quản lý và sử dụng vật tư**

- Xây dựng các nhà kho để bảo quản vật tư

+ Nhà kho nên được đặt gần đường giao thông để thuận lợi cho việc vận chuyển và cấp phát vật tư

+ Có đủ phương tiện để đảm bảo cho công tác bảo quản

- Quy định và thực hiện chế độ quản lý vật tư chặt chẽ, áp dụng trách nhiệm vật chất trong quản lý, sử dụng vật tư sản xuất.

- Cấp phát và sử dụng theo định mức, kịp thời theo quy trình sản xuất.

- Thường xuyên kiểm tra, kiểm kê tài sản lưu động.

- Xác định mức sử dụng để giao khoán, gắn trách nhiệm sử dụng vật tư và sản phẩm cuối cùng.

#### 2.4 Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của quản trị tư liệu sản xuất

##### Đánh giá hiệu quả tài sản cố định

- Chỉ tiêu trực tiếp:

Năng suất máy, chi phí thời gian hoàn thành một đơn vị công việc, giá thành một đơn vị công việc.

- Chỉ tiêu gián tiếp:

+ Số lao động và sức kéo được giải phóng do áp dụng máy móc và công cụ cải tiến.

+ Mức tăng năng suất cây trồng và sản phẩm gia súc.

+ Mức tăng sản lượng, sản lượng hàng hoá

+ Mức tăng năng suất lao động, thu nhập và tích lũy.

##### Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản lưu động

Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản lưu động thường xét trên hai mặt:

- Mức độ đầu tư tài sản lưu động bằng hiện vật và giá trị tính trên 1 ha gieo trồng như phân bón, hạt giống, thuốc trừ sâu, xăng dầu...

- Kết quả mang lại do đầu tư sử dụng tài sản lưu động (sự gia tăng của năng suất, sản lượng trồng trọt, chăn nuôi và chế biến...)

#### IV. TỔ CHỨC VÀ SỬ DỤNG VỐN SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG TRANG TRẠI

##### 4.1 Khái niệm và phân loại vốn sản xuất kinh doanh

Vốn hiểu theo nghĩa rộng là tiềm năng phục vụ sản xuất gồm: tư liệu sản xuất, lao động, trí thức, khả năng tổ chức, điều kiện tự nhiên. Trong sản xuất kinh doanh vốn được hiểu là giá trị của các yếu tố đầu vào.

###### • Nguồn vốn trong trang trại

Vốn trang trại được hình thành từ các nguồn khác nhau, thường bao gồm nguồn vốn tự có, nguồn vốn liên doanh, nguồn vốn đi vay và vốn từ các dự án đầu tư.

###### • Các loại vốn trong trang trại

Căn cứ vào tác dụng và đặc điểm chu chuyển vốn trong quá trình sản xuất, vốn của trang trại được chia làm hai loại: vốn cố định và vốn lưu động

- Vốn cố định, là biểu hiện bằng tiền của các tài sản cố định, nó tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất, giá trị của nó được chuyển từng phần vào giá trị sản phẩm sau mỗi chu kỳ kinh doanh và được bù đắp dưới hình thức khấu hao.

Trong trang trại, ngoài giá trị của công trình máy móc, thiết bị... vốn cố định còn bao gồm giá trị của một số đối tượng lao động như gia súc sinh sản, vườn cây lâu năm...

- Vốn lưu động, là biểu hiện bằng tiền của tài sản lưu động. Vốn lưu động thường xuyên vận động, thay đổi hình thái biểu hiện và tồn tại ở ba lĩnh vực dự trữ, sản xuất và lưu thông. Đó là quá

trình chuyển hoá vốn từ hình thái này sang hình thái khác đến khi nó trở lại hình thái ban đầu gọi là sự tuần hoàn của vốn.

Quá trình sản xuất kinh doanh của trang trại được tiến hành liên tục không ngừng, vì thế vốn lưu động cũng tuần hoàn liên tục, lặp đi lặp lại có tính chất chu chuyển dưới các hình thức khác nhau: tiền tệ, vật tư dự trữ, sản phẩm dở dang, thành phẩm. Giá trị vốn lưu động được chuyển một lần và được bù đắp hoàn toàn sau mỗi chu kỳ sản xuất.

Vốn lưu động trong trang trại có một số đặc điểm cần lưu ý:

- + Do chu kỳ sản xuất nông nghiệp dài nên vốn lưu động chu chuyển tương đối chậm.
- + Do tính thời vụ sản xuất nên nhu cầu về vốn lưu động của trang trại không đều giữa các thời kỳ trong năm.
- + Một bộ phận vốn lưu động được khôi phục dưới hình thức hiện vật ngay tại trang trại như cây con giống, thức ăn chăn nuôi...

## 4.2 Nội dung tổ chức và sử dụng vốn sản xuất kinh doanh

### 4.2.1 Xác định nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh của trang trại

Nhu cầu về vốn của trang trại chủ yếu được xác định từ chi phí các kế hoạch biện pháp của các ngành sản xuất kinh doanh trong trang trại. Theo nguyên tắc kết hợp các đầu vào, nói chung trang trại chỉ vay vốn cho đến điểm mà tại đó chi phí biên của vốn bằng giá trị sản phẩm biên của vốn để đảm bảo lợi nhuận tối đa ( $MC_k = MRP_k$ )

### 4.2.2 Huy động vốn

Dựa vào nhu cầu vốn, các trang trại phải tìm mọi biện pháp để huy động vốn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn. Ngoài nguồn vốn tự có (vốn chủ), trang trại phải biết khai thác các nguồn vốn khác như vốn liên doanh liên kết, vốn vay từ các nguồn và vốn ứng trước của khách hàng.

Trong thực tế việc huy động vốn có thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu, nhưng cũng có trường hợp không đáp ứng được hoặc đáp ứng vượt nhu cầu. Đối với trường hợp không đáp ứng được hoặc đáp ứng vượt nhu cầu, trang trại phải tìm các biện pháp để xử lý và việc xử lý đó phải tùy theo từng tình huống cụ thể.

### 4.2.3 Sử dụng vốn lưu động

Vốn lưu động trong trang trại chia làm hai loại vốn: vốn lưu động định mức, và vốn lưu động không định mức.

- Vốn lưu động định mức là vốn trang trại thường xuyên chiếm dụng ở mức tối thiểu để tiến hành sản xuất bình thường. Căn cứ vào đặc điểm sản xuất của từng loại mà vốn lưu động định mức cho sản xuất có khác nhau: ngành trồng trọt căn cứ vào chi phí vốn bình quân các vụ, ngành chăn nuôi căn cứ vào cuối quý 4 của năm trước.

- Vốn lưu động không định mức chủ yếu là các khoản vốn trong thành toán, vốn tiền tệ... đây là những khoản vốn sử dụng tạm thời. Quản lý và sử dụng vốn lưu động thực chất: là việc định mức vốn lưu động cho sản xuất. định mức vốn lưu động hợp lý có ý nghĩa to lớn. Nó là căn cứ để xác

định nhu cầu về vốn nhằm đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động của trang trại thông qua xem xét các chỉ tiêu chủ yếu sau:

+ Tốc độ chu chuyển vốn lưu động, được thể hiện bằng hai chỉ tiêu:

\* Số lần chu chuyển vốn lưu động trong kỳ kinh doanh (còn gọi là vòng quay của vốn), tính theo công thức:

$$L = \frac{M}{V_{ld}}$$

Trong đó:

L: Số lần chu chuyển vốn lưu động trong kỳ

M: Tổng mức luân chuyển vốn lưu động trong kỳ.

$V_{ld}$ : số vốn lưu động bình quân trong kỳ

• Số ngày một lần luân chuyển của vốn lưu động, tính theo công thức:

$$T = \frac{N}{L}$$

Trong đó:

T: số ngày một lần luân chuyển

N: số ngày của kỳ kinh doanh (tháng 30 ngày, quý 90 ngày, năm 360 ngày).

+ Hiệu suất hoàn trả vốn lưu động, tính theo công thức:

$$H = \frac{G_{st}}{V_{ld}}$$

Trong đó:

H: Hiệu suất hoàn trả vốn lưu động trong kỳ.

$G_{st}$ : giá trị sản lượng của trang trại trong kỳ

+ Hệ số chiếm dụng vốn lưu động, tính theo công thức:

$$H = \frac{V_{ld}}{G_{st}}$$

Trong đó tốc độ chu chuyển vốn lưu động là chỉ tiêu trực tiếp. Để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động phải tăng tốc độ chu chuyển của vốn lưu động mà biện pháp chủ yếu là: dự trữ hợp lý, tránh dự trữ thừa hoặc không có dự trữ cho sản xuất, không để ứ đọng vốn, bảo đảm sản xuất bình thường. Tiêu thụ sản phẩm nhanh và rút ngắn chu kỳ sản xuất để tăng tốc độ quay vòng vốn lưu động.

#### 4.2.4 Sử dụng vốn cố định.

Vốn cố định là bộ phận chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số vốn sản xuất. Do tính chất sử dụng của nó, cần chú ý phân loại vốn cố định dùng vào sản xuất hay không dùng vào sản xuất, sử dụng vào ngành chính hay ngành phụ.

- Biện pháp chủ yếu để sử dụng hợp lý vốn cố định.

+ Đầu tư và trang bị đồng bộ, tập trung dứt điểm, ưu tiên cho ngành chính và khâu chủ yếu của sản xuất.

+ Trong đầu tư xây dựng cơ bản phải điều tra, quy hoạch, thiết kế đầy đủ để không gây lãng phí vốn cố định.

+ Rút ngắn thời gian thi công xây dựng lắp đặt, nhanh chóng đưa máy móc, công trình vào hoạt động để thu hồi vốn sản xuất.

+ Khai thác tối đa công suất và thời gian làm việc của công trình, máy móc thiết bị.

+ thực hiện chế độ kiểm kê định kỳ, thực hiện khấu hao đầy đủ

- Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn cố định.

Để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn cố định của trang trại, có thể sử dụng một số chỉ tiêu sau:

+ Hiệu suất sử dụng vốn cố định theo giá trị sản lượng ( $H_{sl}$ )

$$H_{sl} = \frac{G_{sl}}{V_{cd}}$$

Trong đó:

$G_{sl}$ : giá trị sản lượng của kỳ kinh doanh

$V_{cd}$ : là số vốn cố định trong kỳ.

+ Hiệu suất sử dụng vốn cố định theo lợi nhuận ( $H_p$ )

$$H_p = \frac{P}{V_{cd}}$$

Trong đó:

P: Lợi nhuận của kỳ kinh doanh.

+ Hệ số chiếm dụng vốn cố định ( $H_{cd}$ )

$$H_{cd} = \frac{V_{cd}}{G_{sl}}$$

Để đánh giá hiệu quả vốn đầu tư xây dựng cơ bản có thể sử dụng các chỉ tiêu sau:

+ Tổng thu nhập tăng tính trên một đơn vị vốn đầu tư xây dựng cơ bản (B):

$$B = \frac{B_1 - B_0}{Dt_1 - Dt_0}$$

Trong đó:

B1: tổng thu nhập sau khi đầu tư

B0: tổng thu nhập trước khi đầu tư

Dt1: vốn đầu tư xây dựng cơ bản sau khi đầu tư mới

Dt0: vốn đầu tư xây dựng cơ bản trước khi đầu tư mới

Vốn đưa vào sản xuất kinh doanh giá trị được tăng lên, do vậy trong sản xuất phải tính giá trị vốn trong tương lai hay để có số vốn trong thời gian tới thì hiện tại cần bao nhiêu vốn.

## V. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TRONG TRANG TRẠI

### 5.1. Vai trò và đặc điểm của lao động nông nghiệp

Lao động là hoạt động có mục đích của con người thông qua công cụ lao động tác động lên đối tượng lao động nhằm biến đổi chúng thành của cải vật chất cần thiết cho nhu cầu của mình. Lao động nông nghiệp gắn chặt chẽ với đất đai, điều kiện tự nhiên, cây trồng, vật nuôi, công cụ lao động, vì vậy lao động nông nghiệp có những đặc điểm sau

- Lao động nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, có tính thời vụ.
- Lao động nông nghiệp có tính kết cấu phức tạp, không đồng nhất.
- Lao động nông nghiệp có tính thích ứng lớn và phân bố rộng khắp trên các vùng lãnh thổ.
- Số lượng lao động nông nghiệp rất dồi dào nhưng về cơ bản vẫn là lao động thủ công, năng suất lao động thấp, trình độ văn hoá, khoa học kỹ thuật và kiến thức kinh doanh theo cơ chế thị trường còn rất hạn chế.

Nội dung quản trị và tổ chức sử dụng lao động gồm: xác định nhu cầu lao động lựa chọn hình thức tổ chức lao động và tổ chức lao động và tổ chức quá trình lao động hợp lý trên đồng ruộng, trong chuồng trại chăn nuôi cũng như trong xưởng chế biến nông sản v.v...

### 5.2 Xác định nhu cầu lao động của trang trại

Nhu cầu lao động của trang trại chủ yếu do phương hướng, quy mô hoạt động kinh doanh của trang trại và quan hệ cung cầu của thị trường lao động quyết định. Trong các trang trại, việc xác định nhu cầu lao động phải tính riêng cho từng ngành (trồng trọt, chăn nuôi, công nghiệp chế biến, dịch vụ...), sau đó tổng hợp nhu cầu các ngành thành nhu cầu chung của trang trại. Trong từng ngành, việc xác định nhu cầu được tính cho từng loại công việc cụ thể. Nhu cầu lao động từng loại công việc tính theo công thức chung sau đây:

$$N_A = K_A \cdot M_A$$

Trong đó:

$N_A$ : là nhu cầu lao động cho công việc A

$K_A$ : là khối lượng công việc A

$M_A$ : là mức lao động của công việc A

\* Chú ý: tùy theo loại mức lao động (mức công việc, mức phục vụ, mức thời gian) mà đơn vị tính nhu cầu lao động có thể là người, hoặc ngày/người nếu là ngày/người phải quy đổi thành đơn vị người.

Toàn bộ nhu cầu lao động hoàn thành các loại công việc, (tính cho từng ngành trồng trọt, chăn nuôi, công nghiệp chế biến và dịch vụ ) được tổng hợp theo từng tháng. Trên cơ sở nhu cầu lao động

từng tháng, các trang trại có kế hoạch tuyển dụng lao động hoặc thuê mướn lao động thường xuyên hoặc thời vụ.

### 5.3 Tuyển dụng, thuê mướn lao động

Đối với các trang trại gia đình, ngoài nguồn lao động của gia đình, các trang trại có thể thuê thêm lao động thường xuyên hoặc lao động thời vụ. Việc thuê thêm bao nhiêu lao động và loại lao động nào tùy thuộc vào nhiều yếu tố như: quy mô, tính chất của công việc, thời gian hoàn thành công việc, khả năng tài chính của trang trại, mối quan hệ của chủ trang trại... Trên cơ sở tính toán nhu cầu lao động trong từng thời kỳ và cả năm. Trang trại cần có các biện pháp để tuyển dụng, thuê mướn lao động.

Việc tuyển dụng lao động phải dựa vào các căn cứ sau:

- Nhu cầu lao động cần tuyển dụng, xét theo từng lao động (lao động quản lý, lao động trực tiếp sản xuất) của ngành.
- Luật pháp của Nhà nước, trước hết là luật lao động.
- Các tiêu chuẩn cần thiết đối với từng loại lao động.
- Khả năng về nguồn lao động xã hội.

### 5.4 Tổ chức quản lý và sử dụng lao động

• *Tổ chức quản lý quá trình lao động* có ý nghĩa rất quan trọng đối với các trang trại có quy mô sản xuất tương đối lớn và sử dụng nhiều lao động. Tổ chức hợp lý quá trình lao động nhằm lợi dụng kỹ năng lao động và kinh nghiệm sản xuất của người lao động, tạo điều kiện giảm nhẹ cường độ lao động, tiết kiệm hao phí sức lao động. Trong ngành trồng trọt, ngành chăn nuôi cũng như các ngành khác, khi tổ chức quá trình lao động phải đảm bảo cơ yếu cầu cơ bản sau đây:

- Bảo đảm chất lượng công việc và hoàn thành đúng yêu cầu kỹ thuật, đặc biệt trong ngành trồng trọt phải làm đúng thời vụ.

- Áp dụng công cụ tiên tiến và máy móc có năng suất cao. Triệt để tận dụng công suất của các công cụ, máy móc và lao động để nâng cao năng suất lao động.

- Cải thiện điều kiện lao động và bảo đảm an toàn lao động.

#### • *Các nguyên tắc tổ chức quá trình lao động*

- Cân đối trong quá trình lao động: Phải quy định số lượng và chất lượng giữa sức lao động, tư liệu lao động và đối tượng lao động theo một tỷ lệ cân đối để toàn bộ công việc hoàn thành theo đúng thời gian và chất lượng quy định.

- Ăn khớp và nhịp nhàng trong quá trình lao động: Quá trình lao động bao gồm các công việc có liên quan chặt chẽ với nhau, ảnh hưởng và quy định lẫn nhau. Vì thế trong quá trình lao động, các công việc cần được tiến hành theo một tốc độ và nhịp điệu thống nhất, nhịp nhàng với nhau, công việc khác làm chậm hoặc có khi cùng một công việc có lúc làm nhanh, có lúc làm chậm. Do vậy mỗi một công việc trong quá trình lao động phải hoàn thành theo đúng thời gian đã quy định.

- Liên tục trong quá trình lao động: Nguyên tắc này đòi hỏi mọi công việc phải được tiến hành liên tục không xảy ra gián đoạn, mặc dù đó là những gián đoạn nhỏ. Biểu hiện của tính chất liên tục cao nhất trong quá trình lao động là phương pháp sản xuất theo dây chuyền.

Trong 3 nguyên tắc trên, nguyên tắc cân đối là tiên đề để thực hiện 2 nguyên tắc sau. Bảo đảm được nguyên tắc ăn khớp, nhịp nhàng sẽ tạo ra điều kiện cho quá trình lao động được liên tục.

- *Các yếu tố cần chú ý trong việc tổ chức quá trình lao động*

- Tổ chức địa điểm làm việc: Khi tổ chức địa điểm làm việc phải chú ý đến các trang, thiết bị cần thiết (máy móc, công cụ và thiết bị khác). Bố trí hợp lý mặt bằng của địa điểm làm việc có nghĩa là phân bố hợp lý tài sản, thiết bị, máy móc, phân chia ranh giới, quy định thứ tự tiến hành công việc. Nếu làm bằng máy thì cần lập kế hoạch hoạt động của các liên hiệp máy.

- Phân bố lao động: Khi tiến hành một quá trình lao động phải lựa chọn người lao động để thực hiện quản lý người lao động đó. Cần chú ý tới kỹ năng lao động, kinh nghiệm sản xuất và thể lực của họ để chuyên môn hoá lao động theo khả năng của họ. Đồng thời cũng phải kết hợp việc nắm sâu một việc và biết nhiều việc để sử dụng thời gian lao động một cách tối đa. Đi đôi với việc phân bố lao động cần bồi dưỡng phương pháp làm việc tiên tiến cho người lao động nhằm sử dụng hợp lý tư liệu lao động và hoàn thành khối lượng công tác nhiều hơn trong một đơn vị thời gian.

- Kiểm tra và áp dụng mức lao động có căn cứ kỹ thuật: Theo dõi và điều chỉnh hợp lý các mức lao động là một việc rất cần thiết.

- Hợp lý các chế độ lao động và nghỉ ngơi: Giải quyết tốt việc kết hợp lao động và nghỉ ngơi không những cho phép sử dụng hợp lý sức lao động của con người, mà còn tạo điều kiện thuận lợi nhất để khôi phục sức lao động trong thời gian làm việc. Cần nghiên cứu và áp dụng chế độ ngày làm việc có cơ cấu thời gian làm việc và nghỉ ngơi hợp lý.

- Cải thiện điều kiện lao động và an toàn lao động trong sản xuất: Năng suất lao động phần lớn phụ thuộc vào các điều kiện và môi trường lao động. Sự tác động của môi trường sản xuất, nhất là trong điều kiện sản xuất cơ giới hiện đại có ảnh hưởng lớn đến quá trình phát triển sinh lý bình thường và đảm bảo an toàn lao động là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của tổ chức lao động trong trang trại.

- *Những biện pháp chủ yếu nhằm sử dụng hợp lý lao động trong trang trại*

- Có chế độ khoán và tiền công hợp lý: Thực hiện ký kết hợp đồng đối với lao động thường xuyên và lao động thời vụ để nâng cao trách nhiệm và quyền lợi hợp pháp của hai bên.

- Thường xuyên cải tiến và áp dụng linh hoạt các hình thức tổ chức lao động khoa học và các công cụ lao động thích hợp.

- Tổ chức hợp lý các quá trình lao động trên đồng ruộng và trong chuồng trại.

- Không ngừng đào tạo và bồi dưỡng, nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật và tay nghề cho người lao động.

## 5.5 Chế độ thù lao cho lao động

### 5.5.1 Khái niệm và ý nghĩa

- Khái niệm: Thù lao lao động là chế độ lương mà người lao động được hưởng dựa trên kết quả lao động của họ.

- Ý nghĩa:

- + Là biện pháp để thực hiện tái sản xuất lao động

- + Khuyến khích tăng năng suất lao động

- + Gắn quyền lợi và trách nhiệm người lao động với trang trại

### 5.5.2 Hình thức trả thù lao

Trả thù lao theo thời gian: Căn cứ vào thời gian làm việc của từng loại lao động để trả thù lao có tính đến trình độ nghiệp vụ của từng người và tính chất của công việc.

Ưu điểm: đơn giản

Nhược điểm: Mang tính bình quân, không khuyến khích được tính tích cực của người lao động.

Trả thù lao theo khoán: Là hình thức thù lao căn cứ vào số lượng, chất lượng sản phẩm hoặc công việc và đơn giá sản phẩm hoặc công việc hoàn thành. Có hai hình thức:

Thù lao khoán công việc và thù lao khoán sản phẩm

### 5.5.3. Các hình thức trả thù lao theo khoán

#### Trả thù lao lao động theo khoán trực tiếp

Căn cứ vào số lượng chất lượng sản phẩm hoặc công việc mà người lao động trực tiếp sản xuất ra để tính lương theo một đơn giá nhất định

$$Đ = T : K$$

Trong đó,

Đ: đơn giá một đơn vị khối lượng công việc

T: Thù lao cho mức công việc hoặc sản phẩm

K: mức sản phẩm khoán

#### Trả thù lao theo khoán lũy tiến

Là chế độ trả lương sản phẩm bằng 2 loại đơn giá: đơn giá không đổi và đơn giá lũy tiến

Nếu người lao động sản xuất vượt mức giao khoán thì:

+ Sản phẩm nằm trong mức khoán được tính theo đơn giá không đổi

+ Sản phẩm vượt quá mức khoán được tính theo đơn giá lũy tiến

Thường áp dụng cho những công việc khó, đòi hỏi tính thời vụ nghiêm ngặt

Cách xác định:

$$Đ' = Đ + Đh'$$

Trong đó, Đ: đơn giá lũy tiến

Đ: đơn giá công việc trong mức khoán

h : % giá được nâng

h tăng lên bao nhiêu là phụ thuộc vào mức tăng khối lượng khối lượng công việc hoặc sản phẩm.

#### Trả thù lao theo khoán sản phẩm

## HẠCH TOÁN VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH TRANG TRẠI

### I. HẠCH TOÁN KINH DOANH TRANG TRẠI

#### 1.1 Khái niệm, mục đích và đặc điểm hạch toán kinh doanh trang trại

##### 1.1.1 Khái niệm hạch toán

Hạch toán kinh doanh trang trại là quá trình giám sát, tính toán và phân tích mọi khoản thu, chi thực tế trong quá trình sản xuất kinh doanh trang trại. Đây là công cụ và phương pháp quản lý trang trại có kế hoạch và tiết kiệm.

##### 1.1.2 Mục đích

- Cơ sở để xác định giá bán sản phẩm hợp lý vừa đảm bảo lợi nhuận vừa đảm bảo khả năng cạnh tranh của trang trại trên thị trường.
- Tìm các giải pháp để tối ưu hóa lợi nhuận thông qua việc tiết kiệm và cắt giảm các khoản chi phí trong sản xuất.

##### 1.1.3 Đặc điểm hạch toán kinh doanh trang trại

Đặc điểm của hạch toán sản xuất kinh doanh trang trại được quy định bởi các đặc thù của sản xuất nông nghiệp và qui mô sản xuất sản xuất kinh doanh trang trại

- Sản xuất nông nghiệp có chu kỳ sản xuất dài, chia ra nhiều công đoạn và khâu công việc tương đối độc lập, có tính thời vụ cao. Một số tài liệu sản xuất được tái sản xuất bằng hiện vật. Nhiều cây trồng vật nuôi được xen ghép trong quá trình sản xuất,... Vì vậy yêu cầu khi hạch toán phải chú ý đầy đủ các đặc điểm này để đánh giá và tính toán đúng kết quả sản xuất kinh doanh:

- Trong qui mô trang trại người quản lý vừa là người trực tiếp sản xuất, sử dụng lao động gia đình nên việc tính toán chi phí lao động nhiều khi không rõ ràng và thậm chí không tính đến. Trong những trường hợp như vậy việc tính giá thành sản phẩm sẽ là giá thành không đầy đủ.

- Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc rất lớn vào các điều kiện tự nhiên. Các điều kiện này diễn biến hết sức phức tạp nên việc tính toán các chi phí trong nhiều trường hợp hết sức phức tạp, đặc biệt khi có các tác động tiêu cực của thời tiết và khí hậu.

#### 1.2 Nội dung hạch toán sản xuất kinh doanh trang trại

##### 1.2.1 Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

##### 1.2.1.1 Khái niệm về giá thành, nhiệm vụ hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành đơn vị sản phẩm và dịch vụ

Giá thành đơn vị sản phẩm hoặc dịch vụ là tổng hợp tất cả các khoản chi phí sản xuất (chi phí gián tiếp và chi phí trực tiếp) biểu hiện dưới dạng tiền tệ theo giá thị trường đối với từng đơn vị sản phẩm hoặc dịch vụ của trang trại. Đây là chỉ tiêu tổng hợp, thuộc chỉ tiêu chất lượng, phản ánh trực tiếp hiệu quả sản xuất kinh doanh của trang trại. Cụ thể :

- Giá thành bằng giá bán thì trang trại sản xuất kinh doanh hòa vốn

- Giá thành nhỏ hơn giá bán thì trang trại sản xuất kinh doanh có lãi
- Giá thành lớn hơn giá bán thì trang trại sản xuất kinh doanh thua lỗ

Vì vậy, hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm, dịch vụ phải làm tốt các nhiệm vụ sau đây:

- Xác định đúng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành.
- Tổ chức tốt khâu ghi chép ban đầu làm căn cứ tập hợp chi phí sản xuất và số lượng sản phẩm theo từng đối tượng hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm từ các ngành, các đơn vị sản xuất.
- Tổ chức các sổ sách kế toán thích hợp với yêu cầu hạch toán chi phí, ghi chép vào sổ sách kịp thời và đầy đủ
- Tính giá thành chính xác và đúng kỳ hạn

### 1.2.1.2 Các khoản chi phí đưa vào hạch toán giá thành

Chi phí trực tiếp : là các chi phí có quan hệ trực tiếp đến quá trình sản xuất của một loại sản phẩm nhất định gồm :

+ Chi phí cố định, bao gồm : Khấu hao tài sản cố định, tiền sửa chữa máy móc thiết bị theo định kỳ, tiền lãi vay vốn mua tài sản cố định, ... Về nguyên tắc các chi phí này được phân bổ hàng năm. Nếu chi phí cho nhiều loại cây trồng, vật nuôi và dịch vụ thì được phân bổ dựa vào mức độ sử dụng của đối tượng hạch toán giá thành.

+ Chi phí biến đổi, bao gồm : tiền mua sắm vật tư kỹ thuật, nhiên liệu, tiền trả công lao động trực tiếp, phân bón, hạt giống, con giống, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc, ... Các chi phí biến đổi cho cây nào, con nào, dịch vụ nào thì tính cho cây, con, sản phẩm, dịch vụ đó, nghĩa là thực thanh thực chi, chi cái gì tính cái đó.

Trong sản xuất nông nghiệp, một số tư liệu sản xuất biến đổi (hạt giống, giống gia súc, một số vật tư kỹ thuật,...) được tái sản xuất ngay tại trang trại và tham gia vào chu kỳ sản xuất, khi hạch toán giá thành phải tính theo giá mua vào hoặc bán ra. Đối với những sản phẩm tự sản tự tiêu (như phân bón) thì có thể tính theo giá thành sản xuất.

Trong trang trại thường có nhiều loại sản phẩm, nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng phải tập hợp và tính giá riêng cho từng loại sản phẩm hoặc từng nhóm sản phẩm có liên quan với nhau, nên các chi phí liên quan đến từng loại cây phải được ghi chép theo dõi riêng.

- Chi phí gián tiếp : là các chi phí có quan hệ đến việc quản lý các hợp phần sản xuất hay toàn bộ trang trại, bao gồm :

- + Chi phí văn phòng phẩm phục vụ cho quản lý
- + Khấu hao nhà cửa, kho tàng, ....
- + Lương cho cán bộ quản lý

Chi phí gián tiếp được phân bổ cho mỗi đối tượng tính giá thành như sau :

$$\text{Chi phí gián tiếp cho đối tượng tính giá thành} = \frac{\text{Tổng chi phí gián tiếp trang trại}}{\text{Tổng chi phí trực tiếp của trang trại}} \times \text{Chi phí trực tiếp của đối tượng tính giá thành}$$

### 1.2.1.3 Phương pháp tính giá thành trong trang trại

Công thức chung để tính giá thành sản, dịch vụ là :

$$Z = TC / Q$$

Trong đó : TC : tổng chi phí  
Q : Số lượng sản phẩm hoặc dịch vụ

Do đặc điểm của sản xuất nông nghiệp và tính đa dạng của sản phẩm nên phương pháp tính giá thành sản phẩm nông nghiệp cũng có những đặc biệt. Sản phẩm nông nghiệp rất đa dạng và phong phú bao gồm sản phẩm chính và sản phẩm phụ, sản phẩm đi kèm, sản phẩm có nhiều phẩm cấp... Hơn nữa, trong nông nghiệp, các cây trồng được trồng luân canh, xen canh, gối vụ, các gia súc được nuôi thả xen ghép nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Bởi vậy, cần thiết phải tổ chức hạch toán chi phí giá thành riêng cho từng thứ sản phẩm theo tiêu thức thích hợp. Vì vậy, công thức này không thể áp dụng trực tiếp mà tùy theo từng trường hợp cụ thể, có sự biến đổi vận dụng thích hợp.

- Đối với loại cây trồng, vật nuôi có sản phẩm phụ : Dựa vào giá bán trên thị trường hoặc giá của hàng hóa thay thế để tính toán giá trị sản phẩm phụ. Giá thành sản phẩm chính được tính toán theo công thức sau :

$$Z = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất (TC) - Giá trị sản phẩm phụ (GP)}}{\text{Sản lượng của sản phẩm chính}}$$

- Đối với cây trồng, vật nuôi có nhiều cấp sản phẩm : Khi tính giá thành cần qui đổi các loại sản phẩm khác nhau về cùng một loại sản phẩm được coi là chuẩn. Căn cứ qui đổi có thể dựa trên giá trị dinh dưỡng của các sản phẩm hoặc giá cả thị trường (như quy ra thóc). Tính giá thành của sản phẩm chuẩn theo công thức :

$$Z_{tc} = TC / (Q_{tc} + Q_{qd} \cdot k)$$

Trong đó :  $Q_{tc}$  : sản lượng sản phẩm tiêu chuẩn  
 $Q_{qd}$  : sản lượng sản phẩm qui đổi  
k : hệ số qui đổi

Giá thành của các sản phẩm qui đổi được xác định theo công thức :

$$Z_{qd} = Z_{tc} \cdot k$$

- Đối với loại cây trồng một lần thu hoạch nhiều lần : Chi phí trồng ban đầu phải được phân bổ cho các năm cho sản phẩm. Giá thành sản phẩm được tính theo công thức :

$$Z = \frac{C.\text{phí trồng phân bổ} + C.\text{phí trong năm (c.sóc, th.hoạch)}}{\text{Sản lượng thu hoạch trong năm}}$$

Ngoài ra còn sử dụng phương pháp hệ số để tính giá thành sản phẩm. Theo phương pháp này phải tính hệ số chi phí của từng loại sản phẩm trong tổng chi phí sản xuất thực tế, từ đó tính giá thành đơn vị cho mỗi loại sản phẩm.

$$\text{Hệ số chiphí} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất thực tế}}{\text{Tổng chi phí sản xuất kế hoạch}}$$

Tổng chi phí sản xuất theo kế hoạch là tổng các khoản chi phí để sản xuất ra sản phẩm được ước tính khi xây dựng kế hoạch sản xuất.

Tổng chi phí thực tế là tổng các khoản chi phí thực được theo dõi, ghi chép trong suốt quá trình thực hiện hoạt động sản xuất.

Giá thành thực tế của mỗi loại sản phẩm, dịch vụ được tính theo công thức :

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế} \\ \text{của từng loại sản} \\ \text{phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành kế} \\ \text{hoạch của từng} \\ \text{loại} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số chi} \\ \text{phí} \end{array}$$

### 1.2.3 Hạch toán tiêu thụ sản phẩm và doanh thu của trang trại

Tiêu thụ là giai đoạn tiếp theo của quá trình sản xuất. Trang trại chuyển giao sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, được khách hàng trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán được gọi là quá trình tiêu thụ sản phẩm.

Hạch toán trong giai đoạn này là tính toán các khoản doanh thu bán hàng, tính toán các khoản chiết khấu bán hàng, giảm giá bán hàng, hàng bán bị trả lại, các khoản thuế (thuế VAT, thuế tiêu thụ đặc biệt) để xác định doanh thu thuần và cuối cùng xác định lỗ-lãi về tiêu thụ sản phẩm.

Doanh thu bán hàng là tổng giá trị có được do việc bán hàng, sản phẩm, cung ứng dịch vụ cho khách hàng.

Doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng với tổng các khoản chi như giảm giá, chiết khấu bán hàng, giá trị của số hàng bị trả lại, các loại thuế (VAT, tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu)

Chiết khấu bán hàng là số tiền tính trên tổng số doanh thu trả lại cho khách hàng gồm :

- + Chiết khấu thành toán tiền thưởng cho khách hàng đã thành toán tiền trước thời hạn
- + Chiết khấu thương mại là khoản giảm cho khách hàng mua với số lượng lớn
- + Giảm giá hàng hóa do chất lượng kém, không đúng quy định

+ Hàng bị trả lại do vi phạm hợp đồng

+ Lãi gộp là số tiền chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán (có thể là giá thành sản xuất nếu trang trại tự tiêu thụ hoặc có thể là giá gốc của hàng hóa mua vào).

Kết quả tiêu thụ sản phẩm là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn của hàng hóa bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý trang trại.

Có thể thấy quá trình hạch toán tiêu thụ sản phẩm và tính doanh thu, lỗ - lãi theo sơ đồ sau :

Doanh thu bán hàng	
Doanh thu thuần	- Chiết khấu - Giảm giá - Thuế
Lãi gộp	Giá trị vốn hàng hóa
Lãi trước thuế	Chi phí quản lý, chi phí bán hàng
Lãi thuần	Thuế lợi tức

Khi hạch toán tiêu thụ sản phẩm và kết quả sản xuất, sản xuất kinh doanh phải hạch toán cụ thể cho từng loại sản phẩm. Trên cơ sở đó tính lỗ lãi của từng loại sản phẩm, của toàn bộ trang trại.

### 1.3 Những biện pháp chủ yếu hạ giá thành sản phẩm và tối đa hoá lợi nhuận

Hạ giá thành sản phẩm hay dịch vụ là biện pháp tăng lợi nhuận. Muốn hạ giá thành các trang trại cần phải thực hiện tốt các giải pháp sau:

Không ngừng nâng cao năng suất và sản lượng cây trồng vật nuôi bằng các biện pháp thâm canh và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đưa công nghệ vào sản xuất.

Sử dụng có hiệu quả các loại chi phí, đặc biệt là các chi phí cố định, rút ngắn thời gian sử dụng và giảm mức khấu hao trên đơn vị sản phẩm.

Quản lý chặt chẽ và sử dụng đầy đủ, tiết kiệm và có hiệu quả các vật tư kỹ thuật, lao động, vốn. Xác định và lựa chọn các yếu tố đầu vào tối ưu trên nguyên tắc chỉ tăng thêm chi phí đầu vào khi doanh thu cận biên do yếu tố đầu vào đó mang lại lớn hơn hoặc bằng chi phí cận biên của yếu tố đó.

Ngoài ra chính sách kinh tế vĩ mô như chính sách giá, chính sách tín dụng, đặc biệt là chính sách thuế cũng tác động nhiều đến việc giảm giá thành sản phẩm.

## II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ VÀ HIỆU QUẢ KINH DOANH TRONG TRANG TRẠI

### 2.1 Khái niệm, mục đích và yêu cầu của đánh giá kết quả và hiệu quả kinh doanh của trang trại.

Khái niệm:

Đánh giá kết quả và hiệu quả kinh doanh là đo lường kết quả đạt được và mức độ hiệu quả của hoạt động trang trại so với mục tiêu kế hoạch đề ra trong một giai đoạn hoạt động nhất định (có thể một mùa hoặc một năm, một chu kỳ sản xuất).

### Mục đích:

- Đánh giá tình hình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất, công tác tổ chức quản lý sản xuất để tìm ra nguyên nhân của nó.
- Giúp trang trại phát hiện những tiềm năng, những nguồn lực sản xuất chưa được sử dụng hoặc sử dụng chưa có hiệu quả để có biện pháp tổ chức sản xuất và quản lý tốt hơn.

### Yêu cầu:

Khi tiến hành phân tích kinh doanh trong trang trại cần phải chú ý rằng các đối tượng phân tích trong nông nghiệp thường xuyên biến đổi như sự phát triển của cây trồng, vật nuôi, nhiều bộ phận, quá trình sản xuất xen kẽ với nhau, tác động qua lại lẫn nhau, xảy ra ở nhiều thời điểm và chịu ảnh hưởng của nhiều nguyên nhân nên khi phân tích phải gắn với thời gian nhất định, phải xem xét trên nhiều góc độ khác nhau.

Phân tích kinh doanh không chỉ phân tích kết quả cuối cùng mà phải phân tích ngay từ đầu và phải được tiến hành thường xuyên. Phải phát huy tính quần chúng trong phân tích hoạt động kinh doanh.

## 2.2. Nội dung đánh giá kết quả và hiệu quả kinh doanh trong trang trại

Đánh giá kết quả và hiệu quả kinh doanh của trang trại tập trung vào ba nội dung cơ bản sau đây:

- Đánh giá khả năng tài chính của trang trại
- Đánh giá công tác quản lý của trang trại
- Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của trang trại

Khi phân tích phải xem xét tình hình diễn biến qua nhiều năm, so sánh các chỉ tiêu đánh giá của trang trại với các trang trại trong vùng, so sánh chỉ tiêu thực tế với chỉ tiêu kế hoạch. Trong mỗi nội dung phân tích cần nghiên cứu các biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, sử dụng triệt để các nguồn lực sẵn có của trang trại để tìm ra những khả năng sẵn có và xây dựng những phương án sản xuất kinh doanh tối ưu.

### 2.2.1 Đánh giá khả năng tài chính của trang trại

Thực chất của việc đánh giá khả năng tài chính là đánh giá cơ cấu vốn, thực lực và tiềm năng tài chính của trang trại ở một thời điểm nhất định. Kết quả đánh giá sẽ giúp cho người quản lý hay chủ trang trại nắm rõ được tình hình tài chính của trang trại đồng thời là cơ sở để nhà quản lý ra các quyết định lựa chọn phương án hay ra quyết định đầu tư. Đánh giá khả năng tài chính bao gồm các nội dung sau:

- **Đánh giá cơ cấu vốn của trang trại:** là xác định lượng vốn của từng loại vốn trong cơ cấu vốn và phân tích các chỉ tiêu đánh giá cơ cấu vốn của trang trại.

Theo nguồn gốc, vốn trang trại được phân thành các loại sau :

- + Nguồn vốn ban đầu : là nguồn vốn do chủ trang trại đầu tư ban đầu để thành lập trang trại.
- + Vốn đầu tư mở rộng sản xuất : là nguồn vốn do chủ trang trại đầu tư thêm để mở rộng qui mô trang trại, có thể là vốn tự có hoặc vay mượn
- + Vốn bổ sung thêm từ hoạt động sản xuất kinh doanh : là vốn trích từ lợi nhuận của hoạt động sản xuất kinh doanh để tái đầu tư mở rộng sản xuất

+ **Vốn liên doanh** : là vốn do các đơn vị sản xuất góp vốn liên doanh

Theo hình thức sở hữu, vốn được chia làm hai loại:

+ **Vốn chủ sở hữu**: là vốn tự có của chủ trang trại và vốn trích từ lợi nhuận của hoạt động sản xuất kinh doanh trang trại.

+ **Vốn vay, mượn** : là vốn vay ngân hàng hoặc liên doanh với các đơn vị sản xuất khác.

Việc đánh giá cơ cấu vốn của trang trại dựa vào một số chỉ tiêu sau:

+ **Tổng số vốn tự có của trang trại.**

+ **Tỷ lệ vốn tự có toàn bộ vốn đầu tư**: tỷ lệ này bằng 2/3 là trang trại chủ động về tài chính và có khả năng để thực hiện phương án lựa chọn.

+ **Hệ số vốn tự có so với vốn đi vay**: tỷ lệ này  $\geq 40\% \div 50\%$  là tài chính của trang trại an toàn

- **Đánh giá khả năng thanh toán nợ hay vốn vay của trang trại**: dựa vào các chỉ tiêu sau:

+ **Tỷ lệ giữa tổng thu nhập thuần và khấu hao so với nợ đến hạn phải trả**: tỷ lệ này  $\geq 1$  thì trang trại có khả năng trả nợ đúng hạn.

+ **Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn**: Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn được phản ánh ở 2 chỉ tiêu:

(1) **Tỷ lệ lưu hoạt**:

$$\text{Tỷ lệ lưu hoạt} = \frac{\text{Tổng tài sản lưu động}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Tỷ lệ này tốt nhất là bằng 2/1

(2) **Khả năng thanh toán nhanh**: Đánh giá khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn của trang trại, được tính toán theo công thức:

$$\text{Khả năng thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tiền hiện có}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

(Tiền hiện có bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền mặt tại quỹ, tín phiếu tiền gửi ngân hàng v.v..)

- **Đánh giá tiềm năng tài chính của trang trại**: là xem xét khả năng tiếp cận với các nguồn vốn và uy tín của trang trại trên thị trường tài chính.

### 2.2.2 **Đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý trang trại.**

Phân tích kết quả và hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý sử dụng các chỉ tiêu sau:

- Các chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh nói chung:

+ **Tổng sản phẩm, giá trị tổng sản phẩm doanh nghiệp sản xuất ra trong kỳ phân tích.**

+ **Sản phẩm hàng hoá, giá trị sản phẩm hàng hoá.**

+ **Mức độ sử dụng các yếu tố sản xuất**: Lao động, đất đai và các tài sản cố định trong trang trại.

+ **Lợi nhuận.**

- **Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý**:

+ **Tổng sản phẩm, giá trị tổng sản phẩm trên một lao động quản lý.**

+ **Lợi nhuận thu được trên một lao động quản lý.**

+ Tỷ trọng chi phí quản lý trong giá thành sản phẩm.

+ Tỷ trọng tiền công của bộ máy quản lý trong tổng quỹ tiền công (tiền lương).

Khi sử dụng các chỉ tiêu trên cần lưu ý tính toán các chỉ tiêu của từng năm phân tích. Từ đó thấy rõ những ưu, nhược điểm của công tác quản lý, đặc biệt trong trường hợp có những thay đổi về tổ chức quản lý trong trang trại. Trong một năm, một kỳ có thể đánh giá trên cơ sở so sánh với các định mức hoặc với các trang trại có điều kiện sản xuất tương tự.

### 2.2.3 Đánh giá hiệu quả kinh doanh

Khi phân tích bất cứ các hoạt động nào trong quá trình sản xuất kinh doanh cần phải biệt ranh giới giữa hai khái niệm hiệu quả và kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thể được hiểu là những gì mà do trang trại đạt được sau một quá trình sản xuất kinh doanh nhất định, kết quả của một hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại có thể là những đại lượng có thể cân đong đo đếm được như số sản phẩm tiêu thụ mỗi loại, doanh thu, lợi nhuận... cũng có thể là các đại lượng chỉ phản ánh về mặt chất lượng hoàn toàn có tính định tính như chất lượng sản phẩm, uy tín của trang trại... Như vậy, kết quả bao giờ cũng là mục tiêu của trang trại.

Trong khi nói đến khái niệm hiệu quả của hoạt động trong sản xuất kinh doanh người ta sử dụng cả kết quả (đầu ra) và các chi phí (các nguồn lực đầu vào) để đánh giá hiệu quả. Như vậy, hiệu quả chỉ ra trình độ lợi dụng các nguồn lực sản xuất của trang trại để tạo ra những kết quả sản xuất kinh doanh nhất định. Hiệu quả không chỉ dùng để đánh giá trình độ sử dụng tổng hợp các nguồn lực đầu vào trong phạm vi trang trại, mà còn nói lên trình độ sử dụng từng nguồn lực (yếu tố đầu vào) trong từng hợp phần sản xuất và trong toàn bộ hoạt động của trang trại. Kết quả thu được càng cao và chi phí bỏ ra càng ít thì hiệu quả kinh tế càng cao.

Về mặt lượng, hiệu quả kinh tế biểu hiện mối tương quan giữa kết quả thu được với chi phí bỏ ra để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Về mặt chất, việc đạt được hiệu quả kinh tế cao phản ánh năng lực và trình độ quản lý các yếu tố, các ngành sản xuất kinh doanh, sự hợp lý trong lựa chọn phương hướng kinh doanh, chiến lược và các kế hoạch kinh doanh.

- Các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế tổng hợp thường được sử dụng trong phân tích kinh doanh là:

+ Tổng lợi nhuận: Đây là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của trang trại:

$$\text{Lợi nhuận} = \text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí}$$

+ Tỷ trọng chi phí trên sản lượng: để thấy mức sử dụng chi phí trong việc tạo ra 1 đồng tổng sản lượng của trang trại.

$$H (\%) = \frac{Q^G \cdot 100}{C^{TT}}$$

Trong đó: ( $Q^G$ ): giá trị tổng sản lượng; ( $C^{TT}$ ): tổng chi phí thực tế

+ Tỷ lệ chi phí thực tế và chi phí kế hoạch: để thấy mức độ tiết kiệm hay lãng phí trong sản xuất kinh doanh.

$$H (\%) = \frac{C^{TT} \cdot 100}{C^{KH}}$$

Trong đó: ( $C^{TT}$ ): chi phí thực tế; ( $C^{KH}$ ): chi phí kế hoạch

- Các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực sản xuất

+ Tỷ suất sinh lời trên một đồng vốn kinh doanh: là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh mức độ đạt hiệu quả kinh doanh của toàn bộ số vốn mà trang trại sử dụng, được tính theo công thức:

$$D^{VKD} = \frac{\Pi^R + \Pi^V}{V^{KD}}$$

Trong đó:  $D^{VKD}$  là tỷ suất doanh lợi của toàn bộ vốn kinh doanh

$\Pi^R$  là lãi ròng,  $\Pi^V$  là lãi trả vốn vay

$V^{KD}$  là tổng vốn kinh doanh của trang trại

+ Tỷ suất doanh lợi trên 1 đồng chi phí: để thấy khả năng sinh lợi của mỗi đồng chi phí bỏ vào sản xuất kinh doanh.

$$D (\%) = \text{Lợi nhuận ròng} / \text{tổng chi phí} \times 100$$

$$D (\%) = \text{Lợi nhuận ròng} / \text{tổng doanh thu} \times 100$$

+ Tỷ lệ sinh lợi của của vốn tự có:

$$D^{VTC} (\%) = \frac{\Pi^R \cdot 100}{V^{TC}}$$

Trong đó:  $D^{VTC}$  là tỷ suất doanh lợi của vốn tự có

$V^{TC}$  là tổng vốn tự có của trang trại trong một thời kỳ nhất định.

+ Ngoài các chỉ tiêu khác như: năng suất ruộng đất, năng suất lao động, giá thành sản phẩm, thu nhập của người lao động....

Trong khi phân tích hoạt động kinh doanh của trang trại, cần phải chú ý đến những chi phí kinh tế để đánh giá một cách đầy đủ những cơ hội sản xuất kinh doanh và khai thác triệt để tiềm lực sẵn có của trang trại nhằm đạt được mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận.

Bài giảng Quản lý Trang trại

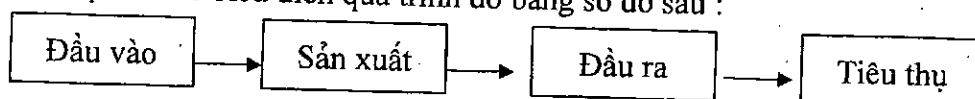
## BÁN SẢN PHẨM VÀ PHÂN BỐ DOANH THU TRONG TRANG TRẠI

### I. TỔ CHỨC BÁN SẢN PHẨM

#### 1.1 Vai trò và đặc điểm của tiêu thụ sản phẩm trang trại

- **Vai trò**

Tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp là một khâu quan trọng của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại. Đó chính là quá trình thực hiện giá trị của sản phẩm, là giai đoạn làm cho sản phẩm ra khỏi quá trình sản xuất và bước vào lưu thông, đưa sản phẩm từ lĩnh vực lưu thông sang lĩnh vực tiêu thụ. Có thể biểu diễn quá trình đó bằng sơ đồ sau :



Đối với sản xuất, tổ chức tốt và có hiệu quả việc tiêu thụ sản phẩm sẽ có tác dụng mạnh mẽ đến quá trình sản xuất.

- + Giúp cho việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất hợp lý
- + Sử dụng hợp lý vốn sản xuất, tránh ứ đọng và nhanh chóng thực hiện quá trình tái sản xuất.

Đối với tiêu dùng, tiêu thụ tốt sản phẩm sẽ đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu dùng đồng thời còn có tác dụng điều chỉnh và hướng dẫn tiêu dùng mới, đặc biệt đối với các sản phẩm mới. Thông qua tiêu thụ sản phẩm mà nắm bắt thị hiếu người tiêu dùng về số lượng, chất lượng, mẫu mã, chủng loại mặt hàng. Trên cơ sở đó, có sự điều chỉnh cho hợp lý trong quá trình sản xuất.

- **Đặc điểm tiêu thụ sản phẩm trong các trang trại**

Đặc điểm tiêu thụ sản phẩm trong trang trại gắn liền với đặc điểm của sản xuất nông nghiệp, với sản phẩm nông nghiệp và thị trường nông nghiệp. Những đặc điểm đó là :

- Sản phẩm nông nghiệp và thị trường nông sản mang tính chất vùng và khu vực. Vì vậy lợi thế so sánh của các vùng là yếu tố quan trọng trong việc lựa chọn hướng sản xuất kinh doanh của trang trại và tổ chức hợp lý quá trình tiêu thụ sản phẩm.

- Tính chất mùa vụ của sản xuất nông nghiệp có tác động đến cung-cầu của thị trường và giá cả nông sản. Thường xảy ra trường hợp giá cả leo thang vào đầu vụ do sản phẩm khan hiếm và giảm mạnh vào cuối vụ do dư thừa sản phẩm. Vì vậy, việc chế biến, bảo quản và dự trữ sản phẩm để đảm bảo cung cầu tương đối ổn định là yêu cầu được chú ý đến trong quá trình tiêu thụ sản phẩm.

- Sản phẩm nông nghiệp đa dạng, phong phú, trở thành nhu cầu tối thiểu hàng ngày của mỗi người, với thị trường rộng lớn, nên việc tổ chức tiêu thụ phải hết sức linh hoạt. Sản phẩm công kênh, tươi sống, khó bảo quản, chuyên chở xa, vì vậy phải có nhiều hình thức dự trữ, vận chuyển và tiêu thụ linh hoạt, hợp lý.

- Một bộ phận lớn nông sản như lương thực, thực phẩm được tiêu dùng nội bộ hoặc với tư cách là tự liệu sản xuất. Vì vậy cần phải đánh giá chính xác cung cầu của thị trường để sản xuất lượng sản phẩm hợp lý.

### 3.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tổ chức tiêu thụ sản phẩm của trang trại

- **Nhóm nhân tố thị trường**

- Nhu cầu thị trường về nông sản : Cầu nông sản phụ thuộc vào thu nhập, cơ cấu dân cư ở các vùng, các khu vực.

Đối với sản phẩm nông nghiệp, khi thu nhập dân cư tăng lên thì cầu về nông sản có thể diễn ra theo chiều hướng tăng lên đối với các sản phẩm có nhu cầu thiết yếu hàng ngày của dân cư và các sản phẩm cao cấp, đồng thời giảm đối với các sản phẩm kém phẩm chất và cấp thấp.

Cơ cấu dân cư ảnh hưởng đến cầu. Ở vùng nông thôn, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm chủ yếu tự do cung ứng, việc tổ chức các chợ nông thôn để trao đổi sản phẩm tại chỗ có ý nghĩa rất quan trọng. Ở vùng thành thị, vùng dân cư phi nông nghiệp, nhu cầu tiêu dùng nông sản hàng ngày có số lượng lớn và chất lượng cao, việc tổ chức các cửa hàng, các ki-tốt, đại lý trở nên cần thiết.

Những sản phẩm manh tinh chất nguyên liệu và phải thông qua chế biến, cần có tổ chức tiêu thụ đặc biệt thông qua hợp đồng và phải tổ chức tốt việc bảo quản để đảm bảo chất lượng sản phẩm.

- Cung sản phẩm nông nghiệp là một yếu tố quan trọng trong cơ chế thị trường. Có nhiều đơn vị, nhiều thành phần kinh tế tham gia vào sản xuất sản phẩm nông nghiệp. Vì vậy, trang trại phải tìm hiểu khả năng sản xuất loại sản phẩm mà mình sản xuất. Hay nói cách khác, phải tìm hiểu đối thủ cạnh tranh về mặt số lượng, chất lượng sản phẩm và đối tượng khách hàng.

- Giá là một yếu tố quan trọng, là thước đo sự cân bằng cung-cầu trong nền kinh tế thị trường. Giá cả tăng cho thấy sản phẩm đó đang khan hiếm, cầu lớn hơn cung và ngược lại. Tuy nhiên khi xem xét yếu tố giá cả cần chú ý đến các loại sản phẩm:

+ Loại sản phẩm cao cấp : thông thường giá cả thị trường tăng lên thì cầu lại giảm

+ Loại sản phẩm thay thế : Khi giá cả của sản phẩm này tăng lên thì nhu cầu của sản phẩm thay thế có thể tăng lên.

+ Loại sản phẩm bổ sung : Là những sản phẩm mà khi sử dụng một loại sản phẩm này phải sử dụng kèm theo loại sản phẩm khác (ví dụ : cà phê, đường)

- **Nhóm nhân tố về cơ sở vật chất - kỹ thuật và công nghệ của sản xuất và tiêu thụ sản phẩm**

- Các nhân tố về cơ sở vật chất-kỹ thuật : Bao gồm hệ thống cơ sở hạ tầng, đường sá giao thông, phương tiện vận tải, bến cảng, kho bãi, hệ thống thông tin liên lạc. Hệ thống này đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo lưu thông nhanh chóng, kịp thời, bảo đảm an toàn cho việc tiêu thụ hàng hóa.

- Các nhân tố về kỹ thuật và công nghệ sản xuất chế biến : Hệ thống chế biến với những dây chuyền công nghệ tiên tiến sẽ làm tăng thêm giá trị của sản phẩm. Công nghệ chế biến, công nghệ sau thu hoạch của các sản phẩm nông nghiệp vừa tránh sự hao hụt mất mát trong quá trình thu hoạch vừa tăng thêm chất lượng và giá trị sản phẩm.

- **Nhóm chính sách kinh tế vĩ mô**

Bên cạnh chịu chi phối bởi các qui luật cung, cầu, giá cả,... việc tiêu thụ sản phẩm của trang trại còn chịu tác động của các chính sách vĩ mô của Nhà nước, bao gồm :

- Chính sách kinh tế nhiều thành phần : Có nhiều thành phần kinh tế tham gia vào vào sản xuất nông nghiệp như : kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã, kinh tế nông hộ, ...Điều đó nói lên rằng

sản phẩm nông nghiệp là do nhiều đơn vị sản xuất tạo ra. Việc qui định vai trò, vị trí của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế là quan trọng nhằm bảo đảm tính ổn định của sản xuất.

- Chính sách tiêu dùng : Chính sách thu mua và phân phối sản phẩm nông nghiệp, chính sách trợ giá của nhà nước, ... nhằm khuyến khích tiêu dùng và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Chính sách đầu tư và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật : Cải tiến công nghệ sản xuất, chế biến, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tạo điều kiện thuận lợi cho tiêu thụ sản phẩm.

### 1.3 Nội dung tổ chức tiêu thụ sản phẩm của trang trại

#### 1.3.1 Nghiên cứu và dự báo thị trường

Nghiên cứu và dự báo thị trường giúp cho trang trại có những điều chỉnh bổ sung và quyết định đúng đắn trong sự phát triển sản xuất kinh doanh của mình.

- Nghiên cứu thị trường

Nghiên cứu thị trường nhằm xác định khả năng tiêu thụ sản phẩm của trang trại. Trên cơ sở đó nâng cao khả năng thích ứng với thị trường của sản phẩm trang trại. Từ đó tiến hành tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của trang trại có hiệu quả.

Nghiên cứu thị trường bao gồm việc nghiên cứu khả năng thâm nhập và mở rộng thị trường của trang trại. Nghiên cứu các đối tượng tiêu dùng sản phẩm của trang trại về số lượng, chất lượng, cơ cấu, chủng loại, thời gian, địa điểm. Đồng thời nghiên cứu cả đối thủ cạnh tranh của mình.

Nghiên cứu thị trường có thể thông qua sự biến động giá cả của thị trường, qua phương pháp tiếp thị của cán bộ, nhân viên trang trại, tổ chức các hội nghị khách hàng, ... Khi nghiên cứu cần phân loại hàng hóa tiêu thụ theo giới tính và tuổi tác, ... để đánh giá chính xác nhu cầu của khách hàng. Khi nghiên cứu đối thủ cạnh tranh cần chú ý đến tiềm năng kinh tế, kỹ thuật và khả năng thâm nhập vùng thị trường của từng đối thủ cạnh tranh.

- Dự báo thị trường : Nghiên cứu nắm bắt thị trường bên cạnh để đưa ra các giải pháp thích hợp đối với việc tiêu thụ sản phẩm của nông trại, nó còn là là cơ sở cho việc phân tích và dự báo thị trường.

Nội dung của dự báo thị trường bao gồm : dự báo khả năng và triển vọng về cung cầu sản phẩm trang trại đang sản xuất và các loại sản phẩm mới mà các trang trại có thể sản xuất. Dự báo về khách hàng để lựa chọn những khách hàng chủ lực, thường xuyên của trang trại, xác định nhóm khách hàng mới. Dự báo về số lượng và chủng loại sản phẩm có triển vọng. Dự báo thời gian, không gian tiêu thụ sản phẩm, ... và dự báo xu hướng biến động của giá cả.

#### 1.3.2 Xác định giá cả tiêu thụ

Giá cả là yếu tố rất quan trọng trong nền kinh tế hàng hóa. Nó là công cụ quan trọng điều chỉnh mối quan hệ cung cầu. Giá cả còn là công cụ để điều phối lại lợi nhuận của trang trại.

Việc xác định đúng giá cả giúp cho trang trại bảo tồn được vốn sản xuất và sản xuất có lãi. Giá tiêu thụ sản phẩm được xác định như sau :

$$\text{Giá bán} = \text{Chi phí sản xuất} + \text{Chi phí lưu thông} + \text{Lợi nhuận hợp lý}$$

Khi chi phí sản xuất tăng, thường nhà sản xuất phải tăng giá bán để đảm bảo lợi nhuận. Tuy nhiên trong điều kiện cạnh tranh, việc tăng giá phải được xem xét một cách thận trọng.

Sự thay đổi về giá chịu sự chi phối của qui luật cung cầu. Cầu vượt quá sức sản xuất thì làm cho giá tăng và ngược lại. Song do có thị trường cạnh tranh nên không có sự gia tăng liên tục mà nó sẽ được điều chỉnh ở mức giá ổn định.

Nhà sản xuất phải luôn chú ý đến các yếu tố làm thay đổi giá để có sự điều chỉnh giá sản phẩm cho hợp lý vừa bù đắp được chi phí vừa đảm bảo cho trang trại có lãi. Lựa chọn thời điểm bán hàng hợp lý cũng là một yếu tố quan trọng và là nghệ thuật của người quản lý.

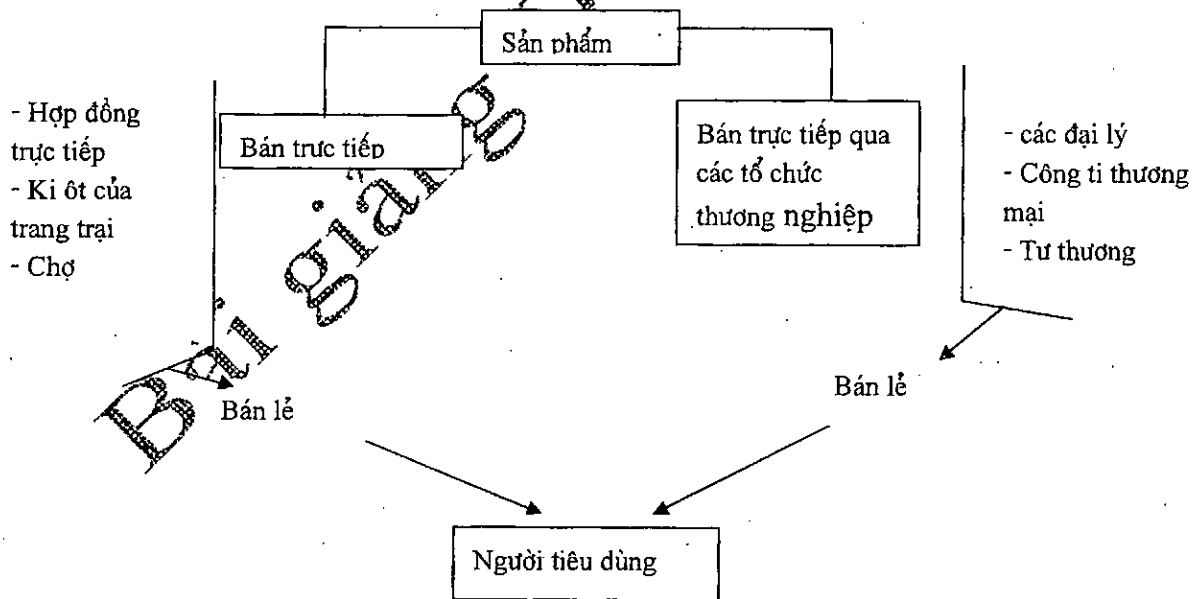
### 1.3.3 Tổ chức tiếp thị, giới thiệu sản phẩm

Nhằm hướng dẫn và thu hút sự chú ý của khách hàng đối với sản phẩm của trang trại. Quảng cáo và giới thiệu sản phẩm có thể thực hiện thông qua các hội chợ triển lãm, các phương tiện thông tin đại chúng.

Đối với sản phẩm chế biến, cần đăng ký sản phẩm về qui cách, mẫu mã, giúp cho trang trại đảm bảo sở hữu công nghiệp về sản phẩm của mình, tránh làm hàng hóa giả, lợi dụng uy tín của người khác.

### 1.3.4 Tổ chức mạng lưới tiêu thụ sản phẩm

Là việc tổ chức đưa sản phẩm đến người tiêu dùng. Trong nền kinh tế thị trường, khách hàng, người tiêu dùng là đối tượng phục vụ của sản xuất. Vì vậy phải lựa chọn phương thức nào để đưa sản phẩm đến người tiêu dùng nhanh, kịp thời và thuận lợi nhất. Việc đưa sản phẩm đến người tiêu dùng có thể theo sơ đồ sau



Như vậy có hai kênh tiêu thụ sản phẩm: Trực tiếp và gián tiếp. Việc lựa chọn phương thức tiêu thụ nào là tùy thuộc vào đặc điểm và vai trò của các sản phẩm tiêu thụ như công kênh, khó bảo quản, tính chất quan trọng của hàng hóa, hàng tiêu dùng trực tiếp, hàng qua chế biến và khối lượng hàng hóa sản phẩm tiêu thụ.

### 1.3.5 Tổ chức các hoạt động dịch vụ

- Dịch vụ trước khi bán hàng: dịch vụ thông tin, giới thiệu, chào hàng; các dịch vụ về chuẩn bị hàng hóa, đóng gói sẵn theo yêu cầu của khách hàng, đặt hàng trước, ký hợp đồng, ...
- + Dịch vụ trong khi bán hàng: Bốc vát, chuyên chở, giao hàng tận nơi theo yêu cầu của khách hàng.

## II. PHÂN PHỐI DOANH THU TRONG TRANG TRẠI

### 2.1 Giá trị tổng sản phẩm và cơ cấu giá trị tổng sản phẩm của trang trại

Tổng sản phẩm của các trang trại là toàn bộ khối lượng sản phẩm hoặc dịch vụ các hoạt động mà trang trại tạo ra trong một năm. Giá trị tổng sản phẩm là toàn bộ giá trị sản phẩm và dịch vụ của trang trại. Giá trị tổng sản phẩm của trang trại được tạo ra trong năm bao gồm giá trị sản phẩm từ các hoạt động sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, ... của trang trại, giá trị mới tăng thêm của các công trình xây dựng cơ bản, giá trị các dịch vụ, tiền lãi gửi ngân hàng và khấu hao.

Theo quy định và hướng dẫn của tổ chức nông nghiệp thế giới FAO, giá trị tổng sản phẩm của trang trại nông nghiệp là P bao gồm:

Giá trị tiêu dùng trung gian hay chi phí trung gian (CI): là chi phí của các nhân tố bị tiêu hao trong một chu kỳ sản xuất. Những chi phí này được chuyển vào giá trị sản xuất và được bù đắp lại sau mỗi chu kỳ sản xuất để thực hiện tái sản xuất. Các chi phí này bao gồm: chi phí về hạt giống, phân bón, thuốc trừ sâu, nhiên liệu, chi phí vận chuyển, thức ăn gia súc, thuốc thú y, chi phí bảo dưỡng sửa chữa, các chi phí thuê mướn, chi phí dụng cụ, chi phí quản lý và các chi phí khác.

Trong chi phí trung gian, có chi phí do trang trại tự sản xuất như chi phí hạt giống, phân hữu cơ, giống gia súc, thức ăn gia súc... Những loại chi phí này có thể tính quy đổi theo giá trị hiện hành tại thời điểm các chi phí thuê mướn bao gồm cả những thuê mướn dịch vụ hoặc thuê làm lao động. Ví dụ trong các hộ nông dân, các trang trại thuê làm đất, thuê cây, thuê gặt... có tính thời vụ thực chất là thuê lao động không thường xuyên. Trong trường hợp đó có thể tính vào chi phí thuê mướn và ký hiệu là thuộc chi phí trung gian CI.

- Giá trị tăng thêm (VA) là bộ phận quan trọng nhất trong giá trị tổng sản phẩm của trang trại. Đó chính là giá trị tăng thêm của yếu tố ban đầu (tiêu dùng trung gian). Nó là hiệu số giữa giá trị sản phẩm và giá trị tiêu dùng trung gian.

$$VA = P - CI$$

Giá trị tăng thêm bao gồm các bộ phận cấu thành sau:

- Lợi nhuận thô của trang trại (ký hiệu là RE) là bộ phận giá trị tăng thêm sau khi đã trừ đi.

+ Chi phí lao động cần thiết cho mọi quá trình sản xuất được biểu hiện dưới hình thức tiền lương hay trả công lao động ở đây thuộc việc thuê lao động thường xuyên của các trang trại. Trường hợp thuê lao động ngoài có tính thời vụ, không thường xuyên gắn liền với dịch vụ được tính vào chi phí trung gian.

+ Các chi phí về dịch vụ tài chính tạo điều kiện cho các hoạt động sản xuất kinh doanh như trả tiền lãi vay ngân hàng (ký hiệu f) các lệ phí, thuế, bảo hiểm.

+ Các chi phí quản lý, các chi phí khác (ký hiệu T).

$$RE = VA - (W + f + T)$$

- Lợi nhuận ròng ( lợi nhuận thuần) của trang trại được sử dụng cho việc đầu tư thêm, tiêu dùng hay tiết kiệm của trang trại (ký hiệu LNE). Nó là hiệu số giữa lợi nhuận thô (RE) và khấu hao (ký hiệu là A).

$$LNE = RE - A$$

Như vậy các bộ phận hình thành giá trị tổng sản phẩm của trang trại thể hiện như sau:

$$P = CI + VA \\ = CI + W + f + T + A + LNE$$

Hiện nay có rất nhiều trang trại gia đình, lao động do gia đình đảm nhiệm và không tính trả tiền lương, tiền công thì lợi nhuận thô RE và lợi nhuận ròng LNE của trang trại được coi như là thu nhập thô và thu nhập ròng. Có nhiều trang trại chưa chiết tính khấu hao (A), vì thế lợi nhuận thô và lợi nhuận ròng (thu nhập thô và thu nhập ròng) là như nhau. Trong trường hợp mà các trang trại không tính trả tiền công lao động (trong hầu hết các trường hợp kinh tế hộ hiện nay) thì phần thu nhập thô, thu nhập ròng của các trang trại còn bao gồm cả phần để tiêu dùng cá nhân cho hộ gia đình, còn một phần để tiết kiệm hay đầu tư vào tái sản xuất mở rộng. Tỷ lệ này là bất nhiều phụ thuộc vào tình hình cụ thể của trang trại mà trực tiếp là phụ thuộc vào quy mô thu nhập.

## 2.2 Nội dung cơ bản và yêu cầu của phân bổ doanh thu trong trang trại

Phân phối tổng sản phẩm thực chất là phân phối bộ phận giá trị tăng thêm tức là thu nhập của trang trại. Bởi vậy phân phối phản ánh một loạt các quan hệ giữa các sản xuất và tiêu dùng, giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa các lợi ích kinh tế của các tác nhân tham gia vào sản xuất để tái sản xuất các bộ phận tham gia vào việc hình thành sản phẩm.

- Các giá trị tiêu dùng trung gian CI phải được tính đầy đủ, chính xác cho từng loại sản phẩm hoặc hoạt động dịch vụ của trang trại và phải được bù đắp ngay sau mỗi chu kỳ sản xuất. Tính toán đúng đắn và đầy đủ bộ phận này sau mỗi chu kỳ sản xuất các yếu tố ban đầu tham gia vào sản xuất sản phẩm là cần thiết và phải làm trước tiên sau mỗi chu kỳ sản xuất.

- Phần còn lại của giá trị sản phẩm sau khi đã trừ đi tiêu dùng trung gian - phần giá trị tăng thêm sẽ được phân phối cho các tác nhân tham gia và sản xuất - kinh doanh của trang trại như sau:

+ Trước hết là bù đắp hao phí lao động dưới hình thức tiền lương hay trả tiền công thuê lao động. Ở đây thể hiện mối quan hệ giữa lợi ích của trang trại và người lao động, thể hiện mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng. Tiền lương hay tiền công được trả cho người lao động là để tái sản xuất sức lao động cho bản thân người lao động.

+ Các chi phí tài chính bao gồm lệ phí, lãi vay ngân hàng... thể hiện mối quan hệ của trang trại với các tổ chức tài chính. Đây là chi phí tiền lãi và các lệ phí tài chính mà trang trại phải trích nộp cho các tổ chức tài chính. Trong nền kinh tế thị trường, sự tham gia của các tổ chức tài chính vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các trang trại ngày càng lớn, góp phần vào việc tạo vốn, bảo đảm tài chính cho hoạt động của trang trại.

+ Các chi phí về các loại thuế thể hiện mối quan hệ của trang trại với Nhà nước.

+ Khấu hao: Là phần bù đắp hao mòn của tài sản cố định để tái đầu tư và bảo tồn vốn sản xuất của trang trại.

- Phần còn lại của giá trị tăng thêm sau khi đã trừ đi các khoản nói trên là lợi nhuận ròng của trang trại. Phần này được sử dụng cho việc đầu tư tăng thêm để mở rộng sản xuất kinh doanh hay tiết

kiệm, trích lập các quỹ của trang trại, đặc biệt quan trọng là quỹ phát triển sản xuất và quỹ dự phòng.

Việc phân phối tổng sản phẩm trong các trang trại phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau:

- Các yếu tố chi phí sản xuất phải được tính đúng, tính đủ, đặc biệt lưu ý đến yếu tố giá cả.
- Phần chi phí biểu hiện dưới hình thức trả thù lao cho lao động phải được quan tâm đúng mức, có tính đến sự khác nhau về hao phí giữa các hoạt động sản xuất. Bảo đảm bình đẳng, công bằng cho người lao động trong quá trình tham gia lao động.
- Phần thuế trích nộp Nhà nước phải thực hiện đúng luật định.

**Bài giảng Quản lý Trang trại**

## Chương 7

# PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ

### I. KHÁI NIỆM ĐẦU TƯ

Đầu tư có thể hiểu đơn giản là bỏ ra một khoản tiền (vốn) vào một hoạt động sản xuất kinh doanh với mong đợi sẽ nhận được một khoản tiền (giá trị) lớn hơn khoản tiền bỏ ra sau một thời gian nhất định.

Đầu tư là đề cập đến sự lựa chọn. Có rất nhiều cơ hội đầu tư trên trang trại, mỗi cơ hội đầu tư tạo ra một mức doanh lợi khác nhau. Đứng trước những cơ hội đó, chủ trang trại yêu cầu phải chọn lựa một cơ hội đầu tư tốt nhất hay ra một quyết định đầu tư, chẳng hạn như nên mua máy móc hay tiếp tục thuê; có nên xây dựng hệ thống thủy lợi hay không; trồng loại cây trồng này hay cây trồng khác; ... Quyết định đầu tư là rất quan trọng vì nó sẽ chiếm dụng một khoản tiền lớn và quyết định đến lợi nhuận của trang trại trong nhiều năm sau đó. Để có một quyết định đầu tư đúng đắn, chủ phải đánh giá được nguồn vốn đầu tư sẽ sử dụng, phân tích lợi nhuận, tiềm năng mà nguồn vốn đó mang lại thông qua một số phương pháp phân tích đầu tư.

### II. PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ CỦA TRANG TRẠI

#### 3.1 Khái niệm phân tích đầu tư

Phân tích đầu tư, đôi khi còn gọi lập kế hoạch vốn là một tiến trình xác định khả năng sinh lợi của một khoản đầu tư hay so sánh khả năng sinh lợi của hai hay nhiều khoản đầu tư khác nhau.

Phân tích toàn diện một khoản đầu tư đòi hỏi 4 loại thông tin: (1) Thu nhập bằng tiền hàng năm của khoản đầu tư; (2) Chi phí ban đầu của khoản đầu tư; (3) Giá trị cuối cùng của khoản đầu tư; (4) Tỷ lệ sinh lợi hay tỷ lệ chiết khấu được sử dụng.

Thu nhập tiền mặt hay dòng tiền mặt phải được đánh giá hàng năm trong suốt chu kỳ đầu tư. Thu nhập tiền mặt trừ đi khoản chi tiền mặt sẽ bằng khoản thu nhập thuần cộng thêm được tạo ra bởi khoản đầu tư. Khấu hao không được xem là chi phí hàng năm bởi vì khấu hao là dạng chi phí không bằng tiền và đã được tính đến bằng chênh lệch giữa chi phí ban đầu và giá trị cuối cùng của khoản đầu tư.

Chi phí đầu tư là tổng các khoản chi phí dùng để mua sắm chứ không phải là giá niêm yết. Giá trị cuối cùng của khoản đầu tư là giá trị còn lại sau chu kỳ đầu tư.

Tỷ lệ sinh lợi hay tỷ lệ chiết khấu thường là một trong những loại thông tin đánh giá khó khăn hơn. Chỉ số cơ hội của vốn thể hiện suất thu hồi vốn tối thiểu cần để chứng minh hiệu quả đầu tư. Một cách đơn giản, sử dụng suất thu hồi vốn tối thiểu như là tỷ lệ sinh lợi hay tỷ lệ chiết khấu. Thông thường sử dụng tỷ lệ lãi xuất ngân hàng như là tỷ lệ sinh lợi hay tỷ lệ chiết khấu.

#### 3.2 Giá trị thời gian của tiền tệ

Giá trị tiền tệ sẽ thay đổi theo thời gian. Chẳng hạn, giá trị của 1 triệu đồng ngày hôm nay sẽ lớn hơn giá trị của 1 triệu đồng ở thời điểm 5 năm sau. Đứng dưới góc độ đầu tư, chúng ta có thể nhận ra điều này thông qua một cách tính toán đơn giản. Nếu ta sử dụng một 1 triệu đồng ngày hôm nay để đầu tư sinh lãi (gửi ngân hàng), sau 5 năm sẽ nhận được một khoản tiền là 1 triệu đồng hiện tại cộng thêm phần lãi, và rõ ràng lớn hơn 1 triệu đồng. Lãi xuất thể hiện chi phí cơ hội của việc

nhận một triệu đồng trong tương lai thay vì hôm nay. Hơn nữa, có nhiều rủi ro ngoài dự đoán có thể cản trở chúng ta nhận được một triệu đồng trong tương lai.

### 3.2.1 Giá trị tương lai của tiền tệ (FV)

a. *Khái niệm*: Là số lượng tiền tại một thời điểm trong tương lai được qui đổi từ một khoản tiền (đầu tư) hiện tại.

#### b. *Tính giá trị tương lai của tiền tệ*

Giá trị tương lai của tiền tệ phụ thuộc vào 3 yếu tố: Khoản đầu tư ban đầu, lãi suất sinh lợi, khoảng thời gian thanh toán so với hiện tại. Công thức tổng quát để tính giá trị tương lai của tiền tệ như sau:

$$V_n = V_0(1+r)^n$$

Trong đó,  $V_n$ : giá trị tương lai tại năm thứ  $n$

$V_0$ : giá trị khoản đầu tư tại thời điểm hiện tại

$r$ : tỉ lệ sinh lợi (lãi suất ngân hàng)

$n$ : số năm

+ Chứng minh:

Để đơn giản, chúng ta tính giá trị tương lai  $V_n$  tại thời điểm cuối năm thứ 3 của khoản đầu tư  $V_0$  vào đầu năm thứ nhất. Khoản tiền thu được sau ba năm như sau:

Thời điểm	Giá trị	Giải thích
Cuối năm thứ nhất	$V_0 + V_0 \times r = V_0(1+r)$	Gốc cộng lãi xuất từ gốc
Cuối năm thứ hai	$V_0(1+r) + V_0(1+r) \times r = V_0(1+r)^2$	Khoản tiền nhận được ở cuối năm 1 + lãi xuất của nó
Cuối năm thứ ba	$V_0(1+r)^2 + V_0(1+r)^2 \times r = V_0(1+r)^3$	Khoản tiền nhận được ở cuối năm 2 + lãi xuất của nó

Như vậy giá trị tương lai của khoản đầu tư hiện tại  $V_0$  ở cuối năm thứ 3 là  $V_0(1+r)^3$ . Tương tự như thế chúng ta có thể tính cho  $n$  năm và sẽ được giá trị là  $V_0(1+r)^n$ .

Từ công thức tổng quát trên, chúng ta có thể phát triển thành các công thức tính giá trị tương lai của tiền tệ trong những trường hợp cụ thể như: đầu tư một lần, đầu tư phân bổ hàng năm, đầu tư phân bổ từng giai đoạn.

### 3.2.2 Giá trị hiện tại của tiền tệ (PV)

a. *Khái niệm*: Là số lượng tiền hiện tại được qui đổi từ một khoản tiền (đầu tư) trong tương lai.

#### b. *Tính giá trị hiện tại của tiền tệ*

Giá trị hiện tại được tìm bằng phương pháp gọi là chiết tính lùi về thời điểm hiện tại để tìm giá trị hiện tại hay giá trị hiện hành của một khoản tiền trong tương lai. Vì vậy tỉ lệ  $r$  ở đây được gọi là tỉ lệ chiết khấu thay vì tỉ lệ sinh lợi.

Tính giá trị hiện tại của một khoản tiền trong tương lai có nghĩa là xác định khoản tiền (đầu tư) cần thiết ở tại thời điểm hiện tại với lãi xuất đã cho để có được một số tiền bằng với số tiền trong tương. Công thức tổng quát để tính giá trị hiện tại của tiền tệ như sau:

$$V_0 = V_n / (1+r)^n$$

Trong từng trường hợp cụ thể như nói ở trên, chúng ta có thể phát triển thành các công thức khác nhau.

### 3.3 Các phương pháp phân tích đầu tư

#### 3.3.1 Phương pháp thời hạn hoàn vốn

Thời hạn hoàn vốn là số năm cần thiết để cho một khoản đầu tư sinh lợi đủ bù lại chi phí ban đầu nhờ vào khoản thu tiền mặt hàng năm mà nó tạo ra.

Ví dụ dưới đây cho thấy hai khoản đầu tư, mỗi khoản cần vốn ban đầu là 10 triệu, nhưng cho hai dòng tiền mặt khác nhau. Để đơn giản, xem giá trị cuối cùng của khoản đầu tư bằng 0 và chi phí đầu tư ban đầu xuất hiện ở năm 0. Dòng tiền mặt thuần của hai khoản đầu tư được thể hiện ở bảng dưới đây :

Năm	Khoản đầu tư A	Khoản đầu tư B
0	(10.000)	(10.000)
1	3.000	1.000
2	3.000	2.000
3	3.000	3.000
4	3.000	4.000
5	3.000	6.000
Tổng	15.000	16.000
Thời gian hoàn vốn (năm)	3,3	4,0
Dòng tiền mặt hàng năm	3.000	3.200
Trừ khấu hao hàng năm	-2000	-2.000
Thu nhập thuần hàng năm	1.000	1.200

Khi dòng tiền mặt thuần hàng năm của khoản đầu tư giống nhau, thời hạn hoàn vốn được tính bằng cách chia tổng vốn đầu tư cho dòng tiền mặt hàng năm, theo công thức sau :

$$P = I/E$$

Trong đó :

P : thời gian hoàn vốn tính theo năm

I : số tiền đầu tư

E : dòng tiền mặt thuần dự tính hàng năm

E = dòng tiền mặt vào trừ dòng tiền mặt ra

Khi dòng tiền mặt hàng năm của khoản đầu tư không bằng nhau, thời hạn hoàn vốn có thể tính bằng cách xác định số năm mà tại đó tổng dòng tiền mặt thuần bằng với chi phí đầu tư ban đầu.

Phương pháp thời hạn hoàn vốn là đơn giản, dễ tính toán. Tuy nhiên nó có những thiếu sót nhất định, đó là :

+ Bỏ qua luồng tiền mặt phát sinh sau thời hạn thu hồi vốn cũng như bỏ qua giá trị thời gian của luồng tiền mặt trong suốt thời gian hoàn vốn.

+ Không thật sự đo lường khả năng sinh lợi của khoản đầu tư mà chỉ đơn thuần là đo lường khả năng hoàn vốn nhanh hay chậm.

Vì thế mà phương pháp này có thể dẫn đến một quyết định đầu tư tồi và không phải là phương pháp tốt nhất để phân tích đầu tư.

### 3.3.2 Phương pháp suất thu lợi đơn giản

Phương pháp suất sinh lợi đơn giản không chỉ xem xét tầm quan trọng của thu nhập mà còn tầm quan trọng của khối lượng vốn được sử dụng để tạo ra thu nhập đó. Cụ thể hơn, suất thu lợi đơn giản diễn tả thu nhập thuần trung bình hàng năm theo tỉ lệ phần trăm khoản đầu tư, được tính theo công thức :

$$\text{Suất thu lợi đơn giản} = \frac{\text{Thu nhập thuần trung bình hàng năm}}{\text{Chi phí đầu tư}} \times 100$$

Trong đó thu nhập thuần trung bình hàng năm tính bằng cách lấy dòng tiền mặt thuần trung bình hàng năm trừ đi khấu hao đầu tư trung bình hàng năm.

Từ ví dụ trên, suất sinh lợi đơn giản của hai khoản đầu tư A và B được tính như sau:

Khoản đầu tư A:  $1.000/10.000 \times 100 = 10\%$

Khoản đầu tư B:  $1.200/10.000 \times 100 = 12\%$

Theo phương pháp này, khoản đầu tư B được sắp xếp cao hơn khoản đầu tư A.

Ưu việt hơn phương pháp thời hạn hoàn vốn, phương pháp này có xem xét đến các khoản sinh lợi của một khoản đầu tư trên toàn bộ chu kỳ đầu tư. Tuy nhiên, phương pháp này sử dụng khoản sinh lợi trung bình hàng năm, không tính đến giá trị thời gian của các khoản sinh lợi hàng năm, nên có thể gây ra những thiếu sót khi lựa chọn khoản đầu tư.

### 3.3.3 Giá trị hiện tại thuần

Ưu việt hơn hai phương pháp trên, phương pháp này xem xét cả giá trị thời gian của tiền tệ cũng như dòng lưu chuyển tiền tệ trong suốt đời sống của khoản đầu tư.

Giá trị hiện tại thuần của một khoản đầu tư bằng tổng giá trị hiện tại của dòng tiền mặt thuần trừ đi chi phí ban đầu của khoản đầu tư.

$$NPV = P_1/(1+i)^1 + P_2/(1+i)^2 + \dots + P_n/(1+i)^n - C$$

Trong đó :

NPV : Giá trị hiện tại thuần

$P_n$  : dòng tiền mặt thuần năm thứ n

i : Tỉ lệ chiết khấu

Theo phương pháp này, những khoản đầu tư nào có NPV dương sẽ được lựa chọn, những khoản đầu tư có NPV âm không được lựa chọn, và những khoản đầu tư có NPV bằng không sẽ không thu hút các nhà đầu tư.

Khi NPV dương, tỉ suất sinh lợi của khoản đầu tư lớn hơn lãi suất chiết khấu được dùng để tính toán. Hay nói cách khác, tiền lãi thu được từ khoản đầu tư lớn hơn chi phí cơ hội của nó.

### 3.3.4 Suất nội hoàn

Giá trị thời gian của tiền tệ cũng được phản ánh bằng một phương pháp phân tích đầu tư khác, suất nội hoàn hay IRR.

Suất nội hoàn là lãi suất chiết khấu làm cho giá trị hiện tại thuần bằng không và có thể tính bằng cách thử dần. Đây là tỉ lệ sinh lợi thực sự của một khoản đầu tư có tính đến giá trị thời gian của tiền tệ. Phương trình để tính IRR là :

$$NPV = P_1/(1+i)^1 + P_2/(1+i)^2 + \dots + P_n/(1+i)^n - C$$

Cho NPV bằng không và phương trình được giải để tìm biến  $i$ , đó chính là suất nội hoàn.

Phương trình này được giải bằng một số phần mềm Excel hoặc máy tính chuyên dụng trong lĩnh vực tài chính. Tuy nhiên cũng có thể tính tay bằng cách thử dần và ước lượng gần đúng.

So sánh IRR với tỉ lệ lãi xuất ngân hàng để lựa chọn đầu tư. IRR càng lớn càng tốt và tối thiểu bằng với tỉ lệ lãi xuất ngân hàng.

Phương pháp này có một hạn chế tiềm ẩn là nó ngầm giả định rằng thu thuần hàng năm hoặc luồng tiền mặt thu được từ khoản đầu tư có thể đầu tư lại để thu lãi xuất bằng với suất nội hoàn. Nếu suất nội hoàn khá cao, giả định này rất có thể làm cho phương pháp IRR đánh giá quá cao suất nội hoàn thật sự.

### 3.3.5 Tính khả thi về tài chính

Các phương pháp phân tích đầu tư được thảo luận ở trên chỉ là khả phương pháp phân tích khả năng sinh lợi về mặt kinh tế. Các phương pháp này chưa trả lời câu hỏi, "Khoản đầu tư này có thuận lợi hay không?", đặc biệt là đối với các khoản đầu tư phải vay vốn.

Câu hỏi này có thể được trả lời thông qua việc xem xét luồng tiền mặt tạo ra hàng năm của khoản đầu tư. Nếu luồng tiền mặt tạo ra hàng năm lớn hơn hoặc bằng nợ vốn vay phải trả (lãi, gốc) hàng năm, thì khoản đầu tư đó là thuận lợi hay nói cách khác là có tính khả thi về tài chính. Ngược lại, nếu luồng tiền mặt tạo ra nhỏ hơn nợ vốn phải trả, trong trường hợp trang trại không có nguồn bù đắp, sẽ dẫn đến trường hợp thâm hụt vốn, nợ nần, hay nói cách khác là khoản đầu tư đó không thuận lợi.

### 3.3.6 Các yếu tố khác cần xem xét khi phân tích đầu tư

#### a. Lạm phát

Lạm phát là sự tăng chung trong mặt bằng giá cả theo thời gian, có tác động tới 3 yếu tố trong phân tích đầu tư: khoản thu tiền mặt thuần, giá trị sau cùng và tỉ lệ chiết khấu, vì vậy nó làm cho các giá trị tính toán dự kiến về khoản đầu tư sẽ bị sai lệch. Do đó, yếu tố lạm phát cần phải được đưa vào khi phân tích đầu tư bằng cách điều chỉnh tỉ lệ chiết khấu.

Nếu tỉ lệ lãi xuất ngân hàng được sử dụng làm tỉ lệ chiết khấu đã bao hàm lạm phát dự kiến thì khoản điều chỉnh được hiểu ngầm là đã thực hiện. Trong trường hợp khác, tỉ lệ sinh lợi hay tỉ lệ chiết khấu cần phải được điều chỉnh. Một tỉ lệ chiết khấu phải bao gồm ít nhất 2 phần: (1) Tỉ lệ lãi suất thực là lãi suất tồn tại khi không có lạm phát kể cả lạm phát thực hay lạm phát dự kiến và (2) một khoản điều chỉnh cho lạm phát, chính là tỉ lệ lạm phát được cộng vào. Một lãi suất chiết khấu được điều chỉnh theo lạm phát có thể được ước tính theo cách như sau:

- Lãi suất thực : 4%
- Lạm phát dự kiến : 6%
- Lãi suất chiết khấu điều chỉnh sẽ là :  $4\% + 6\% = 10\%$

*b. Rủi ro*

Rủi ro luôn tồn tại trong phân tích đầu tư vì khoản thu tiền mặt thuần và giá trị cuối cùng phụ thuộc vào giá cả và chi phí trong tương lai mà những giá cả, chi phí này lại luôn luôn biến động và rất khó dự đoán. Những thay đổi về giá trị không lường trước được có thể nhanh chóng biến một khoản đầu tư có lợi nhuận tiềm năng thành khoản đầu tư không đem lại lợi nhuận. Tuổi thọ của khoản đầu tư càng dài, càng khó ước lượng giá cả và chi phí trong tương lai. Một phương pháp kết hợp rủi ro là cộng thêm bảo hiểm rủi ro vào tỉ lệ chiết khấu. Tỉ lệ chiết khấu sau cùng gọi là lãi suất chiết khấu được điều chỉnh và được ước tính theo cách như sau :

Lãi suất thực không có rủi ro : 4%

Lạm phát dự kiến : 6%

Bảo hiểm rủi ro : 5%

Lãi suất chiết khấu điều chỉnh sẽ là :  $4\% + 6\% + 5\% = 15\%$

Tuy nhiên, mức bảo hiểm rủi ro được đánh giá một cách chủ quan và mỗi cá nhân khác nhau có thể đánh giá khác nhau ngay cùng một khoản đầu tư. Hơn nữa, thường nhà đầu tư sẵn lòng chấp nhận rủi ro cao vì thường khoản đầu tư gắn với rủi ro đi liền với thu nhập cao.

Bài giảng Quản lý Tài chính